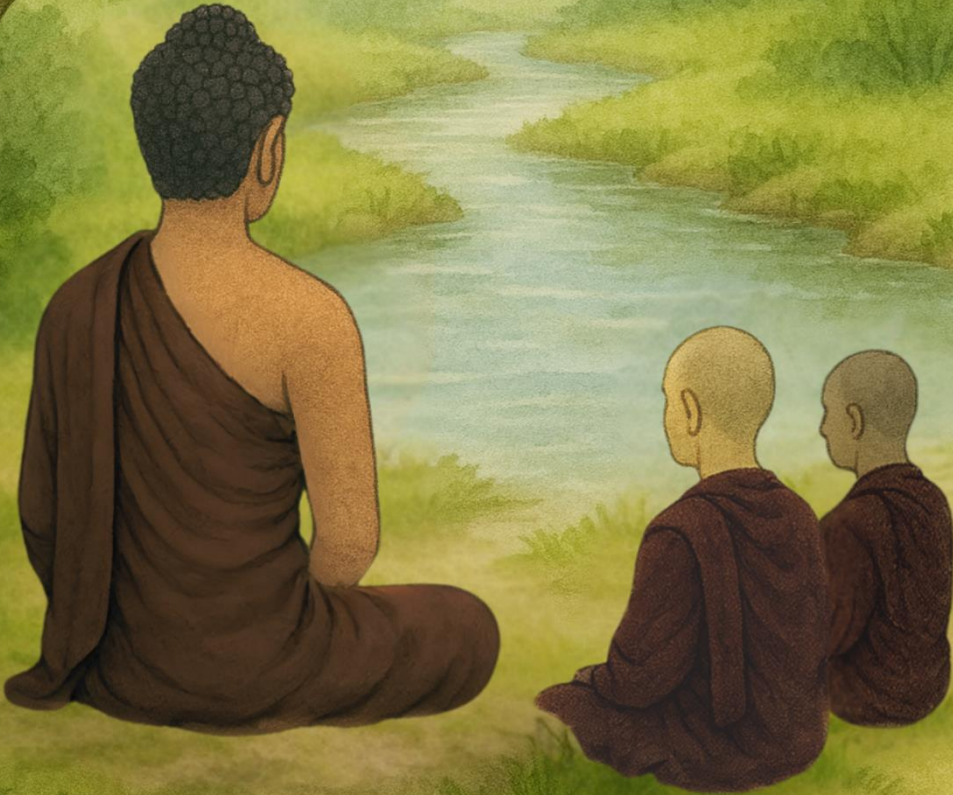




LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 6

MA NGŨ ẤM



Bhikkhu Visuddhamma

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	1
BÀI 26: LỤC GIAO BÁO	2
BÀI 27: NGŨ ẨM MA.....	32
BÀI 28: MA SẮC ẨM.....	58
BÀI 29: MA THỌ ẨM	75
BÀI 30: MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC SỐNG.....	134

LỜI GIỚI THIỆU

Đức Thế Tôn đã dạy: *Được làm người còn khó hơn con rùa mù dưới đáy biển 500 năm trời đầu lên một lần tìm bông cây trôi trên biển mà chui vào.*

Chúng ta, được làm người, trong khoảng thời gian ngắn ngủi không xác định, để làm gì? lẽ nào như cây tầm gửi, bám víu, hết một đời lại tiếp tục trôi lăn trong ba cõi sáu đường, để mãi mãi chỉ là những con “ma”?

Đã ai từng thấy “ma”? biết “ma” là gì? “ma” sinh ra từ đâu? “ma” ngụ ở đâu và đi về cõi nào?... Tất cả chỉ là danh sắc, vọng tưởng điên đảo... mà nếu không thấy được, uổng một kiếp người, khó nhọc lắm mới được!

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

BÀI 26: LỤC GIAO BẢO

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan bảy lần, ngài A Nan cũng không biết tâm nằm ở chỗ nào và những câu trả lời khi được hỏi thì đều nói tới những vọng tưởng điên đảo. Ở nơi ấy gọi là cái tâm điên đảo, chứ không phải là chơn tâm thường trụ hay diệu tâm. Nó hoàn toàn bị căn – trần – thức giao thoa quấy nhiễu, do mười tám “thăng giặc” quấy nhiễu.

Đức Thế Tôn cũng hỏi hai mươi lăm vị Đại Đề Tử, hai mươi lăm vị ấy đều nói lên cái sở đắc của mình, mỗi vị đi vào cửa Đạo theo một cách khác nhau. Có vị thì nghe âm thanh của Đức Từ Phụ mà bước vào cửa Đạo. Có vị khi nghe mùi hương trầm chạm vào mũi thì bỗng hoát nhiên đại ngộ vì hiểu được rằng hương trầm ấy đều do duyên sanh.

Đức Thế Tôn cũng chỉ cho người tu hành muốn nhìn rõ chân tướng thì phải biết gỡ rối, mà gỡ rối thì phải gỡ tại trung tâm, thế là “*Lục mở nhất tiêu – sáu cửa thông thoáng*” thì coi như là cái tâm điên đảo sẽ chấm dứt. Tại vì, nó không vương mắc, nó không chạy đi đâu hết.

Lục mở nhất tiêu là gì? Lục mở là lục căn khi đóng, khi mở, khi bị ô nhiễm. Lục căn thực sự vốn là thanh tịnh nhưng khởi tâm lên thông qua cửa sổ, thì cửa sổ có hình, có bóng. Thế thì tánh biết nằm ở đâu mà chỉ thông

qua sáu căn, tức là sáu cửa sổ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt để nhìn thì theo cái lý của thể gian. Chứ còn tay? Tai cũng biết nhìn vậy. Khi một bộ phận mất đi thì bộ phận khác có thể thay thế được. Bởi thế cho nên, tất cả đều chỉ là cửa sổ mà trong khi tánh biết nằm ẩn khuất ở đâu? Đó mới là vấn đề.

Lục giao báo là gì? Là sáu cửa địa ngục đều do lục căn mà ra.

Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan như thế này: “*A Nan, tất cả chúng sanh lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo đều từ lục căn mà ra*”. Nghĩa là nghĩ sai, nghĩ xấu, rồi nghĩ ác... đều do sáu căn mà ra. Con mắt nhìn khởi lên ưa thích, con mắt nhìn khởi lên ghét bỏ. Kể cả tâm tánh cũng nơi con mắt, nhìn thấy lâu ngày quen mắt rồi khởi lên ưa thích cũng là cái tâm. Ưa thích, ghét bỏ cũng đều do con mắt. Nhìn thấy người ta tướng hơi lùn cũng tâm ra bực bội, rồi khởi lên chê bai... Những cái ấy cũng là do căn, tức là do con mắt, do nhãn căn, ngũ căn. Nếu hiểu được tất cả những thứ ấy chỉ là cửa sổ thì không có cái gì phải phiền não, không có gì phải rối loạn. Ngược lại, nếu không hiểu rõ, tất cả những cái ấy trở thành “giặc” quấy nhiễu mình. Thế thì lục thức tạo ra nghiệp, nó chiêu cảm ác báo, đều từ lục căn mà ra.

Đức Thế Tôn lại dạy: Tại sao nói ác báo từ lục căn mà ra?

(1) “*Kiến báo chiêu cảm ác quả; tức là kiến báo. Khi kiến nghiệp giao báo thì lúc lâm chung thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói và vào trong ngục A-tỳ*”. Địa ngục là có, nhưng địa ngục ở nơi tâm tưởng của mình, nó cũng chiêu cảm từ đó mà nó phát sinh ra. Cho nên kiến báo chiêu cảm ác quả, thì khi kiến nghiệp giao báo lúc lâm chung thấy lửa hồng. Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp, rung động cả hư không.

Lửa này ở đâu mà có? Lửa này là lửa tham - lửa sân - lửa si mà Đức Thế Tôn đã dạy trong bài Kinh Lửa Cháy (*bài kinh thứ ba sau khi Đức Thế Tôn chứng đắc*)¹: Hồi đó, hơn một ngàn vị đạo sĩ tu theo phái thờ thần lửa, Đức Thế Tôn vì lòng từ bi, Ngài đã chỉ cho hơn một ngàn vị đạo sĩ ấy biết được lửa ấy là lửa gì. Ngài nói rằng: “*Không có cái lửa nào quan trọng cho bằng lửa tham - lửa sân - lửa si. Nếu liễu tri được các thứ lửa ấy thì hoàn toàn được lợi lạc, thoát ra khỏi sanh tử luân hồi*”. Hơn một ngàn vị đạo sĩ khi nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng về lửa tham - lửa sân - lửa si đã liễu tri

¹ Sau khi Đức Thế Tôn chứng đắc, Ngài giảng bài Kinh đầu tiên là Tứ Diệu Đế; bài Kinh thứ hai là Kinh Vô Ngã Tướng và bài Kinh thứ ba là Kinh Lửa Cháy.

được, cho nên các vị ấy đều bước vào dòng Thánh, từ đó đi theo Đạo Phật. Đức Thế Tôn đã có dạy: Lửa ấy đốt hết thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác... đốt hết.

(2) *“Văn báo chiêu cảm ác quả: Khi văn nghiệp giao báo thì lúc lâm chung thấy sóng cuộn cuộn; thần thức người chết theo dòng nước trôi vào địa ngục. ⁽ⁱ⁾ Nghe tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn; ⁽ⁱⁱ⁾ bị điếc luôn, không nghe được gì hết, làm cho hôn mê, bị trầm”*. Như vậy, khi nghe sóng chạy vào thính giác thì thành sự trách hỏi; chảy vào thị giác thì thành sấm sét, khí độc; chảy vào khứu giác thì thành mưa sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; chảy vào xúc giác thì thành súc sanh, ma quỷ, đại tiểu tiện; chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá. Đó đều là sự chiêu cảm ác quả; văn báo là sự chiêu cảm ác quả.

(3) *“Mà Khứu báo cũng là sự chiêu cảm ác quả, khi khứu nghiệp (tức là cái mũi) nó giao báo thì lúc lâm chung; thấy hơi độc, thấy thần thức người chết từ dưới đất trào lên; vào địa ngục A-tỳ phát minh ra hai thứ: Một là ngửi thông, bị các hơi độc thông vào nhiễu loạn tâm thần. Hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất”*. Khi lúc lâm chung thì thấy hơi độc, thấy người chết từ dưới đất trào lên vào trong địa ngục A-tỳ; ngửi các mùi hơi độc nhiễu loạn tâm thần, cho nên có thể bị nghẹt thở chết hoặc có thể bị nhiễu loạn. Như

vậy, ngửi khí xông vào khứu giác thì thành thông nghễn; xông vào thị giác thì thành lửa đốt; xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; xông vào vị giác thì thành mùi thiu, mùi thối; xông vào xúc giác thì thành nước đá, núi thịt có trăm ngàn mắt hút ăn không cùng; xông vào ý thức thì thành tro, churóng khí và cát đá bay đập nát thân thể. Tại sao lại có hiện tượng này? Là vì chiêu cảm những các ác quả mà ra.

⁽⁴⁾ *“Vị báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo thì lúc lâm chung; trước hết thấy lưới sắt phát lửa bùng cháy, che khắp thế giới. Đây tức là cái sự giao cảm mà thôi, nó không phải ai cũng giống ai. Người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống vào ngục A-tỳ, phát minh ra hai tướng: Một là hút vào, kết thành băng giá làm nứt nẻ thân thể. Hai là thở ra bay thành lửa hồng, đốt cháy xương tủy”.* Cho nên, địa ngục cũng do sự chiêu cảm ác quả của mình; khi cái nghiệp giao báo rồi thì lúc lâm chung, thần thức không còn chỗ nương tựa thì sẽ thấy như thế thấy lưới sắt phát lửa bùng cháy thì thần thức sa đọa và mắc lưới, treo ngược đầu xuống vào ngục A-tỳ.

Như vậy, nếm mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ; qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; qua khứu giác thì thành lông đèn sắt lớn, che khắp quốc độ; qua xúc giác thì thành

cung tên, nổ súng; qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa. Nó qua những cảm thọ, nó chiêu cảm ác quả. Nếu nó qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ, đá và kim khí mà nó nung đỏ lên thì quý vị biết là như thế nào? Mà con mắt thì lúc nào cũng thấy như thế; là tại vì nó chiêu cảm cái ác quả; lưới sắt nổi bùng bùng lên, đốt tất cả xương tủy của mình.

(5) *“Xúc báo chiêu cảm ác quả. Khi xúc nghiệp giao báo, xúc là va chạm - cái thân va chạm; lúc lâm chung thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại chẳng còn đường ra, thần thức người chết thấy thành ra sắt lớn, cọp sói, sư tử, ngựa tốt, đầu trâu, la sát; thì phát minh ra hai tướng: Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu. Hai là lia xúc, thì đao guom đâm chém, tim gan cắt xẻ”*.

Trong địa ngục biến tướng đồ, ngài Lý Bình Nam vẽ rất rõ và khi xem thì quý vị sẽ hiểu ngay. Như vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục; cho nên chúng tôi đã nói với quý vị sắc - thính - hương - vị - xúc chính là địa ngục. Mặc dù nói theo lý thì *“Vạn pháp đều bình đẳng; vạn pháp đều như nhau; vạn pháp đều là thanh tịnh”* nhưng tại sao lại nói sắc - thính - hương - vị - xúc là địa ngục? Nó là do khi cảm thọ, chiêu cảm các ác quả thì nó sanh ra như thế. Hợp xúc qua xúc

giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; mà nếu qua thị giác thì thành đốt cháy đỏ; qua thính giác thì thành đứng đập, đâm bắn; qua khứu giác thì thành tra khảo; qua vị giác thì thành cày, kiếm, chém chặt; qua ý thức thì rơi bay, nấu nướng. Cho nên, hợp xúc qua xúc giác thì thành ra con đường địa ngục; cứ có cảm thọ thì thấy ngay địa ngục.

(6) *Tưởng báo chiêu cảm ác quả*. Khi mình tưởng tượng, nó chiêu cảm ác quả nó ra tưởng báo, thì lúc lâm chung thấy gió bão nổi lên, thần thức người chết bị thổi bay lên trên không trung, xoay theo gió mà đi xuống địa ngục; phát minh ra hai tướng: Mê muội, cứ chạy mãi. Giống như câu chuyện trong Pháp Cú, Đức Thế Tôn có dạy: Có một ông sáng ra soi gương, thấy đầu mình trong gương, ông ngạc nhiên và tự hỏi: *Nếu thấy đầu mà sao không có mắt?* Ông sợ quá bỏ chạy ra ngoài đường và vị này phát điên sau đó. Thế thì, bị phát điên vì lý do đó có chính đáng hay không? Đức Thế Tôn có dạy rồi và cái điên đó từ do đâu mà ra thì Đức Thế Tôn cũng đã dạy luôn rồi? Quý vị tìm hiểu thêm, nghiên cứu thêm thì sẽ rất là thù thắng. Tưởng báo chiêu cảm ác quả như thế. Cho nên, tà tướng kết vào ý thức thành phương sở; kết vào thị giác thì thành gương soi; kết vào thính giác thì thành băng giá, sương mù; kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa. Cái lỗ mũi mà ngửi nó kết cái tướng

chiêu cảm ác quả rồi, thì tướng báo trở ra; cho nên nếu kết vào vị giác thì thấy thành ra tiếng la hét; kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa muôn lần sống chết trong một ngày.

Tất cả những cái gọi là lục giao báo này - sáu cửa địa ngục này đều do cái lục căn mà ra. Đức Thế Tôn dạy rất rõ: “*A Nan, Thập Tập Nhân và Lục Giao Báo của địa ngục, kể trên đều do chúng sanh mê vọng tạo ra*”. Lục giao báo này do ở trong cõi địa ngục bị cái này cái kia, bị đâm chém, bị gió bão, bị nóng lạnh... đủ các thứ đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Do chiêu cảm và nó sinh ra như thế.

Nếu chúng sanh, lục căn đồng tạo ác nghiệp, thì vào ngục A-tỳ vô số kiếp. Có nghĩa là lục căn (sáu căn) của chúng ta đều lúc nào cũng hòa hợp với nhau tạo ra ác nghiệp. Con mắt thấy là muốn thấy những chuyện ác, chuyện nhuế. Miệng nói ra những lời ác. Mũi cũng thích ngửi những cái gì ác, chẳng hạn như người ta đâm chém cũng thích ngửi thì những thứ ấy nó chiêu cảm, nó tạo ra ác nghiệp cũng từ nơi sáu căn. Mà sáu căn này bản chất thực của nó là thanh tịnh nhưng tại sao nó lại gây rối rắm cho chúng ta như thế này? Chẳng qua là do chúng ta mê vọng tạo ra.

Đức Thế Tôn dạy rất rõ: *Đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì*

vào địa ngục A-tỳ vô số kiếp. Nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng với nghiệp sở tạo gồm cả căn - trần thì người ấy vào tám khu vực A-tỳ. Tức là, có cái làm mà có cái không, như là con mắt dòm thì ưa thích mà lỗ tai không thích nghe nên lỗ tai không tạo nghiệp mà chỉ có con mắt tạo nghiệp. Mỗi cái đều có khu riêng biệt. Đức Thế Tôn dạy những người ấy vào khu tám ngục A-tỳ là như thế.

Nếu cả thân - khẩu - ý tạo nghiệp sát - đạo - dâm thì người ấy bị đọa vào mười tám khu địa ngục. Còn nếu trong ba nghiệp mà trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo thì người ấy vào trong khu ba mươi sáu địa ngục. Nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp thì người ấy vào khu một trăm lẻ tám địa ngục. Mỗi chúng sanh dù tạo riêng biệt nghiệp nhưng vào chỗ đồng thuận trong thế giới, ấy đều do vọng tưởng sanh ra, vốn chẳng sẵn có.



Ở đây, Đức Thế Tôn dạy cái gì? Dạy chúng ta rằng: Mỗi chúng sanh dù tạo riêng biệt nghiệp nhưng đều vào

một chỗ đồng thuận trong thế giới là do vọng tưởng sanh ra. Cho nên, địa ngục chẳng phải vốn sẵn có mà do sự chiêu cảm ác báo, đồng thời chúng sinh là do vọng tưởng. Cho nên, mỗi người có một cái biệt nghiệp, rồi mở cửa địa ngục và cứ thế mà đi vào.

Đức Thế Tôn dạy rất rõ: *“Nếu các chúng sanh phá hủy luật, vi phạm giới Bồ Tát, phỉ báng Niết Bàn và các nghiệp khác thì trải qua nhiều kiếp bị đốt cháy. Nếu sau khi đền tội xong thì thọ các hình quỷ. Nếu nơi bản thân do tham vật tạo tội, sau khi người ấy đền tội xong thì gặp Phật do tham vật mà tượng hình sanh làm quỷ quái; gặp gió thành hình thì gọi là bạt quỷ; do gian dối mà tạo tội, sau khi chịu phạt xong thì súc sanh thành hình thì gọi là my quỷ và cứ thế”*. Giữa tình và tưởng mà nó cân đối như thế nào thì người ấy sanh ra như thế. Nếu tình - tưởng cả hai đều không thì sau khi trả hết nghiệp rồi, người mắc nợ cũ, oán đối với nhau thân làm súc sanh để trả nợ xưa. Thiếu nợ người ta kiếp này mình không trả được thì kiếp sau mình làm trâu làm bò để kéo cày trả nợ cho người ta.

Loài quỷ quái theo vật khi vật tiêu báo thì sanh nơi thế gian phần nhiều đều là loài chim kêu. Cổ quỷ theo sâu khi suy sâu diệt hết thì sanh nơi thế gian phần nhiều làm loài độc hại. Đức Thế Tôn dạy rất rõ cho ngài A Nan: *“Vì cái nghiệp lửa đốt cạn cho nên sanh vào loài*

súc sanh đền trả nợ xong thì cũng do vọng nghiệp chiêu cảm mà thôi. Nhưng nếu người nào đã ngộ được Tánh Bồ Đề thì các vọng duyên này chẳng có ăn thua gì cả”. Tại vì nó không vướng mắc, dính mắc vào đấy. Vì vậy không có ăn thua gì hết.

Ngài A Nan hỏi quả báo, ác nghiệp của Bửu Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ-kheo Thiện Tinh từ đâu mà ra, Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Phải biết mỗi mỗi đều tự tạo, chẳng phải từ trên xuống, từ dưới đất ra hay người khác đưa đến. Tự mình tạo ra vọng nghiệp, rồi cũng tự mình chiêu cảm cái ác quả ấy mà chẳng biết nơi tâm Bồ Đề, ấy đều do vọng tưởng giả dối kết tụ mà ra”*. Những người này, họ tự tạo nghiệp, rồi tự gánh cái quả mà không bao giờ tìm ra cái tâm Bồ Đề vì do cái vọng tưởng giả dối kết tụ lại, cho nên không thấy được cái tâm Bồ Đề.

Những người sanh ra kiếp này có ân oán nhiều, nợ nần người ta nhiều thì kiếp sau làm súc sanh trả nợ cũ. Khi trả xong hết nợ rồi thì lại làm người. Nếu mà có phước đức nhiều thì khi bỏ thân người, có thể lấy phần “thặng dư” ấy để làm bù lại cái thiếu. Nếu mắc nợ tiền tài, khi đền đủ thì chấm dứt. Còn nếu ở trong đó có giết hại sinh mạng ăn thịt thì cũng phải để lại cho người ta ăn. Ăn người ta thì cũng phải để lại cho người ta ăn, kiếp sau mình cũng đầu thai làm súc vật cho người ta ăn và

cứ như thế giết chóc nhau vô lượng kiếp, không bao giờ ngừng nghỉ. Vì vậy mà người ta nói: Nghiệp nó cứ xoay. Nghiệp là nhân, là quả. Nghiệp là do chúng ta tạo ra. Chúng ta là chủ nhân của nghiệp và chúng ta cũng là người thừa tự của nghiệp. Nghiệp đẩy chúng ta đi. Nên dù có trả hết nợ rồi, đều do cái điên đảo mà tạo nghiệp, mà sanh nhau - giết nhau từ xưa đến nay và không thể nào gặp được Như Lai.

Muốn giữ cho cái tâm không bị vọng niệm thì Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan và cũng dạy chúng ta: “*Kiên cố, không ngưng nghỉ và có mười loại tiên ra ẩn náu trong những khu vắng người: ⁽¹⁾ Địa hành tiên; ⁽²⁾ Phi hành tiên; ⁽³⁾ Du hành tiên; ⁽⁴⁾ Không hành tiên; ⁽⁵⁾ Thiên hành tiên; ⁽⁶⁾ Thông hành tiên; ⁽⁷⁾ Đạo hành tiên; ⁽⁸⁾ Chiếu hành tiên; ⁽⁹⁾ Tinh hành tiên; ⁽¹⁰⁾ Tuyệt hành tiên.*”
Cụ thể:

– Những người dùng cỏ cây không ngưng nghỉ để bào chế thuốc thì gọi là Phi hành tiên.

– Những người cố gắng luyện đơn không nghỉ mà thành tựu được hóa chất ấy thì gọi là Du hành tiên. Cố gắng luyện đơn ở đây có nghĩa là tu dưỡng cái thân - khẩu - ý của mình. “*Há khẩu thần khí tán*” là như thế, không nói thì nó có lợi lạc nhiều hơn.

– Những người kiên cố chuyên chú tâm niệm chẳng ngừng nghỉ, thành tựu cái niệm tưởng thì gọi là Chiếu hành tiên.

– Những người kiên cố biến hóa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tà ngộ thì gọi là Tuyệt hành tiên. Đi tu mà tu sai đường, cũng có sự thành tựu nhưng mà thành tựu trong nẻo tà, thì cuối cùng coi như không thành tựu. Những người ấy mặc dù có thần thông chẳng nữa gọi là Tuyệt hành tiên; không giải quyết được cái sanh tử luân hồi.

Đức Thế Tôn dạy cho ngài A Nan tất cả trong cõi người mà tu tâm chẳng tu chánh giác thì xa cách người đời, thọ muôn ngàn tuổi, ẩn nấp nơi núi sâu, hòn đảo, những chỗ vắng người. Đây cũng là do vọng tưởng mà luân hồi. Cho nên, sau khi chết rồi mà quay trở lại trong lục đạo là tại sao? Là tại vì những người ấy không có tu tam muội, cho nên có phước thôi. Họ làm nhiều điều thiện lành thì có phước nhưng không có ra khỏi ba cõi sáu đường. Rất nhiều người nghĩ rằng mình đi tu đúng, chẳng hạn như người của môn phái Nhân Điện, rờ đến đâu thì truyền điện đến đó để chữa bệnh. Những cái ấy gọi là xa rời Chánh Pháp. Tại vì không có lo về cái tâm, mà chỉ lo cái thần thông hoặc phương tiện.

Có một buổi chiều, Đức Thế Tôn dẫn một số vị đệ tử đi qua sông, đứng chờ đò đã lâu mà không có đò, thì có 01 người Bà-la-môn bẻ cọng cây vứt xuống dòng

sông, cọng cây hóa ra con thuyền và lướt sóng đi qua bên kia. Phật tử - là những vị Thánh tăng đi theo - mới hỏi Đức Phật, các vị ấy hỏi rằng: “*Tại sao Đức Thế Tôn không hóa phép ra để đi sang sông như những người Bà-la-môn kia?*”. Nghe như vậy, Đức Thế Tôn đáp: “*Bỏ cả đời người, học phép vượt sông; không bằng Ta chỉ tốn có 20 xu tiền đò*”.

Ở đây, chân lý rất là diệu dụng. Cả một cuộc đời đi lo tu học những chuyện về hình tướng, về phương tiện. Thần thông cũng là phương tiện thôi. Nếu quý vị tu tâm thanh tịnh thì tự nhiên thần thông nó phát. Còn nếu quý vị chỉ tu để đạt được thần thông thì có phải là uổng phí hay không? Sinh tử là hệ trọng mà đi học thần thông cũng không giải quyết được chuyện sinh tử. Bởi thế, Đức Thế Tôn mới nói: *Những người ở trong cõi người mà chẳng có tu tâm, chẳng tu chánh giác thì cách xa... cách xa lắm.* Đều là vọng tưởng luân hồi mà thôi nếu chẳng tu tam muội thì một khi phước hết rồi, phải quay trở lại.

Nhiều khi có những vị chư Thiên phước hết rồi là rớt, là quay trở lại. Chúng ta có học về địa ngục là do sự chiêu cảm của nghiệp báo. Nhưng chúng ta cũng học: Trong địa ngục thì có loài này loài kia, đều do cái chỗ hư vọng tạo ra mà thôi. Vọng do người tự tạo. Chúng sanh mỗi mỗi đều có cái nghiệp riêng nhưng mà trong những nghiệp riêng ấy, do đồng thuận của chúng sanh,

chẳng phải là không có chỗ nhất định. Do đó, có tự tạo nghiệp mà vọng vốn chẳng nhân, cho nên chẳng thể truy cứu được nguồn cội.



Người tu hành muốn đắc được đạo Bồ Đề thì phải dứt trừ được ba nghiệp, ba nghiệp ấy là thân - khẩu - ý. Nếu ba nghiệp ấy đều thanh tịnh thì không cần phải có thần thông, tự nhiên làm việc gì thì cũng đều có thần thông. Thần thông đều là công dụng của các pháp hữu vi. Khi tập khí mà không diệt được thì có thần thông cũng lạc vào ma đạo, mà muốn trừ vọng thì càng thêm giả dối. Vậy thì vọng do người tự tạo, chứ chẳng phải do lỗi của Bồ Đề. Nghiệp là do chúng ta tạo ra. Chúng ta là chủ nhân của nghiệp. Chúng ta là thừa tự của nghiệp và nghiệp dẫn dắt chúng ta đi tới ba cõi sáu đường... Cứ như thế lăn trôi, trôi mãi.

Như vậy, lục giao báo đều do sự chiêu cảm của tâm mà ra, do lục căn mà ra. Lục căn thật sự nó vốn là thanh tịnh nhưng khi nó giao thoa với trần mà nếu không kiểm soát kỹ thì nó tạo ra nghiệp báo, nó trở ra quả. Cho nên, Đức Thế Tôn mới dạy rằng: *“Tất cả chúng sanh lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo đều do từ lục căn mà ra”*. Thế thì, nếu chúng ta muốn tu học thì phải tu sáu căn này đây. Chỉ cần tu sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nếu trong sáu căn ấy mà quý vị thấy khó quá, mắt thấy - tai nghe - miệng nói - mũi ngửi... Nếu thấy nhiều thứ quá mình không thể nào biết được, không thể nào kiểm soát được, nó sẽ làm mình rối loạn thì quý vị chỉ cần tu một cái thôi. Chúng ta học ít mà hành trì được thì mới có lợi lạc hơn là học nhiều mà không hành trì thì chẳng được ích lợi gì.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn đã dạy: Chỉ cần gỡ trướng một đầu mối “trung tâm” nó tự bung ra hết tất cả những cái khác. Đi tu cũng thế, chỉ cần một cái rất là thù thắng (*bất cứ cái nào chúng ta chọn cũng được*), thì thật sự cái nào cũng thù thắng; nhưng chẳng qua là do tùy theo căn cơ của từng người mà nó chiêu cảm, thì mình tu cùng cái căn của mình.

Ví dụ, có vị chỉ tu con mắt không nhìn thấy sự ác, không xem những phim ảnh đồi trụy, không xem những tài liệu này kia, không soi mói vào những việc riêng tư

của người khác và không khởi lên một niệm khi nhìn. Cái nhìn để tự nhiên, chứ đừng phân biệt cái này đẹp cái kia xấu, cái này ác cái kia hiền, cái này thương cái kia ghét... Con mắt nó cũng biết thương biết ghét. Quý vị có biết con mắt nó thương ghét chỗ nào không? Nam nữ gặp nhau thì con mắt nó cũng biết nói đấy. Con mắt nó nói ra cái thương, con mắt nó cũng nói ra cái ghét. Nhìn một cái là biết ngay người ta thương phải không? hay như nhìn một cái là biết người ta ghét? Con mắt nhìn một cái là biết thôi. Người đó dầu không nói một điều gì hết, không có một cử động, tay chân không giơ lên, không có lời nói nhưng nếu nhìn con mắt thì quý vị có biết người đó ghét mình, người đó thương hay người đó mến mình không? Con mắt thì nó cũng giống như cái lưỡi, con mắt nó có thể nói được đấy chứ không phải không đâu.

Bây giờ, chúng ta đều biết sáu cửa địa ngục đều do chiêu cảm ác báo mà nó tạo ra, lục căn tạo ra. Thế thì, bây giờ tu cái gì? Tu sáu cái căn đó thôi. Tu cho sáu căn này thanh tịnh là tốt rồi. Nếu tu cả sáu căn không được thì quý vị có thể tu cái miệng. Miệng không nói nữa, không nói lời ác, không nói lời chàm chọc, không nói đâm thọc, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời thêu dệt, không nói ngang ngược... Giữ cho cái miệng được thanh tịnh, như vậy thì rất là thù thắng.

Như vậy, lục giao báo là những sự tương ưng, sự giao cảm giữa sáu căn. Tên thì nghe có vẻ khó nhưng thực tế thì không khó. Trong sáu căn, quý vị cố gắng tu một cái, bất cứ cái nào phù hợp với căn cơ của quý vị. Trong thế gian, nên tu một cái rất là thù thắng: Đó là tu cái miệng. Tu cái miệng để không nói những lời sai quấy, không nói lời đâm thọc, không nói lời gây chia rẽ... thì rất là lợi lạc.

Tóm tắt: Lục Giao Báo

Bản chất của tâm điên đảo

- Ngài A Nan không biết tâm ở đâu vì những gì nhận là tâm chỉ là vọng tưởng điên đảo.
- Tâm bị giao thoa bởi căn – trần – thức, bị mười tám “thằng giặc” quấy nhiễu.
- Không phải chơn tâm thường trụ hay diệu tâm.

Gỡ rối và Lục mở nhất tiêu

- Người tu hành muốn thấy rõ chân tướng thì phải gỡ rối ngay “trung tâm”.
- “Lục mở nhất tiêu” nghĩa là sáu căn được mở thông thì vọng tâm sẽ chấm dứt.
- Lục căn là sáu cửa sổ: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tánh biết ẩn sau sáu căn.

Lục Giao Báo là gì?

- Là sáu loại giao báo (địa ngục) phát sinh từ lục căn khi tạo nghiệp.
- Đức Thế Tôn dạy: “Tất cả chúng sanh lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo đều do từ lục căn mà ra”.

Chi tiết về sáu loại Giao Báo

(1) Kiến báo (mắt):

Lúc lâm chung thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức rơi vào ngục A-tỳ.

Lửa này là lửa tham – sân – si. Đốt thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác và ý thức.

(2) Văn báo (tai):

Nghe sóng cuộn cuộn, tinh thần rối loạn, bị trầm hoặc điên. Sóng chảy vào các căn gây ra hình ảnh như sấm sét, khí độc, mưa đá, súc sanh, v.v.

(3) Khứ báo (mũi):

Ngửi hơi độc, tâm thần nhiễu loạn, hoặc ngột thở mà chết. Hơi độc ảnh hưởng đến các căn, gây cảnh tượng ghê rợn như nước đá, khói lửa, chướng khí.

(4) Vị báo (lưỡi):

Thấy lưới sắt phát lửa bùng cháy, mắc lưới, treo ngược đầu xuống.

Hít vào thành băng giá, thở ra thành lửa hồng. Mùi vị gây hình ảnh chịu đựng, nung đỏ, rơi sắt nóng.

(5) Xúc báo (thân):

Núi lớn ép lại, bị thú dữ tấn công, thân thể bị đâm chém, xé xác.

Cảm thọ qua xúc giác tạo ra đường vào địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án.

(6) Tưởng báo (ý):

Gió bão nổi lên, thần thức bị thổi bay, mê muội chạy mãi. Tưởng kết vào các căn sinh ra gương soi, tiếng la hét, băng giá, nghiêng ngửa sống chết trong một ngày.

Tổng kết chiêu cảm địa ngục

- Lục căn nếu đồng tạo ác nghiệp → vào ngục A-tỳ vô số kiếp.
- Nếu từng căn riêng tạo nghiệp → vào các khu vực địa ngục khác nhau: 8, 18, 36, 108.
- Địa ngục do vọng tưởng tạo ra, không sẵn có.

Sau khi đền tội – sinh thành hình khác

- Người phạm giới, phá luật, phỉ báng Niết Bàn: đền tội xong thọ các hình quỷ.
- Gặp Phật do tham vật mà tượng hình sanh làm quỷ quái.
- Gặp gió thành hình gọi là bạt quỷ.
- Gian dối thành hình gọi là my quỷ.

- Người mắc nợ ân oán sẽ làm súc sanh để trả nợ (Ví dụ: làm trâu bò kéo cày).

Tu sai pháp, đắm thần thông

- Người tu mà không tu tâm, không tu chánh giác thì không thoát luân hồi.
- Phái Nhân Điện chỉ lo thần thông mà không lo tâm → xa rời Chánh Pháp.
- Đức Thế Tôn dạy: Học thần thông cả đời không bằng tốn 20 xu đi đò.

Thần thông không giải quyết sinh tử

- Có thần thông nhưng còn tập khí thì vẫn vào ma đạo.
- Vọng tưởng do mình tạo, không phải do lỗi của Bồ Đề.
- Nghiệp dẫn dắt chúng ta trôi lăn trong ba cõi sáu đường.

Pháp tu từ lục căn

- Lục căn vốn thanh tịnh. Khi giao thoa với trần mà không kiểm soát thì phát sinh nghiệp.
- Tu sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nếu không tu nổi cả sáu thì chỉ cần tu một căn cho sâu.

Phật Pháp Vấn Đáp

Câu hỏi: Tu pháp môn nào để giúp thanh tịnh sáu căn?

Trả lời: Thực sự ra tự tánh của sáu căn vốn là thanh tịnh. Tự nó, con mắt, lỗ tai... chỉ là cửa sổ thôi. Nó không tạo ra những gì phiền não hết. Tại sao khi nó giao thoa với trần thì lập tức cái thức phát sanh. Cái thức mới là chỗ rắc rối, chỗ làm cho phiền não. Muốn tu căn - trần - thức được yên tịnh thì quý vị biết rồi: Không có gì ngoài giới, giới giúp chúng ta thanh tịnh. Tức là giữ giới nghiêm trì thì đương nhiên sẽ thành tựu.

Ví dụ: Muốn tu cái vị, tức là cái lưỡi. Ăn uống cần phải giữ giới. Không ăn đồ tươi sống, không ăn thịt cá, không ăn đồ có máu... thì giới làm cho thanh tịnh.

Con mắt cũng thế, con mắt là nhãn căn. Tự tánh nó là thanh tịnh, là bình đẳng. Nó không có hơn không có kém. Nhưng tại sao, ta khởi lên ưa thích, ghét bỏ trong con mắt. Con mắt mà khi ghét nhau, quý vị có nhận biết? Thấy người ta nhìn mình, con mắt nó nháy một cái là mình biết rồi. Người ta không ưa mình. Con mắt hung dữ hay không hung dữ thì nhìn cũng biết. Con mắt khi nó muốn hãm hại ai, nó cũng hiện lên con mắt vì con mắt là cửa sổ của tâm hồn nên khi nhìn vào đây là chúng ta sẽ biết. Thế thì muốn tu con mắt thì làm sao? Chính là giữ giới: Không nhìn tới những chỗ giết chóc, không

nhìn tới những chỗ dâm dật, chỗ của cải của người ta..., Con mắt lúc nào cũng giữ giới. Nếu giữ được giới thì nó sẽ thanh tịnh, chứ không có pháp nào để tu cả. Ví như ngòi thiền, trì chú, niệm Phật... cũng không thể nào giúp quý vị tu để sáu căn trở nên thanh tịnh, thuần thực. Nếu làm những pháp vừa nêu thì nó chỉ gián đoạn một thời gian thôi. Nhưng nếu giữ giới thì tất cả các căn đều thanh tịnh. Khi một căn đã thanh tịnh, các căn còn lại cũng sẽ được thanh tịnh theo.

Không nói ra những lời ganh ghét, không nói lời châm chọc, không đem chuyện bên đây sang bên kia... Những lời nói ra đều là những lời từ ái, nói lời yêu thương, nói lời đùm bọc thì đó là giữ giới. Mà khi khẩu nghiệp được thanh tịnh rồi thì ý và thân cũng được thanh tịnh. Cái này thanh tịnh ảnh hưởng, dẫn dắt những cái còn lại. Cho nên, giới là quan trọng nhất. Để cho được thù thắng thì cần giữ giới. Ai muốn thành tựu thì cần nghiêm trì giới luật. Đức Phật dạy người cư sĩ có năm giới, không phải là khó giữ nhưng cũng không đơn giản.

Câu hỏi: Mười phương Như Lai có dạy pháp cầu nguyện không, cầu nguyện có hiệu lực không?

Trả lời: Xin tán thán câu hỏi của Sư cô Tâm Thanh. Điều này không phải Sư cô không biết đâu, chẳng qua Sư cô hỏi như vậy để có lợi lạc cho Đạo tràng.

Cầu nguyện có lợi hay không? Cầu nguyện với cái tâm thành, lấy cái tâm ra mà cầu, thì làm sao không cảm ứng. Chư Phật rất từ bi, khi quý vị cầu thì được thôi nhưng nếu mà cầu không được thì đó là tại lỗi nơi quý vị: Là do tâm không thành, tâm không thanh tịnh.

Ví như quý vị cầu làm sao cho con trúng số, cầu cho con trai có nghề nghiệp tốt, cầu cho con gái của con sinh được con trai... Toàn là những thứ cầu xin. Những thứ đi xin như thế thì toàn là muốn thêm, là tham, là phiền não. Còn nếu cầu làm sao cho con thấy được Chánh Pháp, cầu làm sao cho con lúc nào cũng sống trong Chánh Pháp thì đương nhiên là cái tâm thanh tịnh, mà tâm thanh tịnh cùng một thể với Chư Phật mười phương. Cho nên cầu nguyện đều có lợi lạc nhưng vẫn phải ở tâm thành. Tất cả các pháp đều là phương tiện như: Niệm Phật, trì chú, ngồi thiền, cầu nguyện... quan trọng là thấy được chân lý và thể nhập, sống trong Chánh Pháp mà Đức Thế Tôn đã dạy.

Hiệu lực, công năng, kết quả thù thắng của việc cầu nguyện là gì?

Cầu nguyện: Như việc tới chùa cầu nguyện thì trong việc cầu nguyện ấy đã gieo một chủng tử lành. Hồi xưa, có một vị chỉ niệm mỗi câu “Mô Phật” thôi mà leo lên cây... Rồi đến thời Đức Thế Tôn, vị ấy đã được Đức Thế Tôn thu nhận vào Tăng đoàn và chứng đắc. Cho

nên, cầu nguyện chỉ là phương tiện. Tuy nhiên khi cầu nguyện với cái tâm thành thì khác, còn cầu nguyện với cái tâm tham thì lại khác.

Ví dụ: Tham nhà, tham danh, tham đủ thứ, tức là muốn thêm, mà muốn thêm là phiền não. Còn nếu cầu nguyện với tâm buông xả, cầu nguyện để thấy được Chánh Pháp thì bất cứ người nào tăng, ni hay cư sĩ đều có cầu nguyện phải không? Cầu nguyện làm sao cho con giữ được cái tâm chân chánh, cầu nguyện làm sao cho con thấy được thực tướng của các pháp, cầu nguyện làm sao cho con lúc nào cũng đi đường thẳng, hành trì cho đúng Chánh Pháp. Tự lực mình không làm được thì mình cũng phải cầu nguyện và càng cầu bao nhiêu với cái tâm thành, nhất là không cầu vật chất mà chỉ cầu làm sao cho con được hành trì đúng đắn, luôn luôn trong sự cầu nguyện ấy. Sự cầu nguyện nhắc nhở mình. Dù chỉ là phương tiện. Dù mình không biết Đức Phật có nghe hay không, cũng không quan trọng. Nhưng mà ít nhất việc này cũng nhắc nhở ngay cái tâm của mình, để mình đi cho đúng đường, đúng lối. Trong tâm đã có Phật, nếu hiểu được như thế, thì tu hành thành tựu thôi.

Cầu nguyện đâu có mất mát gì. Hồi xưa ngài Ngộ Đạt đi lên gặp Lục Tổ Huệ Năng thì đánh lễ cái đầu không cúi sát đất. Tổ thấy vậy mới hỏi: *“Ông có công trạng gì mà khi đánh lễ đầu lại không sát đất?”*. Người ta lay lễ

cái đầu sát đất để dẹp ngã mạn, mà ông lại cúi đầu đánh lễ không sát đất, tức là ông phải có cái gì ghê lắm? Tu mà còn có cái ngã thì coi như không được. Ngài Ngô Đạt đáp: *“Con đã tụng Kinh Pháp Hoa ba ngàn bộ”* Ý nói là con có công trạng lớn lắm. Tổ nói: *“Thế thì Pháp Hoa chuyển ông, chứ ông đâu có chuyển Pháp Hoa”*. Sau khi Tổ giảng dạy cho thì ngài Ngô Đạt hiểu được, Ngài khóc và nói rằng: *“Bây giờ, con đã hiểu, liễu tri được cái tánh của con rồi. Vậy, con có cần tụng kinh nữa hay không?”* Tổ mới nói: *“Chuyện tụng kinh và chuyện ông thấy được cái tánh của mình thì có liên quan gì với nhau đâu mà sao ông không tụng được”*.

Cũng là cầu nguyện, nhưng người cầu nguyện với tâm thành (*tứ vô lượng tâm: Tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả*) thì đó là Chánh Pháp. Nhưng nếu mà cầu nguyện để muốn có nhà cao cửa rộng, muốn cho trai có công việc làm tốt, con gái sinh được cháu trai, trúng số... Toàn là những chuyện cầu nguyện không đi theo Chánh Pháp. Cầu về thế sự thì những việc này đâu có lợi lạc gì trong con đường tu học. Nhưng đừng tưởng rằng cầu là không có. Có những người trì kinh, trì chú, làm những việc mà trong kinh có dạy như: Bồ thí, trì giới, cúng dường Chư Tăng... Những người ấy, họ cũng cảm nhận được những lợi lạc. Khi họ với tâm thành thì đương nhiên có sự tương ưng nhưng nó đi theo hướng nào là tùy mình thôi.

Đức Thế Tôn đã có dạy là làm những việc ấy, chẳng đi đến rốt ráo. Nhưng cần nhớ rằng, thế gian pháp là Phật pháp. Phật pháp bất ly thế gian pháp. Kẻ nào rời thế gian pháp mà mong tìm Phật pháp thì ấy là tìm “lông rùa, sừng hổ”.

Thế gian pháp là gì? Thế gian pháp là những chuyện bình thường như ăn uống, ngủ nghỉ, cầu nguyện... Nhưng mà không thể coi thường. Vì như trường hợp mà hiểu được nó thì nhất cử nhất động đều là Chánh Pháp. Nếu không hiểu được nó thì tất cả những việc làm đó, cử chỉ đó đều là ma sự, kể cả giảng pháp mà nếu không hiểu được thì cũng là ma sự. Đức Thế Tôn nói: *Đúng vậy, không có ban phước, không có giáng họa, không trừng phạt ai cả, ai làm nấy chịu...* Nên nhớ rằng “*Cầu nguyện là tâm thông tâm*”. Khi mà mình cầu nguyện, tâm của mình thanh tịnh, thì ngay trong chỗ thanh tịnh thì mình đã được lợi lạc rồi, lợi lạc ngay trong kiếp này rồi, chứ không nói cái chuyện phước hay họa.

Mình không thể cầu nguyện Phật ban cho con trí tuệ. Ngài A Nan cũng nghĩ như thế cho nên trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rất rõ, ngài A Nan nói rằng: “*Con tưởng là em Phật, con tưởng con là Thị giả của Phật thì trước sau gì Phật cũng ban cho con Trí tuệ của Phật*”. Đây là sai đó quý vị. Cho nên, việc cầu nguyện thì cứ cầu nguyện. Nó không dính mắc gì cả. Nó là một pháp

thế gian mà Đức Thế Tôn đã nói rất rõ: “*Thế gian pháp là Phật pháp, Phật pháp bất ly thế gian pháp*”. Nếu quý vị hiểu được rồi thì một bông hoa cũng là Phật pháp. Một cơn gió cũng là Phật Pháp. Một ánh nắng cũng là Phật Pháp... Nếu không hiểu thì tất cả đều là ma sự. Ngay như thuyết pháp cũng vậy, nếu mà thuyết với tâm từ - tâm bi - tâm hỷ - tâm xả thì tất cả những cái ấy đều là Phật pháp. Mà nếu khởi lên một niệm vì thế này, vì thế kia... để mà thuyết pháp thì là ma sự, dẫu có nói theo Chánh Pháp đi chăng nữa.

Khi xưa ngài Thần Quang thuyết Kinh Pháp Hoa, Chư Thiên về rải hoa cúng dường và hoa sen nở mùa đông. Hoa sen mà nở mùa đông là một hiện tượng rất lạ. Ngài thuyết rất là vi diệu. Cho nên, chuyện cầu nguyện đâu mất mát gì với mình. Cầu nguyện thì mình cứ cầu thôi. Nhưng nếu mình cầu nguyện để rồi Chư Phật sẽ cho cái này, sẽ cho cái kia... thì ấy là ma sự. Khi ấy thì mình đừng trách ai vì tự mình mình mở cửa địa ngục mình chui vào thôi. Còn khi mình cầu nguyện “Nam mô Phật” mà mình biết tức tâm tức Phật, ở trong tâm phải hoàn toàn thanh tịnh, thì mới cùng tần số với Chư Phật, cùng một thể với Chư Phật.

Nếu tâm của mình chưa thanh tịnh thì đầu tiên là mình cần sám hối. Sám hối lỗi lầm của mình đã gây ra, lỗi lầm cũ và ngăn ngừa lỗi lầm sắp tới. Vậy nên, chuyện cầu

nguyện, chuyện sám hối là bình thường. Chúng tôi ngày ngày cũng phải sám hối, ngày ngày cũng phải cầu nguyện, thưa quý vị. Khi có người chết, thì chúng tôi cũng tới nhà hoặc bệnh viện để cầu nguyện cho người ta. Trong kinh cũng đã nói: Người chết, trong bốn mươi chín ngày, thần thức của họ chưa có đi, thân trung ấm của họ còn ở đấy. Nhiều khi thuyết pháp, thuyết kinh mà họ hiểu được để họ đi thì rất là lợi lạc. Bên cạnh đó, thân nhân của người chết là người đang sống, khi nghe thuyết như vậy mà họ chuyển được tâm, người ta ăn hiền ở lành thì cũng rất là lợi lạc cho người ở lại. Nhất là khi nhà người ta có thân nhân chết, mà mình tới mình thuyết, giảng một bài pháp nào đó mà đúng trọng điểm của người ta thì làm người ta rung động, người ta sẽ nhớ hoài.

Quý vị cũng cần lưu ý: Có một số việc, một số chuyện chúng ta không thấy, chúng ta không biết nhưng không có nghĩa là không có. Như chuyện ngài Mục Kiền Liên cùng chư vị Thánh tăng cầu nguyện để cứu bà Thanh Đề. Đó là do tâm tương thông với tâm, để giúp bà Thanh Đề chuyển hóa cái tâm của mình. Cho nên, điều quan trọng vẫn là sự tương ưng, sự chuyển hóa. Cầu nguyện có sự tương ưng nếu cầu nguyện với cái tâm thành. Cầu nguyện với tâm từ - bi - hỷ - xả và quý vị cần sám hối trước rồi mới bắt đầu cầu nguyện cho đúng Pháp, để nhận được sự trợ duyên, để có sự tâm thông tâm.

Pháp thể gian là Phật Pháp. Nếu lìa thể gian mà tìm Phật Pháp như là đi tìm “Lông rùa, sừng thỏ”. Các phương tiện nào nhìn thấy rõ chánh tâm thì ấy mới là Phật Pháp. Nếu không thấy được thì dầu có thuyết pháp hay thì cũng là thuyết ma sự. Một bước tay cập, một bước đi cũng đều là chánh pháp. Nếu không có thì tất cả cũng chỉ là ma sự mà thôi. Thực tướng của các pháp một khi đã nhìn thấy rõ thì tâm hoàn toàn thông dong, tự tại. Tâm chẳng còn vướng mắc gì cả. Khi tâm mình khởi lên phân biệt, tâm khởi lên những xung đột thì Chánh Pháp xa lìa. Cho nên, nếu chúng ta tu mà không lấy tâm ra để hiểu nhau, để thương yêu nhau, để đùm bọc nhau. Tứ vô lượng tâm không có thì lúc bấy giờ chúng ta chỉ nói chơi, chứ chúng ta không có tu Phật. Tu Phật thì phải có tâm Phật, tại sao thế? Tại vì trong tâm có Phật. Tu Phật tức tu tâm. Không lấy tứ vô lượng tâm ra tu, để mà hành xử với mọi người thì coi như chúng ta không có tu, chỉ tu cái miệng mà thôi, giống như cái muỗng múc canh, muỗng từ tô này sang tô khác mà chẳng biết mùi vị của canh là gì.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

BÀI 27: NGŨ ẤM MA

Khi nhắc đến ma, hầu hết mọi người đều hình dung rằng ma có hình tướng khác thường so với con người, có những cử chỉ và sinh hoạt cũng không giống người. Con người thường sinh hoạt vào ban ngày, còn ma thì vào ban đêm. Con người đi bằng hai chân, chạm đất; còn ma thì không chạm đất. Con người có thể chạm vào, nói chuyện, nghe và nhìn thấy nhau, nhưng không thể đi xuyên tường; trong khi đó, ma được cho là có thể đi xuyên qua tường.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, vì duyên sự của Ma Đăng Già mà ngài A Nan ngộ nạn. Từ đó, Đức Thế Tôn mới hỏi đến cái tánh, cái biết của con mắt và cái tâm ở chỗ nào. Đức Thế Tôn cũng dạy cho biết: Con mắt thực sự là gì, cái tâm mà chúng ta thường nghĩ là gì. Người tu Phật mà không biết tâm thì chắc chắn không thể là người tu Phật chứng đắc. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ: *“Người tu Phật mà không thấy được tánh giống như người lấy cát sỏi mong nấu thành cơm.”*

Cũng như thế, người tu Phật mà không có tâm Phật thì chắc chắn đã đi vào nẻo tà đạo. Người tu Phật phải có tâm Phật, tâm Phật ấy gồm có tứ vô lượng tâm: Tâm

từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả. Nếu không có từ bi hỷ xả thì không có Phật tâm.

Thế thì, cái mà chúng ta thường thường vẫn nghĩ là tâm thì thực sự có phải là tâm hay không? Hay là nó chỉ do vọng tưởng điên đảo xảy ra mà thôi. Tâm thường thường đi theo cảnh, của đâu tâm đấy. Ví dụ, nếu quý vị ngồi ở trong đạo tràng, mà để quên chìa khoá ở trong xe, xe lại chưa đóng thì quý vị sẽ nhấp nha nhấp nhồm không biết rằng xe có bị ăn trộm lấy không. Có nghĩa là của ở đâu thì tâm ở đấy.

Tâm mà chúng ta thường nói đều là do duyên sanh, nương theo cảnh nó phát sanh. Ba tâm chính phát sinh ra thế giới vũ trụ là tâm tham, tâm sân và tâm si. Từ nơi tâm tham, chúng ta đã biết có cõi Dục giới; từ nơi tâm sân, chúng ta biết có cõi Sắc giới và từ nơi tâm si, nó phát minh ra cõi Vô sắc giới.

Khi tham, sân, si lắng động thì chơn tâm hiện lộ, diệu tâm quay về với chơn tâm. Có nghĩa là, khi gió không còn thì sóng dừng, sóng hết thì nước vắng lặng trở lại với bản thể của nó. Tất cả những cái gọi là tâm - tâm tham, tâm sân, tâm si, diệu tâm... Tất cả những thứ ấy đều do vọng tưởng điên đảo mà ra. Mà nếu do vọng là nó phải đối trị với chơn. Vậy vọng là gì? Chơn là gì?

Nếu có cái gọi là vọng thì đó là huyễn, tại vì nó do duyên sanh mà ra. Pháp nào mà do duyên sanh mà ra thì đều là huyễn và như huyễn. Hình tướng tuy hiện hữu (tuy có) nhưng mà tự tánh nó vốn là không. Những gì không phải là duyên sanh thì gọi là gì? Không lẽ từ một chỗ trống không, không có gì hết mà lại sinh ra muôn loại vạn vật. Điều đó lại trái với lời dạy của Đức Thế Tôn là vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt.



Như vậy, ma ở đâu mà ra? Nếu nói rằng ma do duyên sanh thì ma ấy là huyễn. Giống như thân thể con người do duyên sanh. Thân thể con người có cái sắc, sắc ấy là do tứ đại và ngũ uẩn. Mà tứ đại vốn không, ngũ uẩn cũng vô trụ. Tứ đại giai không và ngũ uẩn vô trụ thì dựa vào đâu để nói rằng thân là có. Mà nếu thân không có thì tại sao khi có sự biến dịch lại khởi tâm phiền não. Nếu thân là không có thực thì tại sao khi người chết lại khởi tâm luyến tiếc cái thân để rồi phải trôi lăn trong ba

cõi sáu đường. Vì khao khát cái thân tức là cái nhà, luân tập hằng ngày cho nên ái ngã chấp tham mà thành, cứ như thế mà sanh tử luân hồi. Khi thân trung ấm vừa rời cái xác thì lập tức nó đi tìm một cái thân khác để nó gá, vì nó khao khát một cái thân. Chính sự khao khát ấy khiến tiếp tục rơi vào sanh tử luân hồi.

Thân trung ấm khi rời xác thì có ba hiện tượng xảy ra. Một là, nếu cả cuộc đời tu học và làm việc thiện thì nó sẽ sanh thiên ngay lập tức, sanh lên cõi trời để hưởng lạc, cõi Niết Bàn. Hai là, nếu đã tạo nghiệp ác ở cuộc đời và không tu học, cái thân bị uế trược, thì do sự chiêu cảm của tâm, nó sẽ chui vào địa ngục, không chạy đâu khỏi. Người làm ác sẽ xuống địa ngục, người làm thiện sẽ sanh thiên. Ba là, nếu người ấy không làm thiện cũng không làm ác, thì sẽ đi đâu? Có những người mà người ta gọi là oan hồn uẩn tử (những người chết bất thành linh, chết tai nạn). Có một số ngã tư hay đường đèo thường xảy ra tai nạn, người ta nói ở nơi ấy có nhiều người chết, họ không thể “đi” được. Thế thì, không lẽ rằng những người ấy trong cuộc đời không làm thiện không làm ác để rồi không “đi” được hay sao? Hay là vì còn luyến tiếc cái gì ấy mà chưa “đi” được. Không đi lên cõi trời, không đi xuống địa ngục mà còn lẩn quẩn thì chúng ta cứ tạm gọi là ma.

Như vậy, ma ấy có sắc tướng, có thể nhìn thấy được. Chỉ vì tầm mắt con người bị giới hạn bởi tần số ánh sáng nên không thể thấy được hình bóng đó. Với một số dụng cụ, phương tiện, hoặc với những người đã có công phu tu tập, mắt họ thanh tịnh nên có thể thấy được. Do đó, khi tâm thanh tịnh, sẽ thấy rõ thật tướng các pháp, không bị ngăn ngại.

Ma ngũ âm là gì? Có phải là ai đó chết rồi, không đi siêu thoát, là một cái hồn còn lảng vảng? Hay ma ấy do sự vọng tưởng điên đảo tâm thức của mình mà nó biến tướng ra như thế?

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan: *“Nay ta đã thuyết pháp chơn tu, các người còn chưa hiểu của những ma sự vi tế, cảnh ma hiện tiền. Các người cũng chẳng biết vì tâm chẳng chánh, lọt tà kiến, nên bị ma ngũ âm, thiên ma, quỷ thân hoặc yêu mị xâm nhập trong tâm chẳng biết nhận giặc làm con. Những người nhĩ thừa được ít lại cho là đủ như Tỳ-kheo Vô Văn tu đến tứ thiên mà vọng nói là đến chứng thánh quả. Khi hết phước báu cõi trời đọa vào địa ngục A-Tỳ. Nay các người hãy chú ý nghe.*

Các người phải biết cái tâm thể bản giác của mười phương chúng sanh vốn viên mãn diệu minh cùng với mười phương chư Phật không sai khác. Vì do vọng tưởng của các người mê chấp đạo lý mới thành lỗi lầm

từ đó sanh ra si ái. Si ái sanh trưởng khắp nơi nên có tánh hư không. Sự mê chấp tiến hoá không ngừng nên sanh ra thế giới. Vậy thì mười phương vô số quốc độ đều do vọng tưởng kiến lập. Phải biết rõ thế này, hư không sanh khởi nơi tâm các người như đám mây giữa hư không hướng là các thế giới đều ở trong hư không. Trong các người có một người kiến tánh thì mười phương hư không đều tiêu diệt ngay. Làm sao những quốc độ trong hư không chẳng bị tan nát.

Các người tu thiên đến nơi chánh định cũng như mười phương Bồ Tát, đại A La Hán chơn tâm thông dung ngay đó trạng minh tất cả ma vương, quỷ thần thấy cung điện của mình khi không sụp đổ đều cảm thấy kinh khủng. Họ đều được năm thứ thần thông chỉ trừ ra lậu tận thông. Ham thích trần lao dâm dục thể để người tu Chánh Pháp làm sụp đổ xứ sở của họ. Cho nên lúc người tu học chánh định, những thiên ma, yêu tinh, quỷ thần đều tụ lại để quấy phá nhưng họ ở trong trần lao người tu diệu giác dù họ dung dưỡng cách mấy cũng không hại được ví như gió thổi ánh sáng, dùng dao cắt nước không ăn nhằm gì. Họ như băng đá người tu như nước nóng, nước nóng sẽ làm tan băng. Họ ý lại sức thần thông nhưng chỉ là khách, người tu là chủ. Khách và chủ phân biệt, nếu chủ mê thì khách thành tựu sẽ

quấy phá, nếu người tu ngay đó giác ngộ chẳng mê thì ma sự chẳng làm gì được mình”.

Khi Đức Thế Tôn dạy, Ngài đã thuyết pháp chơn tu mà người đời chưa hiểu ma sự vi tế, cảnh ma hiện tiền. Nếu cái mà chúng ta thấy được thì cái đó là thô, ví dụ: Có người nào mắng chửi mình, quý vị nghe tiếng chửi, khởi tâm phiền muộn thì quý vị thấy rất rõ, vì cái đó là thô; nhưng nếu có một người lại khen quý vị, thì quý vị chưa chắc đã nhận rõ và cảm thọ ngay. Khi người ta khen mình, mình thích thú thì cái ấy chính là ma sự, nó đã làm cho tâm của mình điên đảo, mà rất là vi tế.

Ví dụ, người ta khen: “*Thấy sư cô tu học tinh tấn quá, chắc sư cô đã tu học nhiều đời nhiều kiếp*”. Khi nghe như vậy, sư cô khởi tâm ưa thích, mặc dù biết rằng những lời đó là huyền nhưng khởi tâm ưa thích thì vương mắc, từ nơi khởi tâm ưa thích là vọng tưởng điên đảo, khởi lên là mắc kẹt. Thế thì, cái vi tế rất là quan trọng, mà ma nó đều làm cho cái tâm điên đảo xảy ra, tâm điên đảo vì nó mà sinh ra. Nếu tâm chánh thì làm sao có ma lọt vào được, ma ngũ âm, thiên ma, quỷ thần vì trong tâm bị rối loạn không biết được các loại ma ấy là từ nơi mình có sự chiêu cảm cho nên vương mắc, nhận giặc làm con.

Chúng ta đã biết, tánh thấy là do nơi con mắt, do nơi nhãn căn, do nơi trần. Khi căn và trần giao thoa thì tạo

ra nhãn thức. Nhãn thức tạm gọi là cái biết của con mắt, cái biết của sự thấy. Nhưng đó không phải là cái biết của con mắt, không phải là tánh biết của cái thấy mà nó là sự giao thoa của căn và trần. Nếu nó là sự giao thoa của căn và trần có nghĩa là căn cộng trần mới sinh ra thức, nhãn căn cộng nhãn trần mới ra nhãn thức, thì cái nhãn thức ấy là duyên sanh vì nó tùy thuộc vào điều kiện của căn và trần, mà hễ cái gì là duyên sanh thì như huyễn.

Duyên sanh là như huyễn tức là cái gọi là nhãn thức, cái biết của con mắt thực sự ra do căn và trần cho nên nó theo điều kiện ấy. Nếu căn mất, trần mất thì nhãn thức cũng mất. Thế thì khi chết chúng ta nói chúng ta biết cái tánh biết ấy, cái tánh biết ấy là cái gì? Tại làm sao có người từ nhỏ mới sanh ra đã thông minh? Có người sanh ra mới có mấy tuổi thôi đã đánh đàn bản nhạc cổ, nhạc classic, tức là bản nhạc nổi tiếng? Rồi có những người mới sanh ra năm sáu tuổi đã làm những bài toán mà các nhà khoa học nghĩ chưa ra? Thế thì kiến thức của những người ấy nó ở đâu mà có? Phải chăng được truyền từ kiếp trước tới kiếp sau?

Nếu nó truyền từ kiếp trước tới kiếp sau thì nó không phải là loại gọi là nhãn thức, nhĩ thức. Vì tánh biết ấy nó chỉ do duyên sanh, do sự giao thoa giữa căn và trần nên khi chết những cái ấy nó cũng biến mất luôn. Nó nương theo căn trần; khi căn trần mất thì nó cũng mất theo. Thế

thì cái mà gọi là tánh biết, cái gọi là sự kiến thức của mình, cái gọi là cái trí tuệ của mình, khi chết vẫn được chuyển giao qua các hình thái khác. Nó vẫn đi theo thì cái ấy ở chỗ nào? Cái ấy có phải là cái tánh biết hay không, hay cái đấy gọi là trí tuệ mà thường hằng, chơn tâm là gì?

Trong tiền kiếp của Đức Thế Tôn, Ngài sanh ra làm một con khỉ nhưng vì kiếp trước nó có tu nhiều nên nó có trí tuệ, và nhờ đó trở thành con khỉ chúa, lãnh đạo hết đám khỉ. Một bữa nọ, nó dẫn đám khỉ đi tới bờ sông, tắm như thường lệ. Vì nó có trí tuệ, nó nhìn xuống tảng đá ở dưới thấy sần sùi rất lạ. Nhưng mà nó muốn thử xem cái tảng đá ấy có thật hay không cho nên nó mới kêu lên là: “*Anh đá ơi*”. Con cá sấu đang nằm trên bờ đá để chờ đám khỉ này tới nhảy xuống tắm thì ăn thịt. Nhưng khi nghe câu “*Anh đá ơi*” thì con cá sấu nó suy nghĩ, nếu không trả lời thì e rằng đám khỉ không nhảy xuống thì không ăn thịt được cho nên nó mới bật miệng lên nó nói: “*Ơi*”. Con khỉ chúa nghe được với trí tuệ vốn có cho nên kêu đám khỉ nhỏ “*Cái này là con cá sấu chứ không phải cục đá, cục đá không có biết nói đâu tụi bay, thôi ta đi chỗ khác tắm*”. Vì thế nó thoát chết.

Điều ấy nói lên là trí tuệ đó có thực và được chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Thế thì, chúng ta thử đi tìm, nếu chúng ta học theo đạo Phật là chúng ta duy tuệ thì

nghiệp lấy trí tuệ làm sự nghiệp thì trí tuệ ấy từ kiếp này mang sang kiếp khác, loại trí tuệ ấy là trí tuệ gì?

Nếu nói rằng có ma mà mình không thấy được thì cái ma ấy nó có trí tuệ hay không? Khi chết rồi nó có mang theo cái trí tuệ ấy hay không? Rồi đi tới kiếp khác đầu thai làm chó, làm mèo, làm người... thì cái thể hệ thứ nhì có mang theo được những trí tuệ đó hay không?

Khoa học đã chứng minh, có nhiều đứa bé mới có năm sáu tuổi đã đàn ca và làm những bài toán rất giỏi, có nghĩa là trí tuệ nó đã được mang theo. Ở trong nhóm các nhà sư Tây Tạng, nhất là các ngôi vị Đạt Lai Lạt Ma, người ta đã dùng thiên định để đi tìm hoá thân của các vị Đạt Lai Lạt Ma trước đó đã chết lâu năm và tái sanh và người ta đã tìm ra đúng, người ta đã mời/thỉnh về để cho vị đó tiếp tục công việc của mình.

Có nghĩa là, trí tuệ vẫn được mang theo khi người ta chết. Bởi thế, ở trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, phẩm Ngũ Âm Ma, Đức Thế Tôn nói như thế này: *“Các người phải biết cái tâm thể bản giác của mười phương chúng sanh vốn viên mãn diệu minh cùng với mười phương chư Phật chẳng sai khác”*. Cái bản thể, cái tánh giác của các chúng sanh bất kể là chó, mèo, người, côn trùng... đều có cái bản giác giống y như nhau. Cái bản giác ấy vốn viên mãn diệu minh, vắng vặc đầy tròn không

khuyết và nó cùng một thể với mười phương chư Phật không có khác.

Nhưng tại sao con chó là con chó, con người là con người mà ông Phật là ông Phật. Cùng một tánh giác nhưng tại sao mười phương chư Phật là mười phương chư Phật mà con người lăn trôi trong ba cõi sáu đường, chó mèo thì lăn trôi trong lục đạo không ra khỏi? Có một vị tăng đến hỏi Thiền sư Triệu Châu: *“Con chó có Phật tánh hay không?”* Ngài Thiền sư Triệu Châu nói rằng: *“Không”*. Vị tăng ấy mới hỏi: *“Bạch thiền sư, Đức Phật đã nói vạn pháp đều có thiện tánh, chó, mèo, các sinh vật đều có Phật tánh như nhau bình đẳng, tại sao Ngài nói không?”*. Thiền sư Triệu Châu trả lời như thế này: *“Con chó nó có Phật tánh nhưng nó bị nghiệp thức che mờ cho nên nó không thấy cái Phật tánh của nó”*. Có Phật tánh mà không thấy thì cũng như không. Con người cũng thế. Mọi người đều có Phật tánh nhưng tại sao có người làm ác, có người làm thiện, có người hung dữ, có người lăn trôi trong ba cõi sáu đường không bao giờ ra khỏi.

Vì tất cả mọi người đều có Phật tánh và Phật tánh vốn bình đẳng như nhau nhưng bị nghiệp thức che mờ. Nghiệp thức quá nặng, che mờ quá sâu dày nên không thấy được Phật tánh của mình. Vì không thấy được Phật tánh của mình nên có cũng như không.

Giống như anh chàng Cùng Tử ở trong Kinh Pháp Hoa có viên ngọc trong ché áo mà đi ăn xin là như thế, có cũng như không. Đức Thế Tôn dạy rất rõ ở trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, phẩm Ma Ngũ Ấm: Cái tâm thể bản giác của mười phương chúng sanh là viên mãn, là diệu minh rất là sáng tỏ tròn đầy, nó đồng một thể với chư Phật mười phương, tại vì sao?

Vì Đức Thế Tôn đã dạy: *Vạn pháp bản thể vốn là thanh tịnh, không ô nhiễm*. Thế thì cái gì làm cho ô nhiễm đây? Mà Phật là Phật, chúng sanh là chúng sanh. Cái gì làm cho ô nhiễm đây? Mà con chó là con chó, nó không phải là con người. Con người khác nhau với con chó chỗ nào? Con người cũng có Phật tánh, con chó cũng có Phật tánh.

Như ngài Thiền sư Triệu Châu nói: “*Con chó có Phật tánh mà bị nghiệp thức che mờ cho nên không thấy, có cũng như không*”. Bởi thế cho nên, sự nhận thức và hành xử của con người khác con chó. Khi con người ăn một món ăn và nếu nó bài tiết ra thì cái chất nó bài tiết trở thành ra phân mùi hôi thối, xú uế và nó không có muốn nhìn tới nữa. Nhưng đối với con chó thì cái đó trở thành món ăn của nó và nó rất thích thú. Khi con người vừa mới tống khứ ra cái phân dơ uế và muốn dẹp nó đi thì quý vị để ý con chó sẽ nhào tới xơi cái phân đấy.

Thế thì tại sao con chó cũng có Phật tánh, con người cũng có Phật tánh, nhưng khi con người thả ra thì không muốn nhìn cái vật ấy, còn con chó lại thích thú. Ngài Thiền sư Triệu Châu nói rất rõ: *Vì nghiệp thức che mờ*. Nghiệp cộng với thức nên mới gọi là nghiệp thức.

Nghiệp là sự huân tập có tác ý, nếu quý vị hằng ngày huân tập những điều tốt, nghĩ những điều tốt, thân khẩu ý đều làm tốt, đều thanh tịnh, đều không bị ô nhiễm thì tạo ra cái nghiệp tốt.

Và nếu không có vọng tưởng thì thức không tái sanh, không có sanh khởi. Thức là do sự giao cảm giữa căn và trần. Nếu căn và trần không có giao thoa, nghĩa là: Trần thì mặc kệ trần, trần là khách, căn là chủ. Nếu căn đã thanh tịnh, nhìn mà không khởi tâm phân biệt, không khen chê, nhận biết rõ ràng thực tướng của các pháp như vậy nhưng không có khởi tâm khen chê hay ưa thích, không khởi tâm ghét bỏ hay phiền não thì vọng tưởng không có khởi lên. Nếu vọng tưởng không khởi lên thì cái nhìn ấy là cái nhìn thanh tịnh.

Nếu cái nhìn đã thanh tịnh, tức là căn hoàn toàn thanh tịnh, không bị khuấy nhiễu bởi trần thì thức ở đâu mà sanh. Nếu không có thức, thì không có vọng tưởng. Nếu không có vọng tưởng thì không có mê lầm. Nếu không có mê lầm thì không có ái. Không có ái thì không có thủ, không có thủ thì không có hành. Mà nếu ái, thủ, hành không có

thì Thập nhị nhân duyên bị bẻ gãy. Nếu Thập nhị nhân duyên bị bẻ gãy thì sanh tử luân hồi còn ở đâu?

Cho nên nếu chấp vào cái mê hay chấp vào cái ngộ thì ngay cả những sự chấp ấy nó tạo ra những sự tiến hoá xoay quanh trở thành ra mười phương vô số quốc độ. Cho nên Đức Thế Tôn mới dạy như sau: *“Vì do sự mê chấp tiến hoá không ngừng nên sanh ra thế giới mười phương vô số quốc độ đều do vọng tưởng kiến lập”*. Tức là nơi cái vọng tưởng điên đảo mà nó kiến lập.

Quý vị thấy: Nhà, cửa, xe, cái ly, cái tách... đều do cái tâm mà ra phải không? Ví dụ, cách đây hơn 100 năm làm gì có máy bay nhưng bây giờ tại sao lại có. Tức là có người khởi tâm suy nghĩ, rồi có người lên kế hoạch phải làm cái động cơ, thử kiểu này kiểu kia suốt nhiều năm, cuối cùng mới ra được cái máy bay.

Có nghĩa tất cả đều do khởi cái tâm. Cái tâm phát sanh ra thế đấy. Người tu hành giữ cái căn được thanh tịnh thì trần nó không quấy nhiễu. Căn là chủ, trần là khách. Khách đến đi thì giống như khách sạn mà người chủ thì luôn luôn ở lại. Biết rất rõ như thế thì không sanh khởi trong tâm. Mà biết rất rõ như thế thì thấy rất rõ các sự kiện trên thế giới đều là hoa đóm trong hư không.

Thế thì, trong ba cõi đều được quản lí bởi Thiên Vương Ma Ba Tuần, và các loài ma những cõi ấy. Khi

nó quản lí, dĩ nhiên là nó muốn dân cư của mình, nó không muốn một người dân cư nào đi ra khỏi cái cõi ấy. Nếu có một vị nào phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tu để ra khỏi ba cõi sáu đường, thì cái đám ma ấy nó đâu có đồng ý. Mất dân cư, mất quyền lợi của nó, nên nó sẽ phá để cho người ấy không thể nào ra khỏi ba cõi sáu đường. Cái phá của nó đấy chính là ma ngũ âm. Nó sẽ đi vào ngay những chỗ trong tâm của mình để nó phá.



Ma ngũ âm cũng do ngũ uẩn mà ra. Ma ngũ âm là gì? Từ nơi cái vọng tưởng điên đảo mà sanh ra. Các loại thiên ma, quỷ thần, yêu mị nó đều cản trở con người tu không cho ra khỏi ba cõi sáu đường. Lí do là càng đông dân cư thì vị vua đó càng có quyền hạn. Nếu dân cư càng đông thì vị chủ vùng đất ấy càng có quyền hạn nhiều. Làm một vị tổng thống ở một đất nước có một tỷ dân sẽ có quyền hạn hơn làm tổng thống của một đất

nước có khoảng hơn năm mươi ngàn dân. Cho nên cái quyền hạn, sự yêu thích về quyền hạn nó đều dính mắc tới dân số.

Nếu ai cũng phát nguyện tu để rời khỏi ba cõi sáu đường thì làm sao mà ma Ba Tuần hay thiên ma nó quản lí được? Ngôi nhà của nó sẽ sụp đổ. Bởi vậy nó sẽ cản trở tất cả những người tu, khiến những người tu đều bị quấy rối, phải ở trong trần lao và ham thích trần lao. Vì nó rất sợ, sợ người ta tu thì thoát ra khỏi cõi ấy. Đó là lí do tại sao có ma ngũ âm phát sanh. Nó nương theo cái ngũ uẩn để nó vào quấy rối và đôi khi chúng ta tu học mà không nhận rõ được căn, trần và thức. Chúng ta thấy rằng cái biết của chúng ta là cái biết và khởi tâm lên là lập tức có cái ngã, ái ngã và sanh ra ngã mạn. Ngay chỗ ấy chúng ta đã vướng mắc.

Ma ngũ âm ở trong hay ở ngoài? Nói tới đây thôi. Gọi ý để quý vị suy nghĩ. Người tu khi nghe thì phải có văn, tư và tu. Tư là suy nghĩ. Giảng sư nhiều lúc chưa chắc đã cố tình nói trúng cho quý vị nghe hết đâu. Nhiều khi chỉ gọi ý để quý vị có thể suy nghĩ và tìm cho mình một cái giải đáp.

Trong kinh, Đức Thế Tôn nói rất rõ: Tất cả ma vương, quỷ thần đều cảm thấy kinh hãi khi người tu thoát ra khỏi vòng quản lí của họ. Do đó, họ không bao giờ thích người tu Chánh Pháp. Họ cố gắng phá bằng mọi cách,

kết hợp lại để quấy phá, vì vậy quý vị cũng không lấy làm ngạc nhiên những người tu đều bị khảo đảo, đều bị chửi mắng, đều bị đánh đập.

Ngài Huệ Khả phải chết ở trong tù, bị người ta nhốt và đánh chết trong tù. Đều bị khảo đảo hết, cho nên không có dễ dàng gì. Nếu quý vị thành tâm muốn tu Phật để thoát ra khỏi sanh tử luân hồi thì quý vị phải đối diện với ma ngũ âm, không thể nào chạy khỏi nó, cũng không thể nào thoát ra khỏi bàn tay của nó nếu không biết được rằng ma ngũ âm chân tướng của nó là gì. Nếu không biết được chân tướng của nó thì giống như một ông tướng muốn bình định giặc mà không biết giặc cướp là ai và trú ngụ ở đâu thì làm sao có thể tiêu diệt được?

Đức Thế Tôn dạy rất rõ như sau: *“Những người tu ở trong trần lao như tu ở trong diệu giác thì dù là ma quỷ có hung dữ cách mấy cũng không hại được. Cũng như là gió mà thổi ánh sáng cũng không bao giờ thổi được”*. Ánh sáng là ánh sáng, gió có thổi, dù là cơn lốc mạnh cách mấy cũng không có dời, xê dịch được. Dao cắt nước ví như gió thổi ánh sáng. Dao cắt nước thì chẳng ăn nhằm gì, nước nó vẫn chảy, cũng như vậy gió có thổi thì ánh sáng nó vẫn sáng.

Đức Thế Tôn lại nói rằng: *“Những người tu ấy như là nước nóng còn ma, quỷ như là băng đá”*. Nước nóng mà gặp băng đá thì băng đá phải tan rã. Do đó, những ma,

quỷ dù có thân thông đi chăng nữa thì cũng chỉ là khách mà người tu là chủ. Có nghĩa căn là chủ mà trần là khách. Nếu chủ mê, thì căn chạy theo trần sanh ra thức cho nên ma mới quấy rối được. Còn nếu người tu mà biết mình là căn, trần là khách, khách đến thì khách đi không khởi tâm say đắm thì ma làm sao quấy rối được. Ma nó chỉ như người khách đến rồi đi thôi thì làm sao có thể quấy rối được người tu. Ngay ở chỗ ấy thì lập tức người tu cũng có thể giác ngộ được. Hễ thấy được rất rõ ma do đâu mà ra và ma không thể làm gì hại được mình thì ngay chỗ mê ấy trở thành ngộ.



Tóm lại, ma ngũ âm là có thật và ma ấy là do sự lơ đãng và ỷ lại của chúng ta. Ma ấy là trần, khi căn của chúng ta không thanh tịnh cho nên trần mới quấy nhiễu được. Nếu căn đã thanh tịnh thì trần không quấy nhiễu được thì thức ở đâu mà sanh. Nếu không có thức thì không có vọng tưởng điên đảo. Khi không có vọng tưởng

điên đảo thì chơn tâm hiển lộ, trí tuệ phát sanh. Người tu không biết, không nắm rõ, không cảnh giác cho nên là căn chạy theo trần thay vì mình làm chủ trở thành mình làm khách và cuối cùng mình làm đầy tớ cho ma sự.

Tóm tắt

1. Ma là gì và đến từ đâu

- Ma không chỉ là hình dáng dị thường như người ta tưởng tượng, mà còn là những vọng tưởng vi tế phát khởi trong tâm.
- Khi tâm không chánh, ma có thể khởi lên từ ngũ uẩn – gọi là ma ngũ âm.

2. Tâm Duyên sanh và Phật tâm

- Tâm thường chạy theo cảnh (của đâu tâm đó), là tâm Duyên sanh – do căn và trần tạo thành thức.
- Người tu Phật không thấy rõ tâm thì như nấu cát mong thành cơm.
- Phật tâm là Tứ Vô Lượng Tâm: từ, bi, hỷ, xả. Không có từ, bi, hỷ, xả thì không có Phật tâm.

3. Luân hồi và thân trung ấm

- Khi chết, nếu còn chấp thân → tiếp tục luân hồi.
- Thân trung ấm sẽ:
 - (1) Sanh thiên nếu làm thiện,
 - (2) Đọa địa ngục nếu tạo ác

(3) Lẩn quần nếu không thiện – không ác → gọi tạm là “ma”.

4. Trí tuệ và chơn tâm vượt khỏi sanh tử

- Các thức (nhãn, nhĩ...) là Duyên sanh, mất theo thân.
- Nhưng trí tuệ chân thật thì vẫn được chuyển từ đời này sang đời khác.
- Đó là tánh biết vượt ngoài căn – trần – thức, là bản giác đồng một thể với chư Phật.
- Ví dụ: thân đồng, Đạt Lai Lạt Ma, tiền thân Đức Phật làm khi chúa biết tránh hiểm họa.

5. Phật tánh bị che bởi nghiệp thức

- Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhưng bị nghiệp thức che mờ nên không thấy.
- Như viên ngọc giấu trong áo – có cũng như không.
- Nghiệp là huân tập có tác ý; nếu huân tập thiện thì tạo nghiệp tốt, bớt vọng tưởng → ít mê lầm.

6. Vọng tưởng tạo ra thế giới

- Vạn pháp do tâm tạo, thế giới do vọng tưởng kiến lập.
- Giữ căn thanh tịnh → không bị trần chi phối → không sanh vọng tưởng → bẻ gãy thập nhị nhân duyên → thoát sanh tử.

7. Ma Ba Tuần và sự phá người tu

- Ba cõi do Ma Vương Ba Tuần quản lý, không muốn ai thoát ra nên phá người tu.
- Càng nhiều “dân cư”, quyền lực ma vương càng lớn.
- Người phát tâm tu giải thoát sẽ bị thiên ma, yêu mị, quỷ thần quấy phá liên tục.

8. Bản chất ma – chủ và khách

- Ma là khách, người tu là chủ. Nếu chủ mê, khách mới quấy rối được.
- Nếu căn giữ thanh tịnh, trần không tác động → không sanh thức → không vọng tưởng → chơn tâm hiển lộ.
- Người tu như nước nóng, ma như băng đá – gặp là tan.

9. Tu hành là phải đối diện với ma ngũ âm

- Không ai tu mà không bị khảo đảo. Cả bậc Thánh như ngài Huệ Khả cũng bị đánh chết trong tù.
- Nếu không thấy rõ chân tướng của ma ngũ âm thì không thể thoát khỏi bàn tay của nó.
- Khi thấy rõ ma từ đâu mà ra, không khởi tâm bám chấp → ngay mê trở thành ngộ.

Phật Pháp Vấn Đáp

Giảng sư: Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ người tu nếu không thấy tánh thì giống như đem sỏi cát mà mong nấu thành cơm. Việc thành tựu không thể có được. Ý Đức Thế Tôn nói gì ở đây? Chúng ta muốn tu Phật cho đúng Chánh Pháp trước hết phải thấy được cái tánh.

Thế thì cái tánh ấy do sáu căn mà ra. Có mắt để nhìn. Đức Thế Tôn đã từng hỏi ngài A Nan là con mắt nó ở đâu và cái tâm của con mắt nó nằm chỗ nào? Con mắt chẳng qua là cửa sổ mà thôi. Nếu nói rằng cái biết của con mắt, cái biết của cái thấy nằm ở nơi cửa con mắt là sai. Tại sao người chết có con mắt mà không biết và nói rằng con mắt cũng là cái tánh thấy nằm ở con mắt thế thì người mù không có con mắt có thấy hay không?

Người chết có con mắt mà không thấy, người mù không có con mắt mà lại thấy. Thế thì cái tánh thấy nó nằm ở chỗ nào? Nếu không hiểu được cái bí quyết ấy thì chúng ta sẽ lầm lẫn giữa căn và trần, khách và chủ. Chúng ta sẽ lầm lẫn cái chúng ta gọi là ma và giác, mê và ngộ.

Ma là do Thiên Vương đi theo cái trần nhiễu loạn cái căn để thành ra cái vọng tưởng mà chúng ta tưởng là thức. Chúng ta tưởng là cái tánh biết ấy thì những cái

điều chúng ta biết do sự giao cảm giữa các căn - trần, những điều ấy gọi là “tưởng tri” tức là biết theo cái tưởng tượng mà không phải liễu tri. Liễu tri là thấy rõ thuộc tính của các pháp như thế nhưng không khởi lên vọng tình phân biệt, không khởi lên chút xíu nào phân biệt, giống như con chim bay ngang dòng sông chẳng qua vì ánh nắng của mặt trời cho nên nó lưu lại cái bóng của nó ở trên dòng sông mà thôi.

Con chim không có ý lưu cái bóng của nó trên dòng sông và dòng sông cũng không có ý lưu cái bóng của nó, con chim bay đi là cái bóng nó mất, thế thôi, không lưu lại cái gì.

Nếu chơn tâm chúng ta cũng như thế, tức là khi cái vật đi ngang nhận diện ra nhưng không lưu lại cái gì hết thì cái ấy là chơn tâm. Nhưng khởi lên vọng tưởng điên đảo nó là một con chim, ánh nắng, rồi thế này thế kia đâm ra là chúng ta mắc kẹt.

Con chim bay ngang qua dòng sông không có ý định lưu lại cái gì hết. Việc làm chúng ta cũng thế, duyên tới thì làm nhưng không có cố tình lưu lại trong tâm thức một cái gì hết thì ma nào quấy phá được. Ma ấy là lợi dụng ngay chỗ chúng ta sơ hở, chắp vào cảnh khởi lên cái phân thức phân biệt. Khởi lên phân thức phân biệt là có ưa, có thích, có ghét, có buồn, có vui, mà khởi lên ưa thích buồn ghét vui thì lập tức chúng ta rớt vào cái vi tế

rất là nhỏ là có ngã, ái ngã, mà hễ có ngã, ái ngã thì lập tức tham ái và thập nhị nhân duyên nó xoay và sinh tử luân hồi cứ thế mà nó chuyển, ba cõi sáu đường không ra khỏi là cái chỗ này đây. Kể cả chúng ta chấp vào văn tự chúng ta cũng kẹt.

Trong Kinh Duy Ma Cật, khi ngài Văn Thù Bồ Tát hỏi ngài Duy Ma Cật: “*Pháp bất nhị là gì*”? Ngài Duy Ma Cật im lặng có nghĩa là ngay cả như ngôn ngữ cũng phải vắng mặt thì ấy mới là có tác dụng. Ngôn ngữ là phương tiện để diễn bày cho nên nếu chấp ngôn ngữ là chân lý thì điều đó làm khó chúng ta.

Lý do có ma ngữ ám là do nơi ngữ uẩn mà ra. Vì có ngữ uẩn cho nên có ngữ ám và có ma ngữ ám là vì cái sự điên đảo của vọng tưởng, điên đảo mà nó chiêu cảm những loại ma ấy cho nên nó lợi dụng sơ hở mà nó tiến vào, nó ẩn nấp.

Là người tu nhưng vì vọng tưởng điên đảo cho nên nhận giặc làm con, lấy cái thức nhận là cái biết của cái tánh. Chính vì lấy cái thức nhận biết nơi cái tánh thì lấy cái vọng tưởng điên đảo nhận lầm cái chơn tâm. Cho nên, Đức Thế Tôn mới nói cái biết ấy là tướng tri, tức là do sự tưởng tượng mà biết chứ không phải do cái liễu tri tức là biết rõ.

Biết rõ là sao, là nhận rõ chân tướng của các pháp như thế mà không vướng mắc, không khởi tâm ưa thích, không khởi tâm ghét bỏ thì ấy là biết. Còn có khởi tâm lên vọng tình, biết cái đó nhưng mà lại nói là ưa thích nó hay là không ưa thích nó thì ngay ở cái chỗ ấy mắc kẹt.

Chúng sanh bị vọng tưởng nhưng mà nếu nói rằng có chúng sanh bị vọng tưởng nên bị ngũ âm chi phối thì đã phát hiện ra có chúng sanh và có cái gọi là vọng tưởng nhưng thực ra cái chúng sanh ấy cũng là huyễn.

Chúng sanh có hai loại, một loại là tạp chủng duyên sanh ở bên ngoài lăng xăng và một loại là chúng sanh ở cái tâm chúng ta. Hàng ngày, hằng giờ nó nổi lên đủ các thứ duyên sanh. Nó hợp chủng duyên sanh vì nó đầy đủ điều kiện cho nên nó phát sinh ra cái thứ ấy và thứ ấy cũng gọi là chúng sanh ở trong tâm. Vì nó là chúng sanh trong tâm và chúng sanh bên ngoài, hai cái nó chung với nhau cho nên chúng ta nhận giấc làm con, lấy bên ngoài làm bên trong, lấy cái giấc làm con, cho nên huân tập lâu ngày mà không nhận ra cái bản tâm thanh tịnh của mình.

Ma là khách nhưng mà nó biến ngôi trở thành chủ và vì chúng ta nhận giấc làm con. Lấy cái thức mà nghĩ rằng cái đó là cái tánh biết, nhưng mà cái thức là do cái có điều kiện tức là do căn và trần. Cái gì có điều kiện tức là do duyên sanh. Cái gì do duyên sanh đều là như huyễn, không có thực.

Trong kinh có nói, nếu chấp có thì vạn sự có, chấp không thì vạn sự không. Nếu chấp có thì cả thế gian này đều có, nếu chấp không thì cả thế gian này cũng là không. Người liễu tri thì nhìn thật tướng của các pháp không chấp có mà cũng không chấp không. Biết nó rõ ràng.

Không biết thì trở thành ngu, biết mà không biết rõ ràng thì vướng mắc, cho nên phải nhìn rất rõ thực tướng của các pháp. Nói có cũng sai mà nói không cũng sai. Nó là như vậy, biết như vậy.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

BÀI 28: MA SẮC ẤM

Một trong những ma ngũ ấm là ma sắc ấm. Ma là gì? Ma có nhiều loại: Ma cảnh hay ma tâm. Nếu tâm chẳng chánh thì sẽ lọt vào tà kiến, khiến ma ngũ ấm hoặc thiên ma quỷ thần xâm nhập. Thiên ma yêu mị hay quỷ thần xâm nhập nó từ đâu? Tất cả chỉ là cảnh.

Trái đất này, chúng ta thấy: Cây, cỏ, nhà, vườn tược, xe cộ, dòng sông, con người, trai, gái, ông già, bà già, con nít, máy bay... Tất cả những thứ ấy, hình tướng khác nhau tạo ra trái đất này. Nhưng khoa học đã chứng minh, rằng các vật thể ấy được tạo ra bởi 118 nguyên tử. Vì các cấu trúc và số lượng electron, neutron và proton của nguyên tử ấy khác nhau cho nên nó có hình tướng khác nhau. Có nghĩa là, tất cả những vật chất ấy chỉ là năng lượng, là ion+, ion-. Trong những ion+ và ion- ấy có khoảng chân không.

Trong thuật ngữ nhà Phật nói “*Vạn pháp tự tánh vốn bình đẳng*” là chỉ ở chỗ này. Các pháp thấy được đều là năng lượng. Nhưng tại sao chúng ta thấy có trai, có gái, có ông già, có con nít, có nhà cửa, có máy bay, có chó, có mèo, có xe, và đủ các thứ? Những thứ ấy từ đâu mà ra? Tâm tánh của những thứ ấy có khác hay không? Đó là vấn đề chúng ta cố gắng tìm hiểu và học hỏi để rồi

chúng ta biết cái tâm mà gọi là chơn tâm thường trụ nó nằm chỗ nào, hình tướng nó ra sao?

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan rất rõ: “*Người hành giả tu Phật mà không thấy được tánh thì chẳng khác nào lấy cát sỏi mà mong nấu thành cơm, không bao giờ có thể thành cơm được, chuyện ấy là không thể có*”. Bởi thế cho nên, người tu cần phải thấy được **tánh** rồi mới biết đường mà tu.

Đức Thế Tôn dạy rất rõ: “*Vì tâm chẳng chánh nên lọt tà kiến*”. Vì tâm chẳng chánh nên lọt tà kiến, nếu tâm chánh thì lọt vào chỗ nào? Trong Kinh Nikaya, có đoạn ngài A Nan hỏi Đức Thế Tôn: “*Người chết đi về đâu?*”. Đức Thế Tôn dạy rằng: “*Này A Nan, ông hãy xem ngoài bìa rừng có cây kia, nó nghiêng về hướng nào?*”. Ngài A Nan bạch Đức Thế Tôn: “*Cái cây nó đang nghiêng về hướng Đông, tại vì nó theo quang năng động*”. Đức Thế Tôn mới hỏi tiếp: “*Như vậy, khi chết nó sẽ đổ về hướng nào?*” Ngài A Nan: “*Bạch Đức Thế Tôn, khi chết nó đổ về hướng Đông. Khi sống, nó đang nghiêng về hướng Đông, dĩ nhiên khi chết nó đổ về hướng Đông*”. Đức Thế Tôn nói: “*Đúng thế, đúng thế. Khi sống nó nghiêng về hướng Đông, chắc chắn khi chết nó đổ về hướng Đông thôi, không có gì thắc mắc hết. Cũng như thế, nếu cái tâm chánh thì tà kiến không có, mà tà kiến không có thì ma ngũ ám ở đâu mà sanh ra*”.

Sáu căn đã được thông suốt thì không còn bị bế tắc, không còn bị nhiễu loạn. Mà nếu nó không còn bị nhiễu loạn thì lấy gì để có cái gọi là tâm? Cái chúng ta gọi là tâm, thực sự ra là vọng tâm. Nó là do cái thể động, do có gió mới có sóng. Nó phải nương vào chỗ nào đấy nó mới gá, nó mới phát sanh ra. Chẳng hạn như tâm tham, tâm sân, tâm si, tức là có vật gì đó nó ưa thích mới khởi lên tâm tham. Có khi nào quý vị tham cái thùng rác không? Chắc chắn là không, nhưng quý vị tham cái thùng vàng. Tại sao quý vị tham cái thùng vàng mà không tham cái thùng rác? Tại vì cái chỗ gọi là tâm phân biệt.

Nếu như tâm chánh chẳng lọt vào tà kiến thì làm sao ma quỷ âm có thể phá được? Dẫu rằng có thiên ma, quỷ thần, yêu mị xâm nhập thì vẫn nhận rõ được thực tướng của các thức, căn, trần không giao thoa, thức không sanh, vọng tưởng điên đảo không có thì lấy chỗ nào trụ mà phát sinh ra cái ma sự ấy. Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ *“Cái tâm thể bản giác của mười phương chúng sanh vốn là viên mãn diệu minh, cùng với mười phương chư Phật chẳng hai chẳng khác”*. Chẳng hai, chẳng khác nghĩa là cùng một thể, thể ấy là hoàn toàn thanh tịnh, rỗng rang.

Mười phương chúng sanh, cái tâm thể bản giác của chúng sanh giống như mười phương chư Phật. Nói như vậy không có nghĩa là một, tuy giống nhau nhưng không phải là một. Bởi thế cho nên, Phật là Phật, chúng sanh

là chúng sanh. Vì do vọng tưởng nên chúng sanh mê chấp, mê chấp nên mới sanh ra ái. Si ái sanh khởi khắp mọi nơi nên mới có cái gọi là hư không. Mê chấp biến hóa không ngừng sanh ra thế giới.

Trong ma ngũ ấm gồm: Ma sắc ấm, ma thọ ấm, ma tưởng ấm, ma hành ấm, ma thức ấm.

Sắc là gì? Chúng ta hằng ngày đọc kinh, nhất là bài Bát Nhã Tâm Kinh: *“Quán tự tại Bồ Tát thường chiếu kiến thâm sâu, bỗng soi thấy năm uẩn là không. Sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, thọ - tưởng - hành - thức cũng đều như thế”*. Chúng ta đọc như con kít, như cái máy cát-sét. Nhưng cái máy catset có thành Phật được không? Trong Kinh Bát Nhã, Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ: *“Chư Phật mười phương ba đời cũng nhờ trí tuệ sanh ra trưởng dưỡng mà thành tựu”*.

Sắc là những cái có hình tướng, chẳng hạn như cái thân, cái núi, cái nhà gọi là sắc. Tức là nó có hình tướng thì tạm gọi nó là sắc. Sắc là cái hình tướng bề ngoài nhưng bản thể nó là gì? Nó là ion+, ion-, là năng lượng mà thôi. Tất cả vật chất trong vũ trụ, thấy có nhà cửa, sông, núi, xe cộ, máy bay, con người, già, trẻ, lớn, bé và ngay cả tâm tư của chúng ta. Khi chúng ta phát động ra luồng tư tưởng, nó cũng là năng lượng. Máy radio và cái đài phát thanh cũng thế, nó cũng là năng lượng. Nó phát ra tần sóng nên mới có âm thanh tiếng nói, hình ảnh.

Cho nên tất cả những cái ấy gọi là sắc, trên vũ trụ này là năng lượng. Cho nên mới nói: Vạn pháp trên vũ trụ này là bình đẳng, vạn pháp tự tánh giống nhau. Thấy tướng bề ngoài có con trai, con gái, có bàn, ghế, nhà cửa chứ tất cả chỉ là năng lượng. Hễ là năng lượng thì là ion+ và ion-.

Sắc là những gì chúng ta thấy. Có những cái chúng ta không thấy như “điện”. Không nhìn thấy điện nhưng thấy hiệu ứng của nó như là đèn điện, quạt máy. Cắm vào nguồn điện thì đèn sáng lên, quạt quay vù vù. Thế thì, thấy được biểu hiện của cái thể, tức là cái tướng nhưng không thấy được cái thể, tức là cái tánh của nó. Ion+, ion- không thấy nhưng thấy được kết cấu bên ngoài.

Đức Phật dạy ngài A Nan như thế này: “*A Nan nên biết, người tọa đạo tràng, vọng niệm hết thì ngay cái lìa niệm ấy tất cả sáng tỏ, động tịnh chẳng dời, nhớ quên như một, nên trụ nơi này mà nhập chánh định. Như người mắt sáng, ở chỗ đen tối, chon tánh trong sạch trong tâm chưa phát ánh sáng, đây gọi là phạm vi của sắc ám. Nếu con mắt sáng tỏ thì mười phương khai mở chẳng còn đen tối, gọi là sắc ám hết. Khi ấy được siêu việt uế trước. Nhưng quán xét nhân duyên, bởi kiên cố vọng tưởng làm gốc*”.

Đức Thế Tôn dạy: Vọng niệm hết thì ngay lúc lìa niệm ấy, tất cả sáng tỏ. Giống như nước và sóng, khi nào

không còn sóng thì nó trả về với nước. Bởi vậy, người tu khi lìa được vọng niệm thì trở về cái thanh tịnh của mình, cái ấy gọi là chơn tâm. Tuy nhiên lìa vọng niệm chưa phải là trở về với chơn tâm. Đức Thế Tôn dạy rất rõ: Động, tịnh chẳng dòi, tức là ngay chỗ động chẳng dòi mà tịnh cũng chẳng dòi, nhớ quên như một, nhớ hoặc quên đều giống nhau, nên trụ nơi này mà nhập chánh định.

Vậy tại sao ở chỗ này chỉ nói tới phạm vi của sắc ấm? Nếu còn nhớ tới động, tịnh mà nhớ tới động, tịnh chẳng dòi, thì ngay đó có sự phân biệt giữa động và tịnh. Nếu như nhớ tới cái chỗ nhớ và quên mà giống nhau thì vẫn có nhớ có quên, tất cả các pháp đều có, đều có nhập vào chánh định nhưng vẫn nhớ tới các pháp thì không rời được các pháp. Mà không rời được các pháp thì chưa rõ ràng. Chưa được rõ ràng thì cái định ấy chưa phải là định. Nếu quán xét nhân duyên là do kiên cố vọng tưởng làm gốc, thì con mắt sáng tỏ, mười phương khai mở gọi là sắc ấm.

Đức Thế Tôn lại dạy tiếp: “*A Nan, trong lúc tham cứu diệu minh quên cả tứ đại, bỗng sắc thân ra vào vật chất đều chẳng chướng ngại ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra trước mắt, việc ấy là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh, chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt*”. Nếu tự cho là chứng Thánh thì lọt vào tà ma. Ngay chỗ mình đang tham cứu, ngồi thiền quên cả

tứ đại, giống như một vị thiền sư quán tưởng tới biển cả, tự nhiên biến mất mà chỉ thấy biển cả ở trong phòng mà thôi. Ngay chỗ sắc thân ra vào vật chất chẳng chướng ngại, vì nó hòa đồng cùng một thể, ấy chỉ là dụng công, nghĩa là tiền trần thanh tịnh.



Khi nói đến bất kỳ sự dụng công nào thì đều là do duyên sanh, hễ do duyên sanh thì không thực. Chúng ta không nói nó là thường hay vô thường, chỉ nói là không thực thôi. Hễ nói vô thường là có thường, hễ nói thường là có vô thường, đều kẹt trong danh tự và đối đãi. Chúng ta mượn tạm danh từ không thực, là như huyễn. Nếu nói là huyễn thì sai, là như huyễn. Giống như ảo thuật gia và vật ảo thuật, huyễn sư và huyễn sự. Nếu ngay lúc ngồi thiền hoặc quán chiếu, thấy rõ cảnh giới nào đó hiện ra tràn đầy trước mắt thì đấy là công dụng tạm thời, tức là vượt từ chỗ có sang chỗ không chứ chưa chứng

được chỗ rỗng rang. Vì chỗ rỗng rang ấy không có hình tướng nữa. Hễ còn có sắc tướng thì vẫn còn trong ma sắc ám. Trong lúc tham cứu diệu minh thân như lưu ly, bỗng trong thân lảy ra các loài giun sán mà thân vẫn y nguyên chẳng hề thương tổn, ấy là do chất sáng tỏa tràn ra hình thể, đây là do tu hành tinh tấn tạo được như thế.

Cho nên, khi tu tự nhiên thấy trong thân có cái gì không vừa ý lảy ra được, nhiều khi mình nghĩ mình chứng đắc A La Hán. Khi khởi tâm nghĩ như vậy là rớt vào trong ma sự. Chính sự tu hành tinh tấn cho nên ta mới được như vậy. Khi dẹp bỏ được tham, sân, si, vọng tưởng điên đảo thì lập tức có thần thông ngay. Nhưng thần thông ấy là tạm bợ, không có thực.

Trong lúc tham cứu diệu minh, ngoài sắc thân ra, hồn phách ý chí tinh thần dung hòa lẫn nhau. Bỗng trong hư không nghe tiếng thuyết pháp. Tức là khi mình đang tham cứu hoặc ngồi thiền thấy hồn của mình thoát ra khỏi xác. Lúc tham cứu như thế mà nghe hư không có tiếng thuyết pháp hoặc nghe mười phương chư Phật cùng diễn mật nghĩa, thì đây gọi là hồn phách ý chí thay phiên làm chủ - khách rồi ly hợp lẫn nhau. Cũng như thế, trong khi mà đang tham cứu diệu minh thì thấy phát ra ánh sáng, chiếu khắp mười phương, màu sắc diêm phù đàn, tất cả các loài đều hóa thành Như Lai. Bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang, ngàn

Phật vây quanh thì gọi sở nhiễm của tâm hồn linh hội, ánh sáng của tâm chiếu soi khắp thế giới.

Từ trong tâm phát ra ánh sáng, ánh sáng ấy là trí tuệ. Trong tâm của mình phát ra trí tuệ chiếu soi tất cả thế giới. Thế giới đây là cái không gian, cái phạm trù duyên hợp của chúng sanh. Những cái ấy nếu thấy thì chẳng phải chứng Thánh đâu. Cho nên đừng có chấp liền, thấy được, thấy cái gì là mau mau nói “*Ta đã thấy, ta đã chứng đắc*” thì e rằng ta bị ma sắc ám nó vây quanh, nó cám dỗ. Cũng như thế, trong lúc tham cứu hoặc ngồi thiền mà thấy rằng bỗng nhiên trong hư không hiện ra nhiều màu bách bảo. Tức là thấy đủ thứ màu sắc hết xanh, vàng, đỏ, trắng đồng thời cùng khắp mười phương mà không chướng ngại nhau thì đó là do sự dụng công đè nén quá mức mà hiện ra như vậy, chứ không phải chứng Thánh.

Giống như lấy tảng đá đè cái tham, sân, si. Cố gắng dụng công đè nó xuống. Tham nó bùng lên thì đè nó xuống. Đó không phải là pháp tu, đó gọi là ức chế tâm. Mà ức chế tâm thì chỉ được mức đó, tức là vì dụng công đè nó xuống, dụng công cắt, ném nó đi cho nên nó mới phát sinh hiện tượng. Vì đè nén nên nó tạo các màu sắc bách bảo, xanh, đỏ, vàng, trắng. Nếu quý vị lấy hai tay đè lên mắt, đè lâu một hồi tự nhiên quý vị thấy nó có đom đóm ở trong hư không, chớp chớp trong hư không. Thế thì, chớp trong hư không đó không tự nó mà có. Cái

chớp trong hư không cũng không từ trong chơn không mà ra. Mà cái chớp trong hư không chẳng qua là do đề tay vào mắt quá lâu thì nó phát sinh ra như thế mà thôi, nó không có thực.

Cũng như thế, thấy có đường phố, bà con phương xa, có những người ở quá xa hoặc chết rồi mà vẫn nghe được. Nếu mà dụng công tới cái mức ấy thì nhiều khi lại nghĩ rằng đã chứng đắc. Thấy được địa ngục, thấy được thiên đàng rồi nói là “*Ta đã chứng đắc đây*” thì ngay chỗ ấy lọt vào cảnh giới tà ma. Ma bên ngoài, ma bên trong là như thế. Chúng tự nhiên tương ưng với nhau và biến dạng ra như thế. Trong lúc tham cứu hoặc ngồi thiền thấy được bà con ở xa, có tiếng nói thì đây gọi là cái tâm bức bách quá mức, do cái gì mà dụng công quá mức.



Tu cứ thông thả, từ từ rồi nó sẽ thấm. Còn cố gắng nỗ lực cắt bỏ đi tham, sân, si là lấy đá đè, ức chế tâm. Tất

cả trạng thái ấy sẽ đưa tới tác dụng ngược. Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan như thế này: *“Trong lúc tham cứu diệu minh thấy hình thể của thiện tri thức, trong giây lát hiện ra đủ thứ biến đổi ấy gọi là tâm tà, bị yêu mị hoặc thiên ma xâm nhập, thấy được thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, chẳng phải chứng Thánh mà tự cho là Thánh, ấy là cảnh giới tốt. Nếu chấp như vậy liền lọt vào tà ma”*.

Trong Đại Trí Độ Luận, ngài Phạm Chí Trường Trảo nói chuyện với Đức Thế Tôn. Ngài đến gặp Thế Tôn nói rằng: *“Ngài Cô Đàm, kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?”* Đức Thế Tôn mới hỏi lại: *“Nhưng mà kẻ ấy có thọ kiến chấp là mình không thọ các pháp hay không?”*. Thì ở ngay chỗ ấy, ngài Phạm Chí Trường Trảo giật mình, biết rằng mình sai cho nên mới hỏi lại Đức Phật: *“Nếu như kẻ ấy không thọ kiến chấp là mình không thọ các pháp thì ngài Cô Đàm nghĩ sao?”*. Đức Phật nói rằng: *“Như vậy người và ta bình đẳng, hà có gì người đến đây để cống cao, ngã mạn”*.

Ở nơi chỗ không thọ, lại khởi kiến chấp mình không thọ các pháp. Không thọ các pháp là một, nhưng nếu chấp rằng mình đang không thọ các pháp thì đó là vướng mắc. Cho nên phải buông luôn cái kiến chấp là mình không thọ các pháp. Nhưng nếu nói rằng mình đã buông được kiến chấp không thọ các pháp thì ấy là cũng là một pháp. Mình dính mắc vào ngay chỗ ấy. Cho nên biết

thực tướng của các pháp mà không dính mắc mới là quan trọng. Còn nếu cố gắng dụng công để loại trừ tham, sân, si thì có thể loại được không thừa quý vị? Thực tướng của tham, sân, si là năng lượng. Tham sân si chính là quý vị. Quý vị không thể tiêu diệt nó được. Quý vị chỉ chuyển hóa tham, sân, si thôi.

Vậy chuyển hóa tham, sân, si từ đâu? Chuyển hóa bằng cách nào? Cho nên Đức Thế Tôn mới dạy cách đối trị cái tham bằng bố thí, dùng bố thí đối trị tham. Trong Đại Trí Độ Luận có ghi lại cuộc đối thoại giữa ngài pháp sư Hỷ Căn với ngài pháp sư Ý Căn. Ngài pháp sư Ý Căn thì lúc nào cũng tôn trọng tham, sân, si, dâm, nộ, si, dạy các đệ tử cố tránh xa, nếu nó xuất hiện thì đập nó xuống, đừng để cho nó bùng lên. Ngược lại ngài pháp sư Hỷ Căn thì thấy rõ thực tướng của tham, sân, si là do duyên sanh. Vì có duyên mới nảy sinh ra như vậy, không phải tự nhiên nó có, tự tánh nó vốn thanh tịnh. Và vì thấy rõ được như thế, Ngài dạy các đệ tử luôn luôn quán chiếu chứ không nên sợ hãi nó. Vì thực tướng của nó là thanh tịnh, nó không có gì cả.

Con ma này ở ngoài thế gian, dù là thiên ma hay là cái thứ ma gì đó, thì cũng mặc kệ. Có ai đã thấy ma chưa? Có ai đã sống với ma chưa? Có ai đã nói chuyện với ma chưa? Có ai biết con ma nó thực ra là cái gì chưa? Nhưng người ta ưa sợ mấy con ma đấy mà người

ta không sợ con ma nơi tâm mình. Con ma ở trong tâm là do sáu căn. Bởi vậy cho nên trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn mới dạy “*Lục mở nhất tiêu*” là như thế đấy. Nếu sáu căn đã được thanh tịnh, thông suốt rồi thì mấy con ma ở ngoài không bao giờ làm ô nhiễm được và không làm náo loạn được.

Cũng như thế, nếu sáu căn đã thanh tịnh, thông suốt thì cảnh bên ngoài không thể đem phiền não tới được. Nếu cố dụng công thì chỉ là cố gắng đóng các căn lại nhưng thực sự không làm cho các căn nó ngủ. Tại vì “tánh biết” không nằm ở nơi căn. Thí dụ, như là cái biết của con mắt, tánh thấy của con mắt, cái đó không phải là cái thức. Không phải do nhãn căn, nhãn trần giao thoa với nhau để sanh ra nhãn thức. Nhãn thức ấy không phải là cái biết của con mắt mà chỉ là cái vọng tưởng điên đảo mà thôi. Nếu như chúng ta cố gắng dụng công để đè nó xuống thì chẳng khác nào chúng ta chỉ làm cho nó bùng lên. Nó vẫn nằm đó thôi, khi mà nó bùng lên thì nó càng bùng lên một cách mãnh liệt hơn nữa và nó càng tạo ra những phiền não tăng cường. Đó là một trạng thái ức chế tâm, mà càng ức chế tâm chừng nào thì càng không tới được sự rỗng rang của cái tâm, tức là bản thể thanh tịnh. Nhận rõ thực tướng của các pháp là như thế mà không vướng mắc thì cái đó là phương pháp tu thù thắng.

Đức Thế Tôn dạy rất rõ: “*Trong lúc tham cứu diệu minh thấy hình ảnh thiện tri thức, giây lát hiện ra đủ thứ biến đổi, ấy là tâm tà bị yêu mị, thiên ma xâm nhập, thành linh thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, chẳng phải chứng Thánh, chẳng tự cho là Thánh. Nếu cho là Thánh lọt vào tà ma. A Nan, một người thấy cảnh giới thiền định trên đều có sắc ấm và do dụng tâm giao tranh mà ra*”. Khởi tâm mà ức chế tâm và dụng công, hai cái nó đánh nhau nên hiện ra như thế. Nhưng chúng sanh u mê chẳng chịu xét kỹ, gặp nhân duyên lành chẳng tự biết. Thế là do sự chiêu cảm mà thôi, khởi tâm lên rồi dụng công đè tâm xuống. Chính vì như vậy, nó tạo ra chướng ngại, điên đảo chất chồng lên điên đảo. Nhưng nếu quán chiếu thường xuyên, biết rõ thực tướng của các pháp đều như huyễn thì không cần dụng công, chỉ cần quán chiếu. Giống như bài pháp Đức Thế Tôn dạy trong Kinh Nikaya là: *Chỉ cần quán chiếu trong từng sát na, nếu một niệm sanh ra trong tâm thì biết niệm ấy vừa sanh, nếu niệm ấy vừa diệt thì cũng biết niệm ấy vừa diệt. Nếu niệm hỷ sanh ra thì cũng biết niệm hỷ vừa sanh. Cứ như thế thì biết rất rõ trước khi chết và chết đi về nơi nào.*

Tóm lại, con ma bên ngoài, dù có chằng nữa cũng không quan trọng. Nó không phải vấn đề để người tu lo lắng. Người tu nên lo lắng nơi chính bản thân của mình, nơi sáu căn, nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu biết rằng

các pháp đó đều như thị, đều là như huyễn, đều là không thực thì có gì đâu mà phải phiền não, chỉ cần quán chiếu nó thôi thì tự nhiên sáu căn sẽ thông. Mà sáu căn thông thì sáu trần không ảnh hưởng được, đương nhiên sáu thức không sanh. Đó là pháp tu của người tu chơn chánh.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tóm Tắt

Bản chất của Ma Sắc Ấm

- Một trong năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) có thể trở thành nguồn gốc của mê lầm.
- “Sắc” thực chất là năng lượng (ion+, ion-) biểu hiện thành hình tướng vật lý.
- Những gì ta thấy như người, vật, cảnh xung quanh chỉ là năng lượng được tâm thức sắp xếp thành hình tướng.

Tâm và Nhận Thức

- Mọi pháp vốn bình đẳng về bản chất, nhưng trở nên khác biệt do sự chiếu rọi của tâm.
- Nếu tâm không chánh, sẽ sinh tà kiến, tạo ra ảo tưởng và sự xáo trộn.

Lời Phật dạy cho A Nan

- Không thấy được tánh chân thật, tu hành chỉ là vô ích – như nấu cát để thành cơm.

- Chánh kiến và chánh niệm giúp không bị ảnh hưởng bởi những hình ảnh huyền hóa.

Ảo Tưởng Trong Hành Trì

- Khi hành thiền sâu, có thể xuất hiện:
 - Thấy ánh sáng, thấy chư Phật, nghe tiếng nói.
 - Cảm thấy thân thể trong suốt hoặc nghe pháp thoại từ hư không.
- Những hiện tượng này không phải dấu hiệu chứng ngộ, chỉ là kết quả của định lực mạnh hoặc tâm bị ức chế.

Nguy Cơ Hiểu Lầm

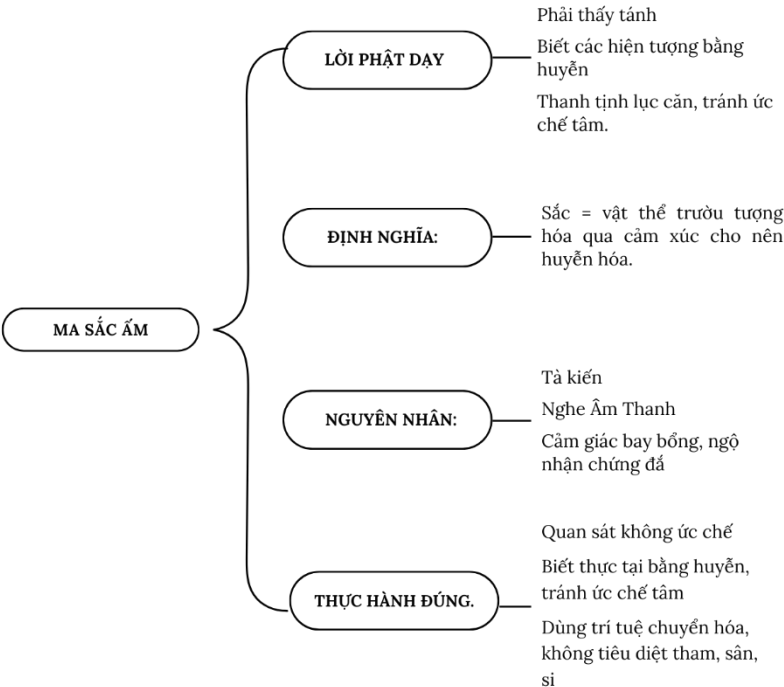
- Nếu lầm tưởng ảo giác là chứng ngộ sẽ sinh ngã mạn, rơi vào ảnh hưởng của tà ma.
- Trí tuệ thật sự đến từ việc quán chiếu rằng mọi pháp đều như huyễn.

Pháp Hành Đúng Đắn

- Không cần đè nén vọng tưởng; chỉ cần quan sát với chánh niệm.
- Quán chiếu là yếu tố chính – không phải cưỡng ép hay không chế.
- Giải thoát thật sự xảy ra khi lục căn được thanh tịnh, không còn bị động bởi sắc trần bên ngoài hay hình ảnh nội tâm.

Chuyển Hóa Thay Vì Đè Nén

- Đùng đấu tranh hay ức chế phiên não (tham, sân, si).
- Chuyển hóa bằng trí tuệ, ví dụ như dùng bố thí để đối trị tham.



BÀI 29: MA THỌ ÁM

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, duyên sự do ngài A Nan ngộ nạn Ma Đăng Già, cho nên Đức Thế Tôn, nhờ Đại Trí Văn Thù dùng thần chú Thủ Lăng Nghiêm niệm. Khi niệm câu chú này, ngài A Nan bừng tỉnh và thoát khỏi nạn Ma Đăng Già. Khi trở về Ngài khóc với Phật và xin Phật dạy cho pháp để mà tu học, để điều cái tâm. Vì duyên sự ấy, nên Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan bảy lần là cái tâm như thế nào? Ngài A Nan không trả lời được.

Cũng trong duyên sự như thế, Đức Thế Tôn hỏi 25 vị Đại đệ tử vì sao các vị chứng đắc? Mỗi vị có một lối vào đạo khác nhau nhưng cuối cùng đều chứng đắc A La Hán. Rồi Đức Thế Tôn chỉ cho ngài A Nan tu như thế nào mà có thể điều được cái tâm hoặc là giữ cái tâm định.

Bảy lần Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan nhưng ngài A Nan không biết cái tâm ở đâu. Nếu không biết tâm ở đâu thì giống như một người tướng đánh giặc làm sao có thể biết quân địch ở đâu để bắt nó. Đức Thế Tôn cũng dạy cho ngài A Nan: Lục mở nhất tiêu – sáu cánh cửa vào đạo nếu thấy được tâm thì sáu cửa ấy sẽ bị tiêu diệt. Thế thì sáu cánh cửa ấy là lục căn, lục trần. Lục căn khi nó đã được thông suốt rồi thì lục trần không làm cho lục căn ô nhiễm thì lục thức không sanh.

Nếu lục căn, lục trần, lục thức đều không có, đều là như huyễn, không sanh thì lấy gì để quấy nhiễu. Vì có lục căn, lục trần, lục thức cho nên mới sanh ra cái gọi là tâm. Thực sự ra cái tâm ấy Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan 7 lần đều không trả lời được. Không biết cái tâm ấy hình dáng như thế nào và nằm ở đâu? Lớn nhất thì cũng là nó, nhỏ nhất cũng là nó. Quý vị đi ra ngoài bầu trời, quý vị nhìn thấy từ đông sang tây, từ nam sang bắc chỉ bằng một cái nhìn là lập tức quý vị thấy không sót một vật ở trên bầu trời. Từ nam sang bắc, từ đông sang tây đều trong cái tâm nhìn. Có nghĩa là từ trong cái thức của cái biết, cái biết của mắt tức là nhãn thức. Nhãn thức nhìn một cái là biết ngay nó to lớn như thế và đều thâm nhập hết không sót một áng mây, không sót một vì sao đều nhìn thấy hết. Mặt trăng chỗ nào cũng thấy rõ. Thế thì cái biết của mắt rất là nhanh và thấy rất là rộng.

Cũng như thế, nếu nhìn vào lỗ chân kim để mà xỏ một sợi chỉ thì con mắt cũng nhìn thấy rất rõ và cái biết của con mắt cũng nhận rõ sợi chỉ và lỗ kim. Nói như thế có nghĩa là có thể thu cái biết của con mắt từ cái nhìn bầu trời bao la rộng lớn nhỏ lại đến cái đầu kim hay sao?

Nếu cái biết ấy có thể thu nhỏ, phóng lớn, co giãn đủ mọi hình tướng thì cái biết ấy là duyên sanh. Nếu bất cứ cái nào là duyên sanh thì như huyễn, không thực. Thế thì cái biết của con mắt, của tai đều là không thực hay

sao? Những gì ta thấy được, ghi nhận được cái ấy là thức, tức là cái lục thức. Lục thức ấy cũng là cái biết, cũng là do duyên sanh.

Vì có lục căn giao thoa với lục trần cho nên mới sanh ra lục thức. Bất kỳ pháp nào do các pháp khác thành tựu thì pháp ấy đều có điều kiện. Mà nếu pháp nào có điều kiện thì cũng đều là duyên sanh. Thuật ngữ thế gian gọi là có điều kiện, trong Phật học gọi là duyên. Mà duyên sanh thì tất cả đều như huyễn.

Bởi thế cho nên muốn thành tựu được trong vấn đề tu học, Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ: *“Người nào tu học mà không nhìn thấy được tánh thì chẳng khác nào lấy cát sỏi mà mong nấu thành cơm, việc ấy không thể có được”*.

Tâm là gì? Ở đâu? Hình tướng ra sao? Dù tra cứu khắp Tam Tạng Kinh điển không có chỗ nào nói về cái tâm, cũng không có chỗ nào tả hình tướng nó. Mà tất cả Đức Thế Tôn dạy, các vị đại Bồ Tát, Chư Phật ba đời cũng chỉ dạy cho những cái loại trừ vọng tưởng điên đảo. Tham, sân, si – được gọi là tâm tham, tâm sân, tâm si – vì chúng chỉ khởi lên khi gá theo cảnh mới sanh ra cái tâm. Cái tâm ấy không phải là chơn tâm thường trụ mà là biểu hiện dính mắc của căn và trần.

Khi căn với trần giao thoa nó sẽ sanh ra cái thức. Đó gọi là cái biết theo thế gian, cái biết theo vọng tưởng

điên đảo. Chúng ta vẫn gọi đó là vọng tưởng điên đảo. Nếu quán chiếu rõ thực tướng các pháp, sẽ thấy một điều: Tự tánh các pháp vốn bình đẳng, làm gì có vọng, có chơn? Chỗ nào còn vọng là còn đối đãi. Chỗ nào còn chơn cũng vẫn là đối đãi. Chơn vọng đều không thật.



Trong Kinh Phạm Võng, Kinh Nikaya Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ: 62 pháp luận bàn của các vị Bà La Môn, 62 biện kiến, 62 lí thuyết tuyệt vời của các chư vị ấy cũng đều bị dính mắc. Nói về vũ trụ, nói về nhân sinh không có chỗ nào chệ được. Nhưng tại sao Đức Thế Tôn lại nói đến 62 cái luận thuyết ấy không ra khỏi cái lưới Phạm Võng? Lưới Phạm Võng thì các mắc lưới rất là to, nếu lấy cái đầu người chui qua vẫn lọt.

Đức Thế Tôn có dạy: *“Các vị ấy không thoát ra khỏi lưới Phạm Võng là tại vì các vị ấy có cảm thọ”*. Cảm thọ rằng cái thuyết đây là của mình. Ngay chỗ cảm thọ ấy

phát sanh ra cái ngã, và hễ có cái ngã thì lập tức sanh ra ái ngã và ngã sở. Cứ như thế nằm trong thập nhị nhân duyên nó xoay. Mà hễ Thập nhị nhân duyên nó xoay thì sanh tử luân hồi là phải có.

Thế thì từ đâu mà lại rớt vào chỗ ấy? Chẳng qua vì vô minh không thấy được rằng thực tướng của các pháp vốn là như thế. Nói trúng cũng sai, nói sai cũng sai, nói có cũng sai, nói không cũng sai. Vậy thì, tất cả đều chỉ là sự đối đãi.

Nếu nói rằng người tu hành là tự tại, không cần giữ giới mà vẫn là giữ giới. Đi đứng nằm ngồi đều là giới vì giới là mình. Ấy là vương mắc vào ngôn từ, đó là vương mắc vào một trong các pháp mà Đức Thế Tôn nói là 62 pháp biện luận của các nhà đại tài đều dính mắc vào một điểm là cái lưới phạm võng.

Tức là chấp có cái thuyết, chấp có cái ngã. Và vì có chấp vào thuyết, chấp vào ngã cho nên cảm thọ và khi đã cảm thọ rồi thì thuyết ấy bỏ đi. Tại vì cái thuyết ấy dính mắc, mà nó dính mắc thì là không phải chân lý. Nó là dính mắc vào trong một cái bản thể và cái uẩn. Tại sao nói nó không phải là chân lý? Chân lý là bất nhị, chân lý là không có dính mắc vào đối tượng nào.

Ví dụ: Quý vị dùng hộp quẹt đốt lửa lên, rồi đưa tay vào sẽ thấy nóng, phải không? Nóng quá nó phỏng ngón

tay. Thế thì cái chân lý là gì? Chân lý là lửa thì nóng mà đưa tay vào trong lửa thì phỏng. Đây... đó là chân lý. Không thể có chuyện đưa tay vào lửa mà không bị phỏng và cũng không thể có ngọn lửa nào không nóng. Lửa thì nóng, đưa tay vào thì phỏng, đó là chân lý.

Chân lý là như thế, nó không cần phải nói, nó không cần phải đối đãi, nó không cần phải cảm thọ, cũng không cần phải nói tới chân lý đây là của tôi. Nếu khi quý vị phát hiện ra được như thế thì mới thực sự là xả bỏ. Chân lý là chân lý, nó không dính mắc vào đối tượng. Còn dính mắc vào đối tượng thì cái ấy là kẹt. Nó không phải là chân lý.

Thế thì 62 pháp, 62 luận đại tài của Bà La Môn đều kẹt vào trong chỗ chấp. Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ: *Pháp của ta ví như bè qua sông, giới luật giúp cho người hành giả đi qua sông mà thôi*. Khi qua sông thì phải có bè. Giới luật giống như bè giúp cho người hành giả vượt qua sông mê, có nghĩa là muốn qua được bờ sông sanh tử bên kia (bên đây là mê mờ, bên kia là giải thoát) thì phải **nhờ** tới giới luật.

Cho nên, giới luật là phương tiện để người hành giả vượt qua sông chứ không phải giới luật là cái hàng rào bao bọc người hành giả, nhốt người hành giả vào trong ngục tù. Vào thời Đức Thế Tôn, lúc đầu ngài A Nan có trình với Đức Thế Tôn về việc chế ra giới luật, Đức Thế

Tôn từ chối. Đức Thế Tôn nói: “*Trong Tăng đoàn của ta đang thanh tịnh hà có gì phải đưa ra giới luật*”. Giới luật là nghệ thuật vá cái áo đã rách.

Có nghĩa khi Tăng đoàn có người phạm, thì Đức Thế Tôn mới chế ra giới luật để giúp cho người hành giả khai trừ cái phạm đó. Cho nên, trong giới luật có khai giá trị phạm. Đức Thế Tôn vì tâm từ, vì sự lợi lạc cho người hành giả mới chế ra giới luật, chứ không phải giới luật chế ra để cấm người này làm việc này, cấm người kia làm việc kia. Nếu hiểu theo nghĩa cấm thì coi như chúng ta đã hiểu lầm ý của Đức Thế Tôn.

Giới luật giúp cho người hành giả được tới chỗ thanh tịnh. Vì có chỗ thanh tịnh cho nên mới nhìn thấy rõ được thực tướng của các pháp không bị rối loạn. Nhìn rõ được thực tướng của các pháp rồi, rất rõ như thế thì trí tuệ phát sinh. Vì thấy rõ được thực tướng của các pháp cho nên không chấp, không dính mắc vào đấy.

Ví dụ: Đức Thế Tôn thấy dân chúng tới khiếu nại nói rằng các vị Tỳ-kheo của Cù Đàm ưa leo cây. Vì như thế, cho nên Đức Thế Tôn chế ra giới luật là các Tỳ-kheo không được leo cây. Thế rồi, có một ông sư, một bữa nọ bị cọp rượt rồi vị sư ấy vừa chạy, vừa la: *Đức Phật không cho leo cây, Đức Phật không cho leo cây* và cuối cùng là con cọp làm hại vị sư ấy. Sau khi nghe như vậy, Đức Thế Tôn mới chế ra giới luật và nói như thế này: “*Các Tỳ-*

kheo không được leo cây ngoại trừ khi bị các thú dữ rượt hay là bị tai hại gì đó nên được phép leo cây”.

Có nghĩa là sao? Nếu là người tu hành theo Phật phải biết tất cả các phương tiện Đức Phật chế ra là để hỗ trợ cho người hành giả đi vượt qua bờ sông mê để tới chỗ giải thoát. Chớ không phải kìm kẹp cấm đoán, hiểu rõ như thế thì vô cùng lợi lạc.

Giới - định - tuệ là 3 mắt xích. Không có cái nào trước, không có cái nào sau. Chúng ta phải hiểu rõ, sẽ thấy rõ sự tương quan giữa giới, định, tuệ. Nếu không có trí tuệ, không thấy rõ cái sự quan trọng của giới thì chúng ta sẽ vấp vào trường hợp của ông tu sĩ kia: Là khi thấy cạp rượt, rồi cứ thế mà cháp vào giới và không dám leo cây cho nên mắc kẹt. Vì có trí tuệ, cho nên mới thấy được giới lúc nào giữ lúc nào không giữ, mà không giữ vẫn là giữ thì cái đó mới là cái diệu dụng của phép giữ giới luật. Và khi có giữ giới rồi mới có định, định rồi mới sanh trí tuệ và trí tuệ thì mới quay trở lại giữ giới một cách rất thanh tịnh, thông dong, tự tại.

Cho nên giới - định - tuệ nó là ba nhưng thực sự là một. Chúng là ba cái mắt xích nối liền, hỗ trợ với nhau. Tại sao giới lại quan trọng? Trong đời sống hằng ngày, chúng ta thường bị lệ thuộc nơi căn, trần, ngũ uẩn đánh lừa. Cho nên khi giữ giới là chúng ta không bị ngũ uẩn đánh lừa. Sắc, thanh, hương, vị, xúc nếu trú vào đó, thì

đó chính là địa ngục. Nếu chúng ta nhìn rõ thực tướng của sắc, thanh, hương, vị, xúc thì tất cả những cái ấy trở thành ra phương tiện.

Nếu không có con mắt thì làm sao chúng ta thấy được cảnh. Nếu không có mũi làm sao chúng ta ngửi được mùi. Nhưng nếu chúng ta chạy theo cái cảnh của mắt, thấy người đẹp thì ưa thích, thấy người xấu thì bắt đầu chạy xa, hay nói như bài thơ Tổng Biệt Hành của Thâm Tâm:

*“Đưa người, ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thấm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?...”*

Đưa người yêu đi sang sông mà hà có gì sóng ở ngoài đem vào “sóng ở trong lòng”. Sóng ở ngoài sông thì mặc kệ nó, ngày nào nó cũng có sóng. Sóng không buồn, sóng không vui, sóng không dữ, sóng không hiền lành, ngày nào sóng cũng thế. Nhưng có ngày đi ra bờ sông thì thấy sóng vui, có ngày đi ra bờ sông thì thấy sóng buồn. Nhất là cái ngày đưa người yêu sang sông mà tự nhiên lòng buồn. Cho nên mới nói: *Đưa người ta không đưa sang sông mà sao có sóng ở trong lòng.*

Thế thì, lấy cảnh làm tâm. Chỗ này là quan trọng đây! Lấy cảnh làm tâm rồi tâm bị nhiễm cảnh. Cho nên, cứ tưởng rằng tâm là cảnh mà cảnh là tâm. Ngay chỗ này

chúng ta rớt vào chỗ tướng tri. Biết, mà biết theo cái tướng tri, chứ không phải biết theo cái liễu tri, theo thực tướng của các pháp.

Vì không biết “cái biết” ấy là giả, là cái thức cho nên vướng mắc vào đây và chấp rằng là có sanh rồi có tử, có tử rồi có sanh, có duyên hợp duyên tan. Tại sao mà Đức Thế Tôn chế ra thuyết Duyên Sanh là một thuyết độc đáo của Phật giáo?



Vào thời Đức Thế Tôn, các vị Bà La Môn đều nói đến thuyết sáng tạo, định mệnh. Nghĩa là, có một đấng nào đây tạo ra sự việc như thế và định mệnh nó là như thế không có chạy được. Khi đã rớt vào trong cái định mệnh thì “*Bắt phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao*”.

Thế thì tu làm sao cải sửa được định mệnh? Nếu đã chấp vào thuyết định mệnh, có nghĩa “nó là như thế” thì

cái chuyện chúng ta đi tu “vứt đi”, nó không có ý nghĩa gì hết. Vì không sửa được định mệnh, vì muốn cho các vị Bà La Môn hiểu rõ thực tướng của các pháp cho nên Đức Thế Tôn mới bày ra thuyết Duyên sanh. Thế thì, thuyết Duyên sanh không phải là chân lý mà là phương tiện, là bè qua sông. Người ta chấp cho nên mới nói nó là chân lý. Đây không phải lỗi của Đức Thế Tôn.

Tất cả các pháp Đức Thế Tôn nói suốt 45 năm nhưng cuối cùng ngài nói: *“Ta không nói điều gì cả”*.

Tại sao thế? Có pháp gì để nói đâu, chẳng qua là phương tiện giống như bệnh gì thì cho thuốc ấy. Bệnh tham thì lấy bố thì để trừ cái tham. Bố thí là buông xả, bố thí là buông hết của cải, bố thí là buông cả thân mạng, buông xả hết tất cả những phiền não, buông luôn cả cái tâm chấp. Bố thí để đối trị với tâm tham. Tâm tham không tự dung có, nó đều do cảnh và căn. Do căn mình chạy theo cảnh thì nó phát sanh ra tâm. Nếu các căn đã thông suốt thì cảnh trần nó muốn làm gì nó làm, tâm có ăn thua gì đâu.

Chính vì thấy rõ như vậy nên Đức Thế Tôn mới đưa ra thuyết Duyên sanh để chống lại/phá bỏ thuyết định mệnh. Bởi vì quan niệm định mệnh là không cải sửa được, còn thuyết Duyên sanh thì cho thấy rõ thực tướng của các pháp, rằng: Tất cả đều như huyễn. Chính vì biết các pháp là như huyễn nên mới có thể tu. Lấy huyễn tu

huyền. Biết như thế mới thật sự có thể tu được. Nếu tin vào định mệnh, rằng đã an bài sẵn, không thể chuyển đổi, thì làm sao tu? Nếu nói định mệnh của tôi là nghèo, thì tu hành còn có ý nghĩa gì? Tu mà không thể giải quyết vấn đề được thì tu để làm gì? Do đó, thuyết Duyên sanh được Đức Thế Tôn trình bày như một phương tiện để phá trừ những cái chấp, nhất là chấp hữu, chấp cứng ngắc của Bà La Môn thời ấy.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan 7 lần, nhân duyên sự ngài A Nan ngộ nạn, mà ngài không thấy được “tâm” ở đâu, trong đó ẩn dụ gì? Ngài A Nan đại diện cho chúng ta, là những người đa văn, ham học, đi nghe pháp mà ham nghe pháp cũng là tham. Thế thì, thích học, thích nghe nhưng mà chưa chắc đã chịu hành trì, giống như ngài A Nan rất là thích nghe pháp nhưng không thấy được “tâm” ở chỗ nào, cuối cùng ngài A Nan sám hỏi với Đức Thế Tôn: *“Con rất là sám hối, con không chịu tu học, con nghĩ mình đa văn, thông tuệ, con nghĩ mình là em của Phật, con nghĩ mình là thị giả cho Phật, thế thì trước sau Phật cũng ban cho con trí tuệ, con chẳng cần tu”*.

Ngài A Nan nghĩ là Phật sẽ ban cho trí tuệ chứ chẳng cần tu để có trí tuệ. Cũng giống như thế, chúng ta thường chạy hết đạo tràng này đến đạo tràng kia mong tìm được

cái thứ trí tuệ ở đâu đấy nó rót vào trong đầu của mình để cho thông minh, nhận rõ thực tướng của các pháp.

Nếu mà nghĩ như thế, quý vị cứ ở bên này sông thôi, quý vị không bao giờ qua bên kia sông được. Ngài A Nan cũng bị như vậy, vì ý lại mình là em Phật, ý lại mình đa văn, ý lại mình là thị giả cho nên nói với Đức Thế Tôn là con ý lại như thế, cho nên con cứ đinh ninh là Đức Thế Tôn sẽ ban cho con trí tuệ, cho nên con chẳng cần tu.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn đã chứng minh rất rõ: *Ai tu nấy chứng, ai ăn ấy no*. Không thể nào có người khác tu cho mình được. Không có đạo tràng nào hay hơn đạo tràng nào, vạn pháp đều là bình đẳng, tự tánh vốn là thanh tịnh, nhiễm ô là do mình.

Trong Kinh Duy Ma Cật, biết Pháp Bất Nhị, Pháp Bất Nhị nói gì? *“Com là pháp, pháp là com”*. Khi ngài Tu Bồ Đề tới khát thực nơi ngài Duy Ma Cật, ngài Duy Ma Cật bới com đầy rồi nói: *“Nếu ông hiểu được các pháp tánh bình đẳng thì ông hãy ăn com này, ông mới xứng đáng ăn com này”*. Thế thì, ngài Duy Ma Cật nói: *“Com tức là pháp, pháp tức là com. Các pháp vốn là bình đẳng”*.

Thế có ý nghĩa gì?

Com là pháp, pháp là com. Com tượng trưng cho gì và pháp tượng trưng cho gì? Sự bình đẳng ấy nằm ở đâu? Vạn Pháp vốn là bình đẳng. Theo khoa học, Trái

đất này có nhà cửa, có cây, có đủ thứ nhưng nó được tạo dựng bởi 118 nguyên tử mà thôi. 118 nguyên tử tạo nên trái đất này, khoa học chứng minh rồi.

Thế thì 118 nguyên tử nó gồm những gì? Chúng gồm ba thành phần chính: Electron, neutron và proton, tương ứng với điện âm, điện dương và điện trung hòa. Tức là gì? Là năng lượng, đâu có gì khác. Hễ nói tới năng lượng thì là giống nhau.

Đàn ông, đàn bà, con trai, con gái, nhà lầu, xe hơi... tất cả đều là năng lượng. Hễ là năng lượng thì bình đẳng, cho nên, Đức Thế Tôn bằng con mắt tuệ nhãn Ngài quán chiếu đã thấy rõ, Ngài nói: “*Vạn pháp đều bình đẳng*” không có cái gì mất cũng không có cái gì còn.

Cho nên, nói sanh tử cũng chỉ là cách nói, chứ sanh ở đâu? Tử ở đâu? Hễ có duyên thì hiện mà hết duyên thì trả về với nguyên vị, năng lượng trả về với năng lượng. Làm gì có cái gì gọi là sanh, làm gì có cái gì gọi là tử, sanh tử là thế gian nói đối đãi để mà biết. Cũng như lành, dữ, thiện, ác... nói để đối đãi thôi. Còn bản thể của nó thì là thanh tịnh, thiện cũng là thanh tịnh, ác cũng là thanh tịnh.

Con mèo đi bắt con chuột rồi quý vị nói nó ác à? Quý vị khởi tâm lên giết con mèo để cứu con chuột thì quý vị cũng ác vậy. Chim Xí Điểu rượt con chim sẻ, chim sẻ

bay vào trong tay của Đức Phật. Chim Xí Điểu đòi tới ăn, Đức Thế Tôn nói: *“Hãy tha chim sẽ đi, đừng ăn nó, nhà ngươi hãy tu đi”*. Chim Xí Điểu nói: *“Bạch Đức Thế Tôn, con không ăn thì con chết, như vậy Đức Thế Tôn không công bằng, tại sao Đức Thế Tôn cứu một con, giết một con”*. Cho nên Đức Thế Tôn mới nói: *“Thôi được rồi, từ nay trở đi ta sẽ dạy các Tăng chúng là có lễ thí thực”*, khi ăn làm cái lễ thí thực để cho nó ăn. Cho nên mới có việc thí thực ở trong các chùa.

Tất cả đều có nhân duyên, vạn pháp trên đời không phải tự nhiên mà sanh. Đức Thế Tôn nói rất rõ: *Phàm mọi việc trên đời xảy ra đều có nhân duyên*. Khi đã quán chiếu rõ ràng, ta sẽ thấy: Nhân duyên cũng là như huyễn. Hễ có duyên sanh thì có duyên diệt. Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt.

Khi đã thấy rõ được thực tướng của các pháp là như thế thì không chấp vào cái chữ “như thị” nữa. Vì nếu nó đã như thế thì lý do gì cứ phải nói như thị. Nói riết là như con kết, giống máy cát-sét nó cũng tụng kinh hay lắm nhưng mà có bao giờ nó thành Phật không? Cho nên chúng ta tu thì tu, cứ rai rai tu, tu tới nơi tới chốn. Nếu Đức Phật dạy quy y Tam Bảo thì quy y Tam Bảo, giữ 5 giới thì giữ 5 giới, cũng đừng có phân biện nói rằng giới đó thanh tịnh, giới kia không thanh tịnh, làm gì có cái giới nào thanh tịnh, giới nào không thanh tịnh. Nó là

phương tiện, có là chân lý đâu. Hà có gì mình lại trông nó vào một chữ thanh tịnh, không thanh tịnh.

Nói bờ sông bên đây là mê mờ, bờ sông bên kia là giải thoát. Thế bờ ở đâu? Tại sao khi chúng ta học kinh, chúng ta nói bên đây có cái bờ gọi là bờ mê mờ, ráng tu đi chèo chống qua bên kia. Mượn bè mượn pháp, bè và pháp để đi qua sông. Thế thì trong chùa lại có câu: “*Hồi đầu bĩ ngạn*” là sao? Là quay đầu thấy bờ, tại sao lạ vậy? Nói ráng học đi để qua bờ bên kia rồi lại nói rằng bờ ở dưới chân. Như ngài Huệ Năng nói: “*Bờ dưới chân người chứ đâu*”.

Ta chèo chống để vượt qua sông mê, từ bờ mê mờ sang bờ giải thoát, từ bờ ngu si sang bờ trí tuệ. Rồi lại nói rằng: Bờ ở đâu mà có, quay đầu là thấy bờ, chân ta là bờ. Thực tướng của các pháp là như thế, chẳng qua phương tiện để nói như thế thôi. Chứ còn bờ cũng ở bên đây, bờ cũng ở bên kia. Nếu ta nghĩ có bờ bên kia, thì bờ bên kia hiện hữu; nếu nghĩ có bờ bên đây, thì bờ bên đây cũng có.

Chấp có thì vạn pháp đều có, chấp không thì vạn pháp đều không. Tất cả đều do tâm tạo, hễ tâm nghĩ không thì thấy nó là không. Hễ thấy thực tướng của các pháp như vậy thì an nhiên tự tại sống. Trong gia đình thấy có vợ, có chồng, có con nhưng vẫn chu toàn các bổn phận trách nhiệm của mình. Giống như trong Kinh Duy Ma Cật

nhưng không hề vương mắc. Thấy cha chết vẫn khóc nhưng không phải mình khóc vì tiếc ông cha chết rồi, thương cha quá. Không phải vậy, khóc vẫn là khóc tại vì khóc đó là chúng sanh, chúng sanh thì có sanh có diệt. Vì có sanh, có diệt nên khóc là bình thường.

Nhưng nếu trong cái khóc ấy khởi tâm luyến ái nói mất đi một cái gì của mình thì ngay lập tức có ngã, ngã sở và như vậy thì thập nhị nhân duyên xoay, sanh tử luân hồi không ra khỏi. Còn nước mắt mà rơi xuống là vì thấy chúng sanh sanh ra đều nằm trong Tứ Diệu Đế (khổ, tập, diệt, đạo). Thấy được như vậy mà rơi nước mắt thì đó chính là nước mắt pháp. Nước mắt thì cũng chỉ là nước mắt.

Nhưng nếu vì chấp rót nước mắt, chấp rằng là có pháp, chấp rằng có vạn pháp, chấp rằng có ngã sở thì ngay lúc ấy rót vào địa ngục, chiêu cảm địa ngục, tâm mở ra và chui vào địa ngục. Cho nên, cũng là cái khóc nhưng mà cái khóc của tâm từ.

Đức Thế Tôn có khi nào khóc không? Nước mắt thì cũng chỉ là nước mắt. Quý vị đọc hết kinh tìm hiểu đi. 45 năm ngài đi hoằng pháp sau khi Ngài chứng đắc là Phật, có lúc nào Ngài ăn không? Có chứ, ăn biết bao nhiêu bữa. Ngài có tắm không? Có chứ. Rồi có ai nói rằng Ngài ăn xong ngài không đi toilet không? Lúc Ngài đi toilet, thì quý vị nghĩ Ngài là ông Phật đi toilet hay không phải ông Phật đi toilet. Trong tất cả tình huống

Ngài ăn, uống, nằm, ngủ, nghỉ... Ngài đều biết rất rõ Ngài đang làm gì và làm một cách thông dong, tự tại, không vướng mắc thì ấy gọi là **giác**. Còn nếu làm mà vướng mắc có khen, có chê, có dơ, có sạch, có thương, có ghét... thì ngay chỗ ấy là trần tục.

Ngài có tắm không? Khi tắm thì Ngài cũng phải cởi y phục và xuống suối. Nhưng mà lúc ấy là ông Phật à? Ông Phật không mặc gì? Có ai dám nghĩ đấy không phải là ông Phật không? Ngài đi toilet như vậy thì lúc đó có phải là ông Phật đi toilet hay phàm nhân đi toilet?

Nếu quý vị nói phàm nhân, quý vị kẹt đấy. Tại vì lúc đấy Ngài đã hoàn toàn giác ngộ thì Ngài là Phật. Thế thì, quý vị đi toilet và ông Phật đi toilet khác nhau chỗ nào? Nếu quý vị không hiểu được những điều đó thì e rằng quý vị cứ chạy hết đạo tràng này đến đạo tràng khác, nghe chỗ này có ông Phật linh, chỗ kia có ông thầy giỏi mà quý vị quên rằng: Tức tâm tức Phật, trong tâm đã có Phật.

Trong Kinh Pháp Hoa đã nói rất rõ, anh chàng Cùng Tử có viên ngọc trong ché áo mà đi ăn xin. Tức là không nhìn thấy rõ được mình. Tại sao thế? Tại vì mình bị ngũ uẩn đánh lừa. Tại sao thế? Tại vì mình bị căn trần giao thoa, nhất là trần nó cám dỗ. Mà căn làm cái tâm của mình chạy theo, khỏi cái chạy theo lập tức thức phát sanh thì cái thức ấy là thức giả, là cái tâm giả chứ không

phải là cái tâm thực. Nói ‘tâm giả’ chỉ là một cách mượn danh từ để diễn đạt.

Hễ có cảnh mà chạm với căn thì lập tức là sanh ra thức. Thức ấy có thể là ma, cũng có thể là Phật. Diệu dụng của thức ấy nằm ở chỗ: Nó là diệu tâm - một sự biến hóa từ chơn tâm. Nếu nhận biết được nó, thì đó là diệu tâm; nếu không nhận biết, thì lập tức trở thành vọng tưởng điên đảo.

Thế thì ma từ ở đâu mà có? Thiên ma Ba Tuần, các thứ ma bên ngoài đều có hết. Ma là gì? Có 2 loại ma: Ma bên ngoài và ma bên trong.

Ma bên ngoài là ma Ba Tuần, những cái vong hồn hay là những con ma bên ngoài tu tập phá quấy. Nói thực sự ra mấy con ma ấy nó cũng là các vị Bồ Tát. Nó phải đi phá quấy những người tu để người tu mới có thể chứng đắc được, chứ nếu không phá thì lấy cái gì mà đo. Đi học thì phải đi thi, nếu mà đi học không đi thi thì làm sao biết mình dở hay giỏi. Đi thi mới biết mình rớt hay đậu. Các vị Bồ Tát cũng thế, hiện thân ra là ma để phá xem người tu chịu nổi hay không. Nếu chịu không nổi thì rớt, rớt thì đầu thai tu tiếp.

Con ma bên trong là con ma tham, con ma sân, con ma si. Ba con ma ấy là ma chính lại sanh ra thêm những lũ ma nho nhỏ ở trong tâm của mình. Từ các con ma ở

trong tâm hợp với con ma bên ngoài. Vì chúng nó là ma nên chúng nó kết hợp với nhau rất nhanh, nó chỉ cần chiêu cảm với nhau là lập tức hai con ma ngoài và trong hợp lại. Chúng ta ở giữa chúng ta sẽ chết lúc nào không hay khi ma trong và ma ngoài bắt tay nhau.

Cho nên nói đến ma ngũ âm gồm 5 thứ ma. 5 thứ ma ấy là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ma sắc âm hình tướng bề ngoài thấy như vậy nhưng đều là duyên sanh. Mà nếu duyên sanh thì mặc kệ nó chứ tại sao tâm lại chạy theo? Chẳng qua tại vì không biết nên tâm nó ham và bị nhồi sọ từ nhỏ đến lớn, nên chúng ta mới chạy theo sắc.

Đức Thế Tôn tùy theo căn cơ chúng sanh mà Ngài nói, không có người nào Ngài nói giống nhau. Khi nói cho 5 anh em Kiều Trần Như thì Đức Thế Tôn nói về Tứ Diệu Đế (khổ, tập, diệt, đạo) phân tích rất rõ khổ là gì? Tập là gì? Diệt là gì? Đạo là gì? Nói rõ ràng mà 5 anh em Kiều Trần Như chưa hiểu. Phải đợi đến 5 ngày, sau khi 5 anh em bắt đầu hiểu rồi, Ngài mới nói bài Kinh Vô Ngã Tướng, ở chỗ bài Kinh Vô Ngã Tướng lập tức 5 anh em Kiều Trần Như bước vào dòng Thánh, riêng ngài Kiều Trần Như đắc A La Hán. Sau đó, Đức Thế Tôn gặp cô bé 8 tuổi, nó hỏi cái khổ là gì? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đâu có nói bốn, Đức Thế Tôn chỉ nói hai: *“Có cái khổ và cái diệt khổ”*. Cô ấy nghe hiểu được và cô ấy cũng chứng đắc. Thế thì Tứ Diệu Đế là bốn hay là hai?

Có nhiều người chấp cứng ngắc Tứ Diệu Đế là bốn, Tứ Diệu Đế là căn bản của Phật giáo. Nói vậy thì cũng đúng' Nhưng Đức Thế Tôn từng dạy *“Ta có nói gì đâu”*. Đó là phương tiện thôi mà mình chấp cái đó là chân lý thì không phải lỗi của Đức Thế Tôn. Mà hề chấp là kẹt cứng. Kê cả chấp là mình buông luôn cái chấp cũng kẹt nữa.

Trong Đại Trí Độ Luận, ngài Phạm Chí Trường Trảo hỏi Đức Thế Tôn: *“Này ngài Cù Đàm, kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?”*.

Đức Thế Tôn hỏi lại: *“Nhưng kẻ ấy có thọ kiến chấp là mình không thọ các pháp hay không?”*.

Tức là ông nói ông có một cái pháp không thọ. Pháp không thọ cũng là pháp. Nếu mà ông chấp cái pháp không thọ thì ông chấp cứng rồi. Bởi vậy cho nên, ngài Phạm Chí Trường Trảo giống như con chiến mã thấy bóng roi là biết đi đúng đường và chạy nhanh, cho nên mới thưa rằng: *“Nếu kẻ ấy không thọ các pháp và không thọ cái kiến chấp là mình không thọ các pháp thì ngài Cù Đàm nghĩ sao?”* Đức Thế Tôn mới nói: *“Như vậy thì nhân ngã bình đẳng, nhà người và ta bình đẳng thì hà có gì mà lại đây cống cao ngã mạn”*.

Ở ngay chỗ này là rớt đấy, buông được cái chấp tức là chấp vào cái mình đã buông và như vậy cũng là chấp.

Trong Kinh Phạm Võng, cái lưới ấy nó to nhưng mà 62 luận thuyết tuyệt tài của 62 vị đại luận sư vẫn không thoát ra được cái lưới phạm võng, tại sao thế? Tại vì cảm thọ, thọ ấy nói rằng pháp ấy là có, nói rằng pháp ấy là của ta, nói rằng cái luận thuyết ấy là tuyệt vời và như vậy là chấp. Hễ có chấp là có ngã và ngã sở thì Thập nhị nhân duyên nó xoay và không thoát ra khỏi sanh tử luân hồi. Cho nên cái cảm thọ rất là quan trọng.

Trong ngũ uẩn, tự tánh vốn thanh tịnh, ngũ uẩn không có tội gì hết. Thế tại làm sao mà người hành giả rút. Tại vì “thọ uẩn” mới là rút chứ còn uẩn đâu có rút đâu. Ngũ uẩn tự tánh nó là như thế, vốn là năng lượng. Năng lượng là ion+ và ion- thì có cái gì đâu mà rút. Nhưng mà “thọ uẩn” tức là sanh ra cái yêu, thương, buồn, giận, ghét...

Đưa người ta không đưa sang sông, mà sao có sóng ở trong lòng. Sóng ấy vô tình, ngày nào cũng có sóng, nó đâu có buồn, vui, thương, giận hờn. Nhưng mà đưa người yêu sang sông thì lập tức thấy sóng nó buồn. Giống như câu “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” Cảnh nó có vui, có buồn đâu. Mưa thì mưa chứ nhưng tại sao có lúc mưa thì mình thấy buồn, có lúc mình thấy vui? Người yêu đang ở trong nhà mà thấy trời mưa thì mừng lắm, trời mưa đó cảm chân người yêu, nên thấy mưa vui. Nếu mà thất tình, thấy trời mưa thì thấy buồn

thúi ruột. Cái buồn, cái vui ấy do đâu mà có? Trời mưa có buồn, có vui không?

Thế thì cảm thọ rất là quan trọng. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn dạy rất rõ: *“A Nan, người tu thiền định khi dứt được các sắc ấm, tâm thấy Chư Phật như bóng hiện trong gương dường như có sự chứng đắc nhưng chưa được thọ dụng. Cũng như người bị bóng đè tay chân vẫn còn, vẫn nghe thấy rõ ràng vì tâm bị tà bên ngoài xâm nhập chẳng thể cử động được. Ấy được gọi là phạm vi của **thọ ấm**”*.

Có nghĩa là sao? Vì do thọ ấm cho nên nó sanh ra như thế. Dứt được sắc ấm nhưng nếu còn thọ ấm thì vẫn chưa hết. Nếu bóng đè hết thì tâm lìa xác thân được tự thấy mặt mình. Ở đi tự tại vô ngại được gọi là thọ ấm hết. Ngay lúc ấy được siêu việt kiến trược nhưng quán xét nhân duyên do hư minh vọng tưởng làm gốc. Tức là vẫn còn kẹt cái tưởng. Mà cái tưởng ấy là do vọng, cứ tạm gọi chữ vọng để cho tạm thời phân biệt để thấy có cái gọi là *chơn*, cái gọi là *vọng*. Còn thực sự ra chơn - vọng nó cũng là danh tự, chứ chẳng có cái nào gọi là vọng, chẳng có cái nào gọi là chơn. Tại vì thực tướng của các pháp vốn là thanh tịnh. Hà có gì chúng ta vác cái tên là vọng hay là chơn gán vào cho nó làm gì, có phải là vô duyên không? Mà người gán một cái tên cho một vật

không đúng chỗ thì sao? Là vô minh. Người đó không biết rõ thực tướng của các pháp.

Các pháp nó là như thế. Nó có chơn đầu, nó có vọng đầu. Vạn pháp vốn là bình đẳng, đều là năng lượng.



Đức Thế Tôn lại dạy rất rõ: *“Trong lúc thiền định, thấy ánh sáng chọi lợi trong tâm ức chế quá mức, bỗng sanh ra buồn bã, cho nên các loài ruồi muỗi như con của mình thương xót rơi lệ, ấy gọi là dụng công đè nén quá mức. Ngộ biết nó là vọng tưởng chẳng phải chứng Thánh, chẳng mê chẳng chấp, lâu tự tiêu diệt nó. Nếu cho là Thánh thì bị ma nhập. Nếu gặp người than khóc không siết, lạc mất chánh định sẽ bị chìm đắm”*.

Ngay tại đây, khi đang thiền định, nếu khởi tâm ức chế, thấy cảnh hiện mà vội cho đó là vọng, cho nên mình sợ và vì thấy nó là vọng cho nên cố đè nén. Mà đè nén tức là dụng công, hề có dụng công thì là điên đảo. Cái

gì tự nhiên là tự nhiên, không dụng công. Chỉ cần quán chiếu thực tướng của các pháp như thế thì tự nhiên nó trở lại thanh tịnh.

Trong Kinh Nikaya, Đức Thế Tôn nói rất rõ trong bài Pháp “Không có pháp nào”: *“Ta không có pháp nào thù thắng cho bằng các pháp mà mình vẫn thực hành. Bảy phẩm trợ đạo, bố thí, trì giới, lục độ rồi tinh tấn, thiền định, in kinh, cúng dường Tam Bảo, ...s những thứ ấy chỉ tạo ra những phước hữu lậu mà thôi”*. Có một Pháp mà Đức Thế Tôn đã dạy là không có một Pháp nào thù thắng bằng Pháp đó. Thế Pháp ấy là gì?

Pháp ấy do duyên sự ngài A Nan tới hỏi Đức Thế Tôn là *“Người chết đi về đâu?”*. Đức Thế Tôn dạy: Người hành giả luôn luôn quan sát, quán chiếu trong tâm. Khi một niệm sanh ra biết nó sanh và một niệm diệt biết nó diệt thì pháp ấy là thù thắng vô cùng. Khi một niệm hỷ sanh ra biết niệm hỷ vừa sanh và khi một niệm hỷ diệt cũng biết nó vừa diệt. Đừng bỏ quên nó, vì nếu bỏ quên lập tức niệm thứ hai, thứ ba sanh ra mà mình không biết cái niệm thứ nhất nó đã chết rồi. Mình cứ tưởng là nó vẫn còn. Đây là mình kẹt cái chỗ mình không thấy được lúc sanh lúc diệt của các pháp ở trong tâm của mình.

Đức Thế Tôn dạy trong bài Pháp “Không có pháp nào” thế này: *“Nếu người hành giả luôn luôn quán chiếu trong tâm biết rất rõ khi một niệm sanh nó vừa sanh, khi*

một niệm diệt nó vừa diệt. Biết rất rõ và luôn luôn theo dõi như thế. Nếu hành giả nào luôn luôn trong từng sát na làm được việc ấy thì coi như cái tâm đã rớt vào trong chỗ thanh tịnh”.

Khi nó ra biết nó ra, lập tức nó biến mất và khi nó biến mất cũng biết nó vừa biến mất, nó không sanh nữa. Và vì cái tâm ấy không sanh không diệt thì là **chơn tâm thường trụ**. Tức là không sanh không diệt, màu nhiệm ở chỗ đây.

Luôn luôn quán chiếu cái vọng để rồi cái vọng nó trở thành chơn. Chơn vọng là một, nó có khác đâu. Nếu không vọng thì là chết, chỉ có người chết mới không có vọng. Người sống luôn có năng lượng. Tức là có sự chao đảo, biến hiện của tâm.

Như người hành giả khi tu đã giác rồi thì nhất cử nhất động. Một sự biến hiện đều thấy rõ và khi thấy rõ rồi thì coi như là liễu tri. Ngay ở chỗ này, một niệm không sanh, đến đi thì cũng mặc kệ nó, không chạy theo. Vì không chạy theo, nên căn nó không bị ô nhiễm, trần nó đến nó đi như là khách mà người chủ là căn. Không chạy theo thì coi như là thanh tịnh. Ở chỗ này tạm gọi tên nó là thanh tịnh.

Trong sự giao thoa tự nhiên giữa căn - trần, nếu không bị vướng mắc, không cần phải ức chế. Chỉ cần quán

chiếu thôi, thấy nó như vậy thì tự nhiên nó mất. Mà vọng tưởng mất rồi thì đâu cần phải ức chế, đâu cần phải dụng công. Bởi vậy cho nên Đức Thế Tôn mới dạy là: *“Trong tâm ức chế quá mức cho nên sanh ra hiện tượng buồn bã hay vui vì mình không ức chế được cái phiền não cho nên mình khởi tâm buồn phiền”*. Tại vì mình ức chế cái tâm. Quý vị nên nhớ: Tâm không thể bị ức chế. Nếu có ức chế, sẽ lập tức sanh ra bệnh hoạn, thậm chí tẩu hỏa nhập ma. Vì tâm là năng lượng, chỉ có thể chuyển hóa cái năng lượng trong cái dạng của nó thôi. Còn nếu có ức chế, tức là tìm cách tiêu diệt năng lượng, mà năng lượng thì đâu thể tiêu diệt được. Càng đè nén thì giống như lấy đá mà đè trên cỏ, giống như tiền trần thanh tịnh chứ đâu có sống trong bản thể thanh tịnh.

Cho nên trong lúc thiền định Đức Thế Tôn dạy rất rõ: *“Thấy sắc ám dút, thọ ám rõ ràng tiến đến trước chẳng có chứng đắc mới, lui về sau chẳng mất chỗ cũ, sức trí kém mòn giữa chừng bị lạc chẳng có sờ thấy trong tâm sanh ra khô khan luôn luôn nhớ mãi không tan cho là tinh tấn ấy gọi là tu tâm chẳng huệ”*.

Khi mình thiền định, mình thấy dường như mình đã dút được các sắc ám, rồi mình thấy thọ ám rõ ràng, tới lui mình thấy nó thông dong nhưng mà thực sự ra mình lạc vào trong sa mạc. Trong sa mạc nó có chỗ tới chỗ lui cho nên mình tưởng nó là thông dong nhưng thực sự cái đó

không phải là thông dong. Cái đấy gọi là tu tâm thôi nhưng mà không có tuệ. Mà nếu không có tuệ thì sao thừa quý vị? Trong Kinh Bát Nhã nói rất rõ: “*Chư Phật ba đời đều nhờ trí tuệ sanh ra, trưởng dưỡng và thành tựu*”.

Tu Phật là phải có tuệ nếu không có tuệ coi như là bỏ đi. Duy tuệ thị nghiệp mà nếu không có trí tuệ thì đi đến đâu? Cho nên, ma bên trong và ma bên ngoài bắt tay nhau và nó làm cho mình tưởng như là mình đã tiêu diệt được chúng nó, tưởng như là mình đã đạt tới cảnh giới nào đó nhưng thực ra tất cả đều tưởng tri, tức là tưởng tượng mà thôi. Và hề tưởng tượng mà an trú trong ấy thì tức là an trú trong địa ngục.

Trong lúc thiền định, thấy sắc âm dứt, thọ ấm rõ ràng tự cho là sự tu của mình đã đầy đủ tâm bỗng sanh ngã mạn khinh người, cao mạn đối với người hoặc là tăng thượng mạn đồng thời phát minh, đã dám khinh chê mười phương Chư Phật, huống là các bậc thanh văn, duyên giác ấy gọi là kiến chấp quá cao không có trí huệ tự cứu.

Có nhiều người còn không thích lễ trong chùa, nói tôi tu ở nhà là đủ, tu đã chứng đắc rồi, thấy quý thầy không có cung kính. Mất sự cung kính là khởi tâm ngã mạn. Quý thầy không can hệ trực tiếp đến mình, cảnh và trần vốn cũng không ảnh hưởng gì. Thầy là thầy, mình là mình. Nhưng tại sao khi lễ ông thầy thì mình bị dọa? Tại vì cái *ngã mạn* nó phát sanh chứ không phải tại vì

mình khinh ông thầy mà mình bị đọa đày. Mà hễ ngã mạn phát sanh là mở cửa địa ngục rồi chiêu cảm với cái tâm của mình và tâm thức nó chui vào thôi. Tự mình mở cửa, tự mình xây địa ngục, rồi tự mình bước vào. Còn thầy vẫn là thầy, dù ta có khinh tới ngàn vị, các Ngài vẫn không tổn hại gì. Giá trị của thầy không vì sự khinh thường ấy mà mất đi. Ông tu thì ông tu thôi. Không có vị Phật nào dạy rằng khinh thường chư Tăng sẽ bị đọa địa ngục. Ai nhốt quý vị vào đó? Thượng Đế sao? Phật sao? Phật không nhốt ai vào địa ngục, mà chính quý vị tự nhốt mình vào đó. Chính ngay nơi tâm ngã mạn khởi lên là quý vị đã xây nên một địa ngục lớn, với hai chữ ‘Ngã Mạn’ dán ngay trước cửa.

Người tu Phật phải hiểu rõ chân lý, thực tướng của các pháp thì mới tu được. Chứ còn nói là con coi thường Tam Bảo rồi con bị đọa địa ngục thì không hiểu được cái lí cái sự. Tới chùa lạy Phật, lạy Tăng, rồi cứ ý lại nơi Phật, nơi Tăng chứ không tu nơi mình thì cũng rớt vào địa ngục. Lạy cũng rớt vào địa ngục, không lạy cũng rớt vào địa ngục.

Nếu quý vị lạy các tôn tượng của Đức Phật, quý vị lạy chư Tăng, rồi quý vị nói quý vị tu thù thắng là quý vị mở cửa địa ngục rồi đấy. Tức là chấp vào sắc, ma sắc ám rồi ma thọ ám nữa. Nói tôi đã lạy, tôi được cái này, được cái kia, đều là thọ. Mà nếu không lạy thì sao? Con

không lay mà trong kinh nói nếu không lay kính lễ các chư Phật, Tam Bảo thì đọa địa ngục. Nghe vậy rồi sợ? Tu Phật phải thấy rất rõ trong tâm đã có Phật, tức tâm tức Phật. Ông Phật ở trong tâm chứ ở đâu?

Nếu khởi tâm lên không lay, tức là ngã mạn. Ngay chỗ ngã mạn ấy là tạo địa ngục, chứ đâu có ông Phật nào phạt mình không lay thì vào địa ngục. Người tu Phật đâu có lí giải như thế, mê mờ như thế.

Cho nên thọ ẩm quan trọng. Vậy rút lại, cốt lõi của nó là gì?

Mười thứ cảnh giới thiên định đều do thọ ẩm dụng tâm giao tranh lẫn nhau hiện ra. Chúng sanh u mê chẳng tự xét kĩ gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết nói là chúng Thánh thành đại vọng ngữ đọa địa ngục A Tỳ.

Thế thì, 10 thứ cảnh giới thiên định trên đều do dứt được cái sắc ẩm nhưng mà lại thọ ẩm. Thọ ẩm nói rằng là có hiện tượng và có cảnh giới như thế, có vị Phật như thế. Mà nếu nói, khởi tâm như vậy lập tức là vạn pháp đều có. Nếu chấp có thì vạn pháp đều sanh mà nếu vạn pháp đều sanh thì là phải chịu quy luật của sanh diệt. Có sanh thì có hoại. Khi chấp trong các cảnh giới như thế là do sự thọ ẩm và dụng tâm giao tranh nó hiện ra. Tâm thường tự nhủ: Hãy dụng công để đè nén thọ ẩm. Nhưng thực ra, càng đè

nén lại càng bị kẹt. Vì sao vậy? Vì tranh chấp của nội tâm, tức là lấy đá đè cỏ nó không có thực.

Trong bài Kinh Nikaya “Không có pháp nào” Đức Thế Tôn dạy rất rõ: Chỉ cần quán chiếu trong từng sát na, khi một niệm sanh biết nó sanh và khi một niệm diệt biết nó diệt, bằng các pháp ấy là tự nhiên nó rõ ràng, biến mất. Chúng ta đã chuyển hóa từ cái si mê thành ra trí tuệ. Năng lượng thôi, si mê cũng là một loại năng lượng và trí tuệ cũng là một loại năng lượng.

Nếu biết sử dụng thì lửa đốt được, nấu cà phê, nấu nước trà. Còn nếu không biết thì lửa ấy đốt tâm. Lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cái tâm của mình. Bài kinh Lửa Cháy trong Kinh Nikaya: Khi có 1000 đạo sĩ thờ thần lửa và Đức Thế Tôn chỉ giảng bài pháp Kinh Lửa Cháy mà các vị ấy liễu tri, không có loại lửa nào quan trọng hơn lửa tham, lửa sân, lửa si. Và khi hiểu được rồi thì tự nhiên thông dong, tự tại. Tại sao thế?

Tại vì lửa tham cũng là mình, lửa sân cũng là mình, lửa si cũng là mình. Bởi vậy cho nên ở trong Đại Trí Độ Luận, cuộc tranh luận giữa hai vị pháp sư Hỷ Căn và pháp sư Ý Căn. Pháp sư Ý Căn thì nói: *Dâm nộ si là sợ nó, đừng có dính mắc tới nó*. Nhưng ngài pháp sư Hỷ Căn nói: *Chúng nó chỉ là năng lượng thì có cái gì đâu*. Nếu nó đã là năng lượng rồi thì có cái gì phải quan trọng. Vạn pháp đều là bình đẳng. Hiểu được nó rồi thì chế

biến để dùng thôi. Còn nếu không biết cách chế biến thì nó đốt mình.

Lấy ví dụ lửa sên, lửa sên vốn là năng lượng nếu biết cách dụng công thì nó biến thành ra trí tuệ. Tại sao thế? vì nó là năng lượng mà biết chuyển hóa thì nó đưa lên đầu lập tức cái sên ấy không còn nữa và nó biến ra trí tuệ. Nếu không biết chuyển hóa thì nó là sên, mà sên thì lửa đốt tim, tại vì năng lượng ấy đưa vào tim là đốt trái tim, cho nên những người mà nổi sên là thấy tim nó đập nhanh, mặt nó đỏ lên rồi tay chân nó giật, các bắp thịt nó co giãn. Vì sao thế quý vị biết không? Vì nó không biết được thực tướng của các pháp cho nên ở trong tuyến thượng thận vì chấp căn trần giao thoa nên trên não tiết ra một cái chất kích thích lập tức nó điều động Adrenaline vào trong máu. Vì nó là chất kích thích, nó chạy lên tim ngay lập tức và làm cho tim đập thật nhanh. Tim đập thật nhanh thì bắt buộc phải thở nhiều cho nên hít thở nhiều. Nếu hít thở không nhiều thì lập tức đầu óc xây xẩm. Cho nên người nổi sên dễ quyết định sai lầm.

Nếu người nổi sên ở ngoài bờ biển, khí hậu có gió mát thì hít thở oxy nhiều, nên mức độ sên, tác hại của sên giảm. Nếu người nổi sên ở trong phòng, không đủ oxy và không hít thở nhiều cho nên cái sên nó hại cái não nhiều hơn người ở ngoài bờ biển. Rất khoa học, không mù mờ. Quý vị cứ nghiên cứu sách vở, cứ thực

hành sẽ thấy sự màu nhiệm. Rồi từ đó, quý vị sẽ suy ra bằng cách nào điều động cái sân, biến năng lượng nguy hiểm ấy thành ra năng lượng hữu dụng. Vì nó là năng lượng nên cách dùng như thế nào là do chúng ta. Năng lượng nguyên tử là năng lượng nguyên tử nhưng nếu bỏ vào trong cái điện nguyên tử thì nó cung cấp điện để hữu dụng. Mà nếu chế bom nguyên tử thì nó phá hoại. Chỉ vậy thôi, rất đơn giản. Quý vị cứ thực hành như thế, sẽ thấy sự màu nhiệm. Cho nên, trong phẩm Ma Thọ Âm, Đức Thế Tôn mới dạy ngài A Nan như thế này: *“Mười thứ cảnh giới thiên định trên đều do thọ âm mà dụng tâm giao tranh”*.

Có nghĩa là, khi có thọ âm, mình dụng công khởi tâm lên, mình muốn đè nó xuống, muốn hủy diệt nó mà mình quên một điều rằng thọ âm ấy chính là ta, căn trần cũng là ta, con ma ở bên trong cũng là ta. Cho nên Đức Thế Tôn mới nói: *“Chúng sanh u mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết”*.

Cho nên, khi thấy các cảnh như: Thấy Phật đến xoa đầu, thấy thân nhẹ như bay, hoặc trong lúc ngồi thiền cảm giác như mình xuất ra - thậm chí đạt đến cảnh giới nhìn thấy chính thân mình đang ngồi rồi khởi tâm nhàm chán... Phải tới giai đoạn đó rồi quý vị mới hiểu được là mình lạc vào cảnh giới đó.

Cái ấy là do tướng tri, xuất ra được nhưng để làm cái gì? Nó không giải quyết được sanh tử luân hồi. Cũng như Đức Thế Tôn nói về chuyện hai mươi xu tiền đồ *“Bỏ cả đời người học phép vượt sông, không bằng chỉ có tốn 20 xu tiền đồ”*. Học cái đó để làm chi? Trì chú để làm gì? Trì chú để cho giữ được cái tâm thanh tịnh, tâm nó khỏi bị vọng tưởng điên đảo. Chuyển hóa năng lượng để thành ra trí tuệ. Mà nếu không làm được việc ấy thì đâu có giải thoát ra được khỏi sanh tử. Nếu nói trì chú để được cái này để được cái kia, thấy cái này, thấy cái kia thì giống như là ma thọ âm. Thấy Phật đủ các thứ nhưng mà là thấy ma chứ không phải thấy thực.



Vào thời Tứ Tổ, sau Tổ Đạt Ma, Tứ Tổ đã cảm hóa được một con ma. Con ma ấy đưa cho Tứ Tổ một xâu chuỗi có đầu lâu, nó hóa thành chuỗi ngọc. Khi Tổ đeo vào, liền tỏa ra hương thơm. Con ma thấy vậy mới ngạc nhiên hỏi Tổ, Tổ mới đưa lại một xâu chuỗi khác cũng

có hương thơm có mấy hột để niệm Phật thôi. Nhưng khi con ma mới đeo vào lập tức nó biến thành đầu lâu, hôi thối, mủ chảy tùm lum. Con ma hết hồn tháo ra, càng tháo thì càng dính vào da không tháo ra được. Con ma bay lên trời gặp thủ lãnh tức chúa lãnh ma – ma thiên vương Ba Tuần.

Nói, con bị Tổ gạt. Ông đưa con râu chuối mà bây giờ hóa ra đầu lâu con tháo không ra. Ma thiên vương Ba Tuần mới nói: *“Thôi, khi mà đệ tử Đức Phật đã làm thì không ai gỡ ra được. Bây giờ nhà người phải xuống lạy vị đó để được tháo ra”*.

Thế thì, con ma xuống lạy, Tứ Tổ mới nói với con ma là hãy chịu quy y Tam Bảo thọ tam quy. Khi thọ tam quy thì tự nhiên râu chuối được tháo ra không dính nữa.

Câu chuyện này nói cái gì? Câu chuyện này nói là râu đầu lâu mà Tứ Tổ đeo vào thì nó thành ra ngọc có hương thơm, có nghĩa là sao? Nghĩa là bất cứ các pháp nào mà ở trong tay người Chánh Pháp thì đều là Chánh Pháp. Dầu việc ấy là tà pháp đi chăng nữa cũng phải theo Chánh Pháp.

Chánh nhân mà thuyết tà pháp thì tà quy chánh. Một lời nói của chánh nhân bất cứ phương tiện như thế nào thế gian pháp hay là địa ngục pháp đều phải chạy theo Chánh Pháp. Tại vì cái tâm người ấy là chánh. Cũng như

giảng sư, nếu tâm người ấy là chánh thì bất cứ lời nói gì cũng đều là Chánh Pháp. Mà tâm của người giảng sư tà pháp thì bất cứ lời lẽ ở trong kinh điển của Phật giảng ra thì cũng chỉ có mưu đồ tà pháp, đương nhiên sẽ chạy theo tà pháp giống như con ma ấy. Nó đeo xâu chuỗi của Tổ đưa cho, xâu chuỗi rất là thơm mà nó đeo vào xâu chuỗi thành đầu lâu. Tại sao thế? Vì cái tâm của nó, hình tướng gốc của nó là con ma.

Nếu là tâm ma, chúng ta ngồi thiền thấy đủ thứ. Mà tâm của chúng ta là tâm Phật thì ngồi xuống giữ giới đàn tràng thanh tịnh rồi thì đâu còn có vọng tưởng điên đảo. Không có vọng tưởng điên đảo thì làm sao thấy được các cảnh điên đảo. Mà không thấy được cảnh điên đảo thì tự nhiên tâm nó an tịnh. Các cảnh giới hiện ra do ma thọ ám đều từ chỗ tương ưng, từ nơi cái tâm và cảnh. Nếu không biết, không huân tập thì không thấy được nó mà nếu dụng công lại kẹt. Chỉ cần quán chiếu trong từng sát na cái gì sanh cái gì diệt. Biết rất rõ trong tâm trong từng sát na phải luôn luôn quán chiếu. Ở trong Kinh Nikaya Đức Thế Tôn dạy như thế.

Quý vị cứ quán chiếu sẽ thấy rất rõ. Còn nếu không thực hành thì giống như là ngài A Nan đi theo Đức Phật mà cứ mong đợi là một ngày nào đó Đức Phật sẽ ban cho trí tuệ của Phật. Con cứ ráng đọc kinh, tụng kinh, bồ thí rồi một ngày nào đó Đức Phật sẽ ban cho con trí

huệ của Phật, chẳng cần phải tu. Có quý vị nào nghĩ như vậy không? Mà nếu quý vị nghĩ như vậy thì cũng giống như ngài A Nan thôi. Không có hơn không kém đâu. Nó là như thế đấy.

Bởi thế cho nên sau khi mà Tứ Tổ chiêu phục được con ma ấy rồi thì Tứ Tổ mới nói con ma đó: *“Ta có một điều nguyện ước bây giờ nhà ngươi giúp ta được không? Ta nghĩ nhà ngươi giúp được”*. Thế thì con ma ấy mới nói Tổ dạy gì thì con cũng xin làm. Bây giờ con là đệ tử của Tổ rồi. Tổ mới nói là ta không sanh ra thời Đức Phật. Ta không biết Đức Phật như thế nào, ta rất có ao ước là được thấy lại quan cảnh ngày xưa và Đức Phật cùng với 500 vị đại đệ tử”.

Con ma mới nói *“Ôi cái chuyện đó dễ ợt à. Tại vì hồi đó có con ở đó con thấy mà. Tứ Tổ nói vậy con sẽ chiêu ý tứ Tổ. Con sẽ hóa ra giống y như vậy nhưng trước khi con hóa con yêu cầu Tứ Tổ một điều kiện là Tổ không được phép đánh lễ tại vì đó là do con biến hóa ra mà thôi. Nếu Tổ đánh lễ là con bị tội”*.

Thế là, Tổ mới nói: *“Ngươi nói xạo, ta là Tổ mà ta lại đi đánh lễ ma hay sao? Ngươi cứ việc làm đi”*. Con ma biến mất, rồi từ từ ở trong rừng xuất hiện hào quang và hình Đức Phật đi ra với 500 vị Tỳ-kheo, có Thánh tăng đi rất là nghiêm trang. Vừa mới thấy Đức Phật đi

ra cùng 500 vị Tỳ-kheo lập tức Tứ Tổ quỳ xuống đánh lễ và ngay lúc đó con ma hết hồn biến mất.

Sau đó, con ma lại trách Tổ: *“Con đã nói với Tổ không được đánh lễ mà Tổ đánh lễ là chết con rồi”*. Tổ đành chịu thua. Tại sao thế? Tổ đã biết trước và ma đã báo trước mà Tổ vẫn đánh lễ? Đó là tập khí quen rồi. Cái tâm lúc nào cũng nhớ tới Phật cho nên là hễ vừa thấy Phật là lập tức đánh lễ vì cái tâm cung kính.

Hồi xưa, Tứ Tổ đã chứng đắc rồi mà còn như vậy thì chúng ta khi ngồi thiền mà lúc nào cũng mơ tưởng đến Phật thì cái tướng ấy nó làm cho chúng ta thấy đủ mọi cảnh ở trên các cõi Phật. Nếu thấy như vậy thì là Phật sự hay là ma sự? Cho nên khi thiền định nên thận trọng ma thọ ẩm. Ma thọ ẩm rất quan trọng và trong đời sống hằng ngày ma thọ ẩm nó xuất hiện mọi hình tướng hết chứ không phải chỉ ở trong thiền định. Sắc, thanh, hương, vị, xúc đều có.

Ngay trong đạo tràng quý vị nghe âm thanh cũng là thọ. Nghe mà khởi tâm ưa thích thì kẹt. *“Đưa người ta không đưa sang sông, mà sao có sóng ở trong lòng”*. Sóng nó không buồn không vui mà tự nhiên đem cái sóng ấy vào trong lòng để cho có buồn, thương, nhớ nhung. Gắn cho sóng ấy một cái tên là sóng nhớ, sóng vui, sóng buồn. Sóng nó vô tình tự tánh nó vốn là thanh tịnh, hà có gì mà chúng ta lại nhét cho nó một cái tên và

hành động, nhét nó vào một cái tên là hành động vô minh nói theo thuật ngữ nhà Phật.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tóm Tắt

Duyên sự từ Ngài A Nan và câu hỏi về “tâm”

- Ngài A Nan ngộ nạn Ma Đăng Già → Đức Phật dùng Thủ Lăng Nghiêm chú cứu → dạy pháp điều tâm.
- A Nan không trả lời được “tâm” ở đâu → cho thấy người tu nếu không thấy được tánh thì không thể ngộ đạo.
- Mắt, tai, nhãn thức, nhĩ thức... đều là duyên sanh, không phải chơn tâm.

Tâm, thức và cảnh – Duyên sanh và như huyễn

- Lục căn + lục trần → lục thức → phát sinh “cái biết” vọng tưởng.
- Cái biết này là vọng, không thật. Nếu khởi tâm phân biệt là rơi vào vô minh và sanh tử luân hồi.

Chấp pháp, chấp giới – mắc lưới Phạm Võng

- 62 luận thuyết tuyệt diệu vẫn mắc lưới vọng tưởng vì có cảm thọ, có ngã → xoay vòng trong thập nhị nhân duyên.

- Giới là phương tiện, không phải hàng rào. Có trí tuệ mới giữ giới đúng.

Giới – Định – Tuệ là một thể

- Không có thứ tự cứng nhắc: Giới → Định → Tuệ.
- Có giới thì mới định, có định thì phát tuệ, có tuệ thì giữ giới một cách tự tại, không chấp.

Duyên sanh để phá định mệnh

- Phật dạy Duyên sanh để chống lại thuyết định mệnh của Bà La Môn.
- Duyên sanh là phương tiện phá chấp, không phải chân lý cố định.

Ngũ ấm và ma ngũ ấm

- Sắc – thọ – tưởng – hành – thức là 5 uẩn tạo thành thân tâm.
- Ma ngũ ấm khởi từ vọng tưởng nội tâm, đặc biệt là thọ ấm.

Ma thọ ấm – cảnh giới tưởng tri

- Cảnh thấy Phật, xuất thần, bay, có ánh sáng... đều là cảnh của thọ ấm nếu tâm còn chấp.
- Nếu chấp là thật thì phạm đại vọng ngữ → đọa A Tỳ.

Thực hành quán sát từng niệm

- Quán sát từng sát-na: Niệm vừa khởi biết nó khởi, niệm diệt biết nó diệt.

- Đây là pháp thù thắng nhất – theo Kinh Nikaya: “Không có pháp môn nào”.

Câu chuyện con ma và Tứ Tổ

- Ma đưa chuỗi đầu lâu, Tổ đeo vào thì thơm → ma đeo lại thì hóa hôi thối.
- Tâm chánh thì tà pháp cũng thành chánh. Tâm tà thì Chánh Pháp cũng thành tà.

Chuyển hóa năng lượng: Tham – Sân – Si

- Tham – sân – si là năng lượng. Nếu biết dùng thì thành trí tuệ. Nếu không biết thì thiêu đốt tâm.
- Phân tích sinh lý học: Adrenaline, co thắt tim, thiếu oxy... → sân hại thân.

Tức tâm tức Phật – không vọng cầu bên ngoài

- Không thể mong Phật “ban” trí tuệ. Phải tự tu, tự chứng.
- A Nan là ví dụ: Đa văn, thân cận Phật nhưng vẫn không chứng nếu không hành trì.

Ma hiện khắp nơi – không chỉ trong thiền định

- Ma thọ ẩm không chỉ khi ngồi thiền mà còn xuất hiện khắp đời sống: trong âm thanh, hình ảnh, xúc chạm...
- “Sóng ở lòng” là do tâm gán nghĩa. Tất cả là vô tình, do tâm mà vọng khởi.

Chấp lay – không lay → đều là thọ ấm nếu có tâm phân biệt

- Chấp lay để được phước → sai. Không lay vì ngã mạn → cũng sai.
- Tâm chánh thì lay hay không đều là Pháp. Tâm lệch thì hành động nào cũng tạo nghiệp.

Mười cảnh giới thiên định – đều là thọ ấm giao tranh

- Nếu chấp vào 10 cảnh giới thiên định → lạc vào ma thọ ấm.
- Thọ cảm tạo ra cảnh, vọng tưởng tạo ra “chứng đắc” giả → rơi vào tưởng tri.

Thực hành đúng: không dụng công, không đè nén

- Dụng công đè vọng tưởng là sai pháp.

Cần quán chiếu – hiểu rõ bản chất → vọng tự mất → không có tẩu hỏa, không hý luận.

Kết luận

Tâm là gốc – pháp là duyên – cảnh là bóng – vọng là ma – chánh là giác.

Người tu không được rơi vào chấp pháp, chấp cảnh, chấp tâm.

Phải liễu tri, không chỉ “biết” mà là thấy được thực tướng của các pháp ngay trong đời sống.

Phật Pháp Vấn đáp

Câu hỏi: Các pháp đều là sự biến đổi của năng lượng. Năng lượng là bản thể của vạn vật hay còn cái gì là bản thể của năng lượng không?

Trả lời: Nếu nói theo danh từ thì nó như thế này: Năng lượng là năng lượng, bản thể của các vật là các vật. Bây giờ nói con người là năng lượng là nói sai, thì tại sao mắng chửi nó biết buồn. Năng lượng đâu có biết buồn, biết vui, mà tại sao khi khen nó thích, mắng chửi là nó buồn. Ví dụ người nữ được khen là xinh đẹp sẽ ưa thích, Còn chê thì sẽ buồn. Năng lượng là năng lượng, tại sao năng lượng biết buồn, biết vui? Cho nên đừng có đối gạt nhau, đừng đối gạt cái tâm của mình.

Năng lượng là năng lượng, bản thể là bản thể, vật là vật. Chỉ là ngôn từ mượn ra như thế để cho thấy rõ thực tướng của các pháp, để đừng có chấp mà thôi. Còn con người là con người, vui buồn là vui buồn.

Bây giờ chồng mình mà đi theo người khác thì mình có nổi giận không? Có chứ. Thế thì tại sao năng lượng lại có buồn, có vui ở trong đây? Cho nên là mượn ngôn từ để cho thấy rõ thực tướng của nó như thế và đừng vướng vào chỗ chấp. Vì chấp cho nên mới có ngã, mới có đau khổ.

Chứ còn nói năng lượng là bản thể của vật hay còn cái gì là bản thể của năng lượng là nói không cùng ở trong 14 điều mà Đức Phật không trả lời cho Bà La Môn là có điều này.

Đã có người tới hỏi Đức Phật là khi chết đi về đâu, vũ trụ này do ai sanh ra và đó là 1 trong 14 tiêu đề. Phật nói 14 câu đó Đức Phật không trả lời tại vì vô ích, nó không ích lợi gì trên con đường tu học của chúng ta.

Bây giờ là năng lượng hay bản thể của vạn vật hay là bản thể của năng lượng hay cái gì đó sanh ra năng lượng thì tất cả những câu ấy không giúp cho chúng ta giải thoát ra khỏi sanh tử đau khổ, không giải thoát cho chúng ta ra khỏi phiền não. Thế thì biết những cái đấy có ích lợi gì? Không ích lợi gì hết. Vì điều đó cho nên Đức Thế Tôn nói vô ích, Đức Thế Tôn không trả lời chứ không phải Đức Thế Tôn không biết. Ngài biết chứ.

Bây giờ người tò mò thì chúng tôi nói như thế này. Ngày xưa chúng ta học thì chúng ta nói vật chất nó đều là như thế, rồi khi chúng ta học nữa thì khoa học nói tất cả vật chất đều là năng lượng. Rồi bây giờ họ nói năng lượng là cái gì? Bây giờ các nhà khoa học như Hooked nói năng lượng là những cái đám mây mà trong những đám mây có sự vận hành từ không biến ra có, chẳng hạn như cái thuyết gọi là thuyết Black Holes (Lỗ hồng không gian). Các nhà thiên văn học thấy ở trong vũ trụ,

trong những Galaxy (Thiên hà) nó có những chỗ đen và nó hút những vật thể, ngôi sao kể bên lại. Nó làm chảy ra hết các hành tinh và nó hút vào trong chỗ không gian đen và biến mất.

Người ta không hiểu nó là cái gì cho nên người ta đặt tên cho nó là lỗ hổng đen trong không gian. Nhưng thực sự ra nó có vật chất tại vì nó hút các vật chất vào đấy. Mà nếu nó hút vào đấy thì ở trong đấy phải có vật chất gì mạnh lắm để nó hút vào. Có nghĩa là chơn không diệu hữu.

Nói tới cái gì là bản thể của vạn vật thì gọi là chơn không. Chơn không nhưng thật sự là diệu hữu. Từ trong chơn không vì có những động tác ở bên trong nó, mà cho tới nay con người không đủ trí tuệ để hiểu cho nên cứ đưa ra lí thuyết này lí thuyết kia.

Chơn không diệu hữu từ trong cái chơn không đã có cái diệu hữu. Từ trong cái tâm của con người không có gì mà nó sanh ra muôn loài vạn vật. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói tâm dẫn đầu của các pháp. Nói về lí là như thế.

Bây giờ nói về sự. Trước đây 100 năm có máy bay không? Không, ai chế ra máy bay? Cũng là con người, con người thấy chim bay được rồi suy nghĩ tìm cách chế cái này cái kia rồi cuối cùng chế ra cái máy bay ngày hôm nay. Có nghĩa là từ nơi cái tâm sanh ra vạn pháp, Bây giờ quý vị thấy cái máy bay, 100 năm trước đâu có

đâu. Thế thì từ cái gì làm ra? Từ cái tâm. Cho nên từ chơn không mà diệu hữu. Bản thể của các pháp đều là chơn không. Nói tới năng lượng là mượn ra nói vậy thôi.

Câu hỏi: Giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa có gì giống và khác nhau?

Trả lời: Chẳng giống chỗ nào và chẳng khác chỗ nào. Đại thừa là Đại Thừa, Tiểu Thừa là Tiểu Thừa. Thế thì Đại Thừa là gì? Thừa là xe. Tiểu Thừa là chiếc xe nhỏ. Chiếc xe nhỏ là chiếc xe chở một người.

Ví dụ: Xe Honda chở một người, Đại Thừa là xe buýt chở năm mươi người.

Tu hành theo Pháp Tiểu Thừa là lo độ mình trước. Tiểu Thừa là quan niệm, nếu tôi không chứng được A La Hán thì tôi không thể cứu độ được chúng sanh. Nếu tôi không biết bơi thì tôi không thể nào nhảy xuống sông để vớt cái người mà đang bị chết đuối.

Nhưng Đại Thừa thì khác, nói trong việc mà tôi đi phụng sự chúng sanh thì trong lúc ấy tôi được tu. Trong lúc mà tôi đi phụng sự chúng sanh là tôi học được cái điều tâm và trong lúc tôi đi phụng sự chúng sanh thì tôi đã phát nguyện là chúng sanh chứng đắc trước và tôi chứng đắc sau. Thì đó là hạnh của Bồ Tát. Đó gọi là Đại Thừa.

Nào thế thì bây giờ nếu như trường hợp Đại Thừa có cái xe lớn mà lại không có phát tâm Đại Thừa tức là chẳng chờ ai hết, xe chạy một mình thì cái xe đó cũng như không. Cho nên là Tiểu Thừa nhưng mà là xe Honda nhưng mà nhường ghế đằng sau cho một người ngồi nữa thì Tiểu Thừa vẫn có lợi hơn. Tức là cách hành trì thôi, Tiểu Thừa nhưng mà phát tâm làm cho lợi người mà hi sinh thân mạng của mình thì cũng là Đại Thừa thôi. Cho nên Đại Thừa và Tiểu Thừa cũng chỉ là danh tự, cái tâm của mình mới là quan trọng, cách hành xử mới là quan trọng.

Ngay cả Tiểu Thừa nhưng có những vị đi vào trong những trại cùi, chấp nhận sống với những người trong trại cùi để mà phụng sự người ta, không nghĩ đến bệnh hoạn của mình thì đó cũng là Đại Thừa thôi chứ có Tiểu Thừa chỗ nào. Đại và tiểu chẳng qua là danh tự mà thôi, chứ nó cũng không có gì khác.

Còn nói về lý, về pháp thì Đại Thừa nói tới cái phương tiện nhìn rõ thực tướng của các pháp hơn. Còn Tiểu Thừa thì nói là căn cứ nơi từng văn tự. Ví dụ như nói trong bài Kinh Vô Ngã Tướng, Đức Thế Tôn nói thực tướng của các pháp thì có nhưng mà cái tự tánh của nó vốn là giống nhau, bình đẳng không có gì sai biệt hết, tự nó là không, do nhân duyên mà thành.

Thế thì Đại Thừa hiểu nó một cách khác hơn, Tiểu Thừa hiểu nó một cách khác hơn nhưng mà cái nào cũng

là cái hiểu. Bây giờ nếu quý vị tu rồi, quý vị leo lên đỉnh núi và nói là leo bằng cách này, cách khác. Nhưng mà khi đã leo lên được tới đỉnh núi rồi thì cũng thấy giống nhau. Có người thì đi bằng dây leo, có người đi bằng trục thẳng nó bay lên tới đỉnh núi. Thì bằng cách này cách kia nhưng khi đã lên được tới đỉnh núi rồi thì nhìn bốn phương trời đều giống nhau. Có nghĩa là Đại Thừa, Tiểu Thừa cũng đến đó mà thôi.

Khi đã đạt được đến chỗ tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả. Tứ vô lượng tâm đều có trong người, đi đứng hành trì đều theo tứ vô lượng tâm thì Đại Thừa, Tiểu Thừa chẳng có khác nhau chỗ nào hết, chỉ là danh tự mà thôi.

Tiểu Thừa mà dám lấy thân mình nuôi một con cạp chết đói, dám cho nó ăn thì cái đó cũng là Đại Thừa. Tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả đều đã có thì Đại Thừa và Tiểu Thừa có khác nhau đâu, chỉ là danh tự mà thôi.

Chiếc xe Honda mà biết diệu dụng thì cũng có thể chở 3-4 người. Chẳng hạn như làm thêm rơ-moóc đằng sau kéo chở thì được 7-8 người. Còn chiếc xe buýt mà nếu nó không có chở người nào mà chạy một mình ngoài đường thì cũng chỉ có tài xế thôi.

Có nhiều người tu học theo Đại Thừa, kinh điển Đại Thừa rồi làm việc, sống theo Đại Thừa, ăn chay, trì giới đủ các kiểu theo Đại Thừa nhưng mà gặp người ta thì

chê bai đủ thứ, nói các người là Tiểu Thừa thì cũng như không. Phải không nào? Nó chẳng có ích lợi gì hết, cái đây cũng tự quý vị hiểu thôi. Cái nào đại cái nào tiểu. Đại cũng là nó mà tiểu cũng là nó. Chẳng qua danh tự mà nói thế thôi.

Khi đã nói đến cái tâm thì làm gì có Đại Thừa, Tiểu Thừa đâu. Rồi, quý vị đừng nên chấp vào hành trì. Chẳng hạn như bên Tiểu Thừa người ta nói người ta được ăn thịt ăn cá rồi bên Đại Thừa nói phải ăn chay thì mới chứng đắc. Nói vậy cũng không đúng, có nhiều vị tu không theo hạnh đó và người ta cũng chứng đắc, có gì mà quan trọng. Ngày xưa Đức Phật đâu có nói chuyện là phải ăn chay gì đâu. Ngài chỉ nói đừng có sát sanh thôi.

Mà tâm từ, bi, hỷ, xả khi đã có thì không muốn sát sanh, ngay cả một cọng cỏ cũng không nhổ. Tại vì cọng cỏ cũng có sanh sanh diệt diệt, nó cũng tham sống sợ chết. Mà khi đã khởi tâm từ rồi thì cọng cỏ cũng không đạp, ngắt một cây bông cũng không ngắt tại vì trong đây đều có sinh hóa của nó. Nó đều là muốn sống. Mà khi mình đã khởi tâm từ rồi mình còn vi phạm cái giết chóc nữa để mà được vui trong lòng thì cái đó đâu phải là tâm từ.

Người hành giả đạt tới tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả rồi thì lúc nào cũng là như thế thôi. Hành trì đều như thế. Tiểu Thừa hay Đại Thừa không quan trọng. Danh Tự thôi, tất cả chỉ là phương tiện.

Ngay cả như trong Kinh Pháp Hoa phẩm Phương Tiện nói rất rõ, phẩm Hóa Thành cũng nói thế, nói Niết Bàn là thành giả, không có thực. Bên Kinh Nikaya, trong Kinh Trạm xe ở trong Kinh Nikaya cũng nói tất cả các chặn tu chỉ là phương tiện. Tức là từng giai đoạn, giống như quý vị đi học, học hết mẫu giáo, học lên trung học, học lên đại học thì nó phải qua từng lớp. Khi học mẫu giáo thì cô giáo lấy cái gì? Lấy một cây đu đưa cho mình thêm một cây đu nữa. Nói một cây đu và một cây đu là hai cây đu. Rồi quý vị lên tới trung học thì sao? Kí hiệu thôi, cô giáo đứng lên trên bảng viết con số một cộng với con số một bằng con số hai, lúc bấy giờ không xài cái đu nữa. Tức là không hình tượng nữa, không còn sắc nữa, mà là kí hiệu. Rồi lên tới đại học thì $X + Y = Z$. Nó từng giai đoạn nhưng mà mục đích nó cũng chỉ có bấy nhiêu mà thôi. Chẳng có gì khác hết đó. Tất cả chỉ là công thức. Cho nên chúng ta chấp là chúng ta kẹt.

Thế thì ma thọ ấm là gì? Cái này không phải nói tới vấn đề ngồi thiền, nói là thiền định khi ngồi thiền đương nhiên hiện tượng nó xảy ra. Nhưng ma trong đời sống hằng ngày quý vị đều vấp phải như thế. Quý vị nói các cái sắc không làm nhiều loạn được ta tức là nhìn thấy chồng, con, nhà cửa đều là sắc. Biết như vậy lìa cái sắc ấm nhưng mà lập tức thọ ấm vướng ngay. Cách hành xử

của chồng con, cách hành xử của hàng xóm, bạn bè, của thân nhân. Nếu họ chê thì mình phản ứng, mình biết đó là khảo đảo. Nhưng nếu họ khen mình thì mới chết đấy. Chồng khen nói sao bữa nay em đi làm về dễ thương quá là ta thích liền. Mà thích là thọ, bị ma thọ âm quấy nhiều. Họ đánh mình là mình biết bị khảo đảo mà họ khen là không biết đâu. Rớt ngay cái chỗ được khen.

Tất cả những điều khoa học biết được chỉ nói lên phần nào những điều Đức Thế Tôn đã biết thôi. Còn Đức Thế Tôn đã biết trước từ lâu rồi, từ mấy ngàn năm Đức Thế Tôn đã nói ra những điều mà hồi đó khoa học chưa có. Chẳng hạn như Đức Thế Tôn nói vạn pháp vốn bình đẳng, trong các vật chất đều có năng lượng là Đức Thế Tôn đã dạy hết rồi. Dạy từ mấy ngàn năm trước rồi cho tới giờ này khoa học mới có thể chứng minh phần nào những điều mà Đức Thế Tôn đã nói thôi, chứ không giải thích được hết đâu.

Ngài A Nan có một buổi ra bìa rừng gặp Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn mới dùng tay nắm một nắm lá vào trong tay rồi mới hỏi: *“Này A Nan, lá trong tay của ta hay lá trong rừng nhiều?”*

Ngài A Nan nói: *“Bạch Đức Thế Tôn dĩ nhiên lá trong tay Đức Thế Tôn ít mà lá trong rừng thì nhiều”.*

Đức Thế Tôn: “*Cũng như thế, cũng như thế. Những điều mà ta nói được cho các người nghe, có lợi lạc cho các người giống như lá trong tay. Còn những điều mà ta biết, các Chư Phật biết như lá trong rừng*”.

Cho nên chúng ta chỉ mượn những cái gì mà có ích lợi cho chúng ta, chúng ta lấy chúng ta xài trên con đường tu học. Biết nhiều không có ích lợi, quý vị vào trong nhà hàng, nhà hàng đưa thực đơn, trong đó có 100 món ăn, quý vị chỉ chọn món ăn nào mà mình ăn được và mình thích ăn.

8 vạn 4000 pháp môn, Đức Phật chế ra để đối trị 8 vạn 4000 pháp uẩn để cho chúng ta tu thôi nhưng mà chúng ta có tu hết đâu. Có người thì trì chú, có người thì tụng kinh, có người thì niệm Phật. Không có pháp nào hơn pháp nào. Vạn pháp đều bình đẳng. Người tu niệm Phật nhất tâm bất loạn thì vẫn chứng đắc, vẫn thù thắng như thường.

Câu hỏi: Khi mình tụng Kinh Thủ Lăng Nghiêm thì phần cuối chữ “Án a na lê tỳ xá đế bệ ra bạt xà ra... Ta Bà Ha” thì có giống như là mình tụng nguyên một bài thần chú Thủ Lăng Nghiêm hay không? Tại vì con nghe người ta nói phần cuối án đến chữ Ta Bà Ha là phần rút gọn của nguyên bài thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Mình cần tụng bao nhiêu lần thần chú Thủ Lăng Nghiêm thì

mới có sự linh nghiệm phù hộ của chư Bồ Tát. Xin Thầy cho con biết, con rất cảm ơn Thầy. A Di Đà Phật.

Trả lời: Kinh Thủ Lăng Nghiêm là do Đức Phật giải trình ra thôi. Lúc mà ngài A Nan bị ngộ nạn Ma Đăng Già thì Đức Thế Tôn nói Đại Trí Văn Thù đem thần chú Lăng Nghiêm niệm và khi niệm thần chú Lăng Nghiêm thì ngài A Nan tỉnh ngộ, không bị chú tà thuật làm cho mê nữa. Thế thì cái đó nói lên cái gì? Cái đó nói lên sự đối trị giữa tà với chánh, đối trị mê với ngộ, đối trị tối với sáng.

Khi tụng chú Lăng Nghiêm trong kinh có dạy là 21 ngày tụng liên tục và nhin đối. Mỗi ngày tụng liên tục từ sáng đến tối nói chung ra 108 biến thì tùy. Nếu quý vị làm được như vậy thì quý vị sẽ thấy được diệu dụng của thần chú Thủ Lăng Nghiêm.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn tuyên thuyết câu thần chú này thì các vị thiên thần cũng như Chư Bồ Tát, các Ma vương cũng đều phát nguyện là sẽ hộ trì cho tất cả những người nào tụng chú này. Cho nên quý vị tụng chú quý vị an tâm. Các vị Bồ Tát, Chư thiên đều hộ trì cho người trì chú.

Muốn tụng chú Lăng Nghiêm cho được lợi lạc thì trước hết quý vị phải giữ giới, nếu không giữ giới thì không được thanh tịnh. Giữ giới là sao? Bỏ tham, sân, si nhất là giới dâm, Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói về giới

dâm, giới dâm rất quan trọng. Tại sao giới dâm quan trọng? Tại vì tâm chạy theo cảnh và giới dâm là một thứ làm cho cảm dỗ cái thân chạy theo cảnh mạnh giống như nam châm gặp sắt, hai vật hút một cái là nó dính ngay.

Trong Kinh Pháp Cú Đức Thế Tôn cũng có dạy rất rõ. *“Không có cái gì cột chân người đàn ông cho bằng cái hương của người đàn bà và cũng không có cái gì cột chân người đàn bà bằng hương của người đàn ông”*. Tức là cái sắc, ma sắc ám. Cho nên ở trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm nếu quý vị muốn hành trì thì trước hết phải giữ giới mà nhất là giới dâm. 21 ngày đó không những nhịn đói mà không được bị cảm dỗ bởi cái sắc dục và mỗi ngày liên tục tụng được 108 biến thì quý vị sẽ thấy thần dụng của nó. Tại vì Chư Thiên hộ trì và khi tâm mình thanh lọc thì tự nhiên nó là diệu tâm biến hiện của chơn tâm tự nhiên nó cho mình thấy.

Khi thấy thì cũng đừng để tâm chạy theo cảnh. Đã có những quý vị đang ngồi thiền tự nhiên nhìn suốt qua tường, nhìn thấy ngoài sân có gì, nhìn thấy hết, cái đấy chưa phải chứng đắc đâu. Cái đó là tiền trần thanh tịnh thôi, tại vì khi thấy khi không. Còn khi mà thấy thường hằng thì mới là chơn tâm, nó do diệu tâm biến hiện mà ra.

Trì chú là phương tiện để dẹp vọng tưởng điên đảo tức là dạng năng lượng ấy được chuyển hóa thành năng lượng thanh tịnh tức là cái nguồn của nó.

Chúng ta đều có Phật tánh, Phật tánh của chúng ta là loại vàng mà Đức Phật cũng có loại vàng ấy, hai cái vàng nó giống nhau nhưng Đức Phật là vàng thỏi đã được chế biến ra thành thỏi. Người thợ kim hoàn dùng vàng thỏi họ nấu ra làm nữ trang. Chúng ta cũng là vàng nhưng mà vàng ở trong cát bụi, vàng đó trong quặng mỏ nó còn dính cát dính bụi chưa có được lọc. Nó là vàng chứ thứ khác làm sao nó biến thành vàng được phải không quý vị?

Cái tánh giác của chúng ta và tánh giác nơi Phật đều bình đẳng, có nghĩa đều là vàng hết nhưng mà vàng của Đức Phật là vàng thỏi nó đã được tinh luyện rồi còn vàng chúng ta là vàng trong quặng dính cát, dính đất đủ thứ cho nên phải được lọc. Lọc hết chất dơ đi tức là tham sân si loại bỏ thì nó còn ra vàng thỏi. Khi nó đã được thành vàng thỏi rồi thì nó được chế biến thành nữ trang tức là diệu tâm, diệu tâm nương cái ấy mà theo pháp thế gian mà nó diệu dụng chế biến ra đủ các thứ. Đi, đứng, nằm, ngồi cũng do diệu tâm. Nấu cơm cũng do diệu tâm, có khi nào quý vị chưa hề biết nấu cơm mà tự nhiên cầm cái nồi lên là biết bỏ gạo vô rồi bao nhiêu nước. Không cần phải tập đâu, cái đấy là diệu tâm đấy. Cầm trái cây lên là tự nhiên biết ở trong đấy nó có sâu hay không, nó là diệu tâm. Đâu cần phải đi học một khóa về cái vỏ nó như thế nào, biết là có sâu hay không có sâu. Không cần, khi

điều tâm nó đạt được tới rồi thì tự nhiên nó liễu tri thực tướng của các pháp, thấy được suốt ở bên trong luôn.

Nhưng khi thấy được rồi, chấp rằng là mình đã chứng đắc là ngay chỗ đó rốt rồi đó. Chỗ đó là rốt thâm, không có đường ra.

Câu hỏi: Phần cuối của bài thần chú Thủ Lăng Nghiêm là phần rút gọn của nguyên bài thần chú Thủ Lăng Nghiêm có phải như vậy hay không? Mình chỉ cần tụng bao nhiêu phần cuối đó cũng giống như nguyên bài thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Xin thầy cho con biết có phải như vậy hay không? Con xin cảm ơn.

Trả lời: Thần chú Thủ Lăng Nghiêm là phương tiện để nhiếp tâm và để chiêu cảm thông công với Chư Thiên. Khi Đức Thế Tôn nói nguyên bài chú ấy thì tất cả Chư Thiên đều phát nguyện hộ trì. Có nghĩa là khi người nào tụng từ đầu đến cuối đủ một bài kinh như thế thì Chư Thiên sẽ hộ trì cho người đó được chứng đắc, thấy rõ chân tướng của các pháp, thấy rõ cái tâm của mình.

Nếu quý vị tụng hết bài kinh ấy, quý vị sợ nó dài thì ngay khi quý vị khởi tâm nói nó dài ngắn là đã có tâm phân biệt là quý vị kẹt rồi. Thích tụng ngắn thì cứ tụng, thích tụng dài cứ tụng nhưng trong kinh nói rất rõ người nào tụng bài chú Lăng Nghiêm đầy đủ thì coi như Chư Thiên sẽ hộ trì.

Thế thì, mình tin là Đức Phật nói đúng vì Đức Phật 3 đời 10 phương chưa hề hư dối. Rồi mình cũng tin là các Chư thiên phát nguyện như vậy, người nào trì chú đầy đủ sẽ theo hộ trì. Mình cứ tụng hết đi, tụng cho đầy đủ thì sẽ được lợi lạc. Còn bây giờ mình tụng ngắn, mình nói dài quá tụng không được rồi tụng ngắn. Tụng ngắn lại sợ như vậy không có linh ứng. Tụng ngắn cũng có linh ứng chứ sao không linh ứng.

Nhưng tâm mình khởi lên sự ngắn dài là ngay chỗ ấy là đã không linh ứng rồi. Ngay cái chỗ khởi tâm phân biệt là rớt rồi.

Có vị thiền sư bên Nhật, ngài có tuệ nhãn, một bữa ngài đi du hóa, đi ngang cái núi thấy có hào quang, ngũ sắc trên đỉnh núi thì ngài biết ngay ở trong đó có một vị ít nhất cũng là tâm thanh tịnh mới đạt được tới chỗ đây, cho nên mới đi tìm. Tìm hết trong núi thì thấy có một cái chòi nho nhỏ, trong đó có một bà già và đứa cháu ở đó thôi. Vị thiền sư ngạc nhiên, xin ở lại ngủ và ăn cơm một đêm. Bà già rất quý vị sư nên cho vị thiền sư ở một đêm.

Tối đến, vị thiền sư nằm ngủ nghe bà lão tụng kinh, bà tụng như thế này: “úm ma ni bát mê ngu ru”

Vị thiền sư thức dậy mới nói bà lão và nghĩ thâm trong bụng: “Bà lão tụng sai mà có ngũ sắc mà bây giờ mình chỉ cho tụng đúng thì không chừng chứng đắc”

cho nên mới gọi bà lão ơi, bà tụng sai rồi. Cái câu chú là “ohm ma ni bat mi hum” chứ không phải “úm ma ni bát mê ngư”.’

Bà già nghe xong giật mình, vì ngày xưa có một vị thiền sư viết cho mình nhưng miếng giấy bị rách ở đâu phần chót ngay chỗ chữ “hum” nên chiết tự ra chữ “ngư”, thành ra bà lão cứ đọc “úm ma ni bát mê ngư”. Thế là, khi nghe ông thiền sư nói như vậy, bà lão mới sám hối, nói: “Con xin sám hối, kinh Phật mà con đọc sai” cho nên bà lão đọc lại là “ohm ma ni bat mi hum”.

Nhưng, tại vì năm sáu chục năm trôi, bà lão chỉ có đọc “úm ma ni bát mê ngư” quen rồi, thanh tịnh cái tâm rồi tự nhiên bây giờ đổi lại “ohm ma ni bat mi hum”, đọc trẹo lưỡi. Bà lão cố đọc thì phải vận dụng trí nhớ. Mà hễ vận dụng trí nhớ thì lập tức có dụng công, mà hễ có dụng công thì không được thanh tịnh. Và ở ngay chỗ này là mất.

Sáng ra, vị thiền sư đi, rồi quay lại thấy mây ngũ sắc mất, vị thiền sư ngó ra một điều, rồi mau mau đi lại tới chỗ bà lão nói: Ngày hôm qua tôi nói với bà là nói sai rồi. Câu của bà mới là trúng. Tức là “úm ma ni bát mê ngư” mới là trúng. Bà lão mừng quá, lạy, rồi nói: “Sáng giờ con cố nhưng trẹo lưỡi không được, bây giờ thầy nói vậy con mừng quá” và tiếp tục trì chú.

Vị thiền sư đi khoảng 10 cây số rồi nhìn lại thấy mây ngũ sắc che trên núi.

Điều đó nói lên cái thể tâm thanh tịnh mới là quan trọng, còn các pháp đều là phương tiện, nó hộ trì cho quý vị thôi. Quý vị muốn tụng mấy câu cũng được, quý vị tụng một chữ cũng được.

Hồi xưa có một ông thợ săn bị cộp rượt rồi ông chỉ có một câu “Mô Phật, mô Phật cứu con”. vậy mà, sau tám mươi ngàn năm, ông thợ săn gặp Đức Phật, rồi Đức Phật cũng nhận ông, cho ông tu và chứng đắc. Chỉ cần gieo duyên thôi là đủ rồi. Cho nên khi cái tâm thanh tịnh thì một chữ cũng là Phật pháp và khi cái tâm không thanh tịnh thì một ngàn chữ cũng là ma sự. Đọc hết câu thần chú mà tâm không thanh tịnh, giới không giữ thì cũng là đi theo con đường ma sự. Còn nếu quý vị đọc một chữ thôi mà tâm thanh tịnh thì tự nhiên là xong thôi.

BÀI 30: MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC SỐNG

Mục đích của cuộc đời là gì? Là người con Phật, chúng ta có tự hỏi “*Tại sao chúng ta có mặt ở đây và rồi sẽ đi về đâu?*”. Thường thì bất cứ người Phật tử nào cũng đều quan tâm: Tại sao tôi lại có mặt tại đây, có mặt ở trên cõi đời này và ở trong bối cảnh này (như làm cha, làm chồng, làm vợ, làm con, làm anh, làm chị, làm em...)? Tại sao tôi sinh ra ở Việt Nam mà không sinh ra ở Mỹ? Tại sao tôi sinh ra làm con của người này mà không phải làm con của người khác? Những câu hỏi ‘Tại sao... tại sao...’ khiến người hành giả không ngừng thắc mắc. Nếu chúng ta không biết thì sẽ không giải thích được: Tại sao ta phải đi tu. Vì nếu không biết mình từ đâu đến, tại sao có mặt ở đây, và sẽ đi về đâu thì việc đi tu có ích lợi gì?

Sự hiện diện của một vật hay một hiện tượng, nói theo khoa học, thì đây là sự chuyển hóa của năng lượng. Khi năng lượng chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, theo luật bảo toàn năng lượng của Einstein: “*Không có cái gì mất đi và cũng không có cái gì sinh ra*”. Chẳng qua là nó đủ các yếu tố tập trung lại thì hiện ra hình tướng bề ngoài, còn bên trong nó cũng chỉ là năng lượng. Theo thuật ngữ nhà Phật thì nói rằng: “*Vạn pháp do duyên sanh và vạn pháp do duyên diệt*”. Có nghĩa là

không có cái sanh ra mà cũng không có cái chết đi. Vì đâu có cái gì sanh ra đâu và cũng không có cái gì chết đi cả? Khi đủ duyên thì nó hiện ra tướng và không đủ duyên thì tất cả những gì thuộc về tướng ấy nó trả lại cái nguyên thủy của nó, chứ không mất đi mà cũng không tạo ra cái mới.

Thế thì, duyên là gì mà khiến cho người sinh ra là nam, người là nữ; người giàu, người nghèo; người thông minh, người chậm chạp... Theo kinh điển của Phật để lại thì người ta sinh ra, có mặt ở đây là do hai động lực:

⁽¹⁾ **Nghiệp:** Trong Kinh Pháp Cú có dạy: Nghiệp theo ta tới chân trời góc biển; bất cứ mình đi đâu thì nghiệp cũng đi theo. Đức Thế Tôn (trong Kinh Nikaya) có ví von: Một người đàn ông có bốn người vợ; khi gần chết, ông nói với bốn người vợ. Đầu tiên, ông nói với người vợ thứ nhất: *“Anh sắp sửa đi nhập Niết-bàn, em có đi theo anh không?”*. Người vợ thứ nhất đáp: *“Không, em không đi; mặc dù trong cả cuộc đời anh chạy theo em, anh tìm kiếm em nhưng mà em sẽ không bao giờ đi theo anh; anh cứ đi một mình”*. Cũng cùng một câu hỏi, người vợ thứ hai đáp: *“Không, em không đi; mặc dù anh đã cố tạo dựng cho em cái này cái kia, đủ thứ nhưng em không đi theo anh đâu”*. Người vợ thứ ba thì nói: *“Mặc dù trong đời sống, anh đầu ấp tay gối với em nhưng mà em cũng không đi theo anh được đâu”*. Chỉ riêng người

vợ thứ tư, người mà trong đời sống hàng ngày bị người chồng hắt hủi, không lưu tâm để ý đến, nhưng khi được hỏi: *“Em có theo anh không?”*. Người vợ thứ tư đáp: *“Anh đi bất cứ chỗ nào thì em cũng sẽ đi theo anh đến đó”*. Đức Thế Tôn dạy rằng bốn người vợ này tượng trưng cho cái gì?

– Người vợ thứ nhất tượng trưng cho tiền bạc: Người còn sống thì lo chạy đi kiếm tiền, lo chăm người vợ thứ nhất vì càng làm nhiều tiền, càng thích. Nhưng khi chết, chúng ta có mang theo được gì không? Không mang theo được gì cả, dù chỉ một đồng; vậy mà lúc sống cứ cảm cúi, chăm lo kiếm tiền.

– Người vợ thứ hai tượng trưng cho tài sản, của cải, đất đai, các thứ vật dụng khác cũng không đi theo, không mang theo được khi chúng ta chết.

– Người vợ thứ ba là người vợ/chồng: là người hàng ngày đầu ấp tay gối với quý vị nhưng khi quý vị chết thì vợ/chồng cũng không thể đi theo được.

– Chỉ có người vợ thứ tư là cái tâm thức, cái nghiệp sẽ đi theo khi quý vị chết. Nghiệp lành, nghiệp thiện, nghiệp dữ, nghiệp ác gì cũng sẽ đi theo; đi theo quý vị đến chân trời góc biển.

Người sinh ra là vì nghiệp, nhưng nghiệp chỉ là một phần, không phải là tất cả. Khi con người chết, lập tức thân trung ấm rời đi và dĩ nhiên cái nghiệp có tác động

vào trong ấy. Nghiệp thì phải trả, nhưng nếu con người có tu tập thì tâm thanh tịnh; và vì tâm thanh tịnh thì đủ sức quyết định được nơi đi, nơi đến. Nhưng không phải vì thế mà không trả cái nghiệp. Ví dụ, trong tiền kiếp, một người đi bán cháo gà, chặt chân gà thì kiếp sau người đó có thể phải bị què chân... đó là nhân quả. Nhưng vì có tu tập, có tạo các công đức thì tới khi sinh ra có thể chọn là công chúa nhưng bị què chân, đầu thai vào chỗ tốt đẹp, vào nhà giàu, mà có nghiệp thì vẫn phải trả.

(2) **Nhân duyên:** Sự hiện diện của con người trong một bối cảnh nào đều là do nghiệp lực và đồng thời còn do nhân duyên. Nói là nghiệp, mà tại sao không sanh trong nhà này mà sanh vào nhà kia? Không sanh ra là con của người này, mà là con của người kia? Đây là do nhân duyên, có nợ nần với nhau, có duyên với nhau cho nên mới sinh ra trong bối cảnh ấy. Tại sao không sinh ra ở Mỹ mà sinh ra ở Việt Nam? Đó cũng là nhân duyên trong bối cảnh ấy. Có những nhân duyên trùng trùng, điệp điệp và như lời Đức Thế Tôn đã dạy trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm: *Nó rồi... rồi như cuộn chỉ rồi*. Không biết đâu là đầu mối và vì không biết đâu là đầu mối, cho nên mới nói là “*Vô thủy vô chung*”. Vì không biết nên tá danh để nói thế thôi; chứ thật sự ra cái gì mà không có thủy, không có chung; cái gì cũng có thủy có

chung hết, chẳng qua là mình không biết nên mình tá danh mình nói là “*Vô thủy vô chung*”.

Khi Đức Thế Tôn chúng đắc dưới cây Bồ Đề, sau khi Ngài chứng đắc, Ngài nói như thế này: “*À... thì ra từ nay Ta đã thấy mặt mũi của cái nghiệp; cột kèo, đòn dông đều gãy đổ; kể từ nay, nhà người không thể nào xây cái nhà mới được nữa và đây là kiếp cuối cùng của Ta. Ta sẽ không còn quay trở lại, không còn bị lôi kéo vào kiếp nào nữa*”.

Tại sao lạ vậy? Nếu đã sinh ra là có tạo nhân, tạo nghiệp dù không ít thì nhiều; trả nghiệp là một chuyện, mà tạo nghiệp lại là chuyện khác. Ở trong Kinh Pháp Cú có nói rất rõ: “*Chúng sanh là chủ của nghiệp - vì mình tạo nó ra; chúng sanh cũng là thừa tự của nghiệp - vì nó dẫn dắt mình*”.

Cho nên, Đức Thế Tôn nói như thế này: *Kể từ nay Ta đã thấy mặt mũi của nghiệp; nhà người không thể xây cột kèo, đòn dông nữa; tất cả cái nhà đã bị sụp đổ*. Tại sao đến cuối cùng cái nghiệp bị sụp đổ? Bí mật của Đạo Phật là ở chỗ này đây. Cái “*Chơn không diệu hữu*” và cái “*Tự tánh thanh tịnh*” là ở chỗ này. Khi nào quý vị tu tập mà cái tâm hoàn toàn thanh tịnh, thấy rất rõ thực tướng của các pháp, làm tất cả các pháp mà không vướng mắc vào bất kỳ một pháp nào, thông dong, tự tại; thì lúc bấy giờ mới có thể tự nói rằng: *Ta đã thấy rõ mặt*

mũi của cái nghiệp; còn bây giờ chưa tới được thì bị nghiệp nó lôi kéo, nghiệp nó đẩy. Nghiệp ác thì phải trả cái ác đó; nghiệp thiện thì được trả cái thiện; kiếp này bố thí thì kiếp sau sẽ được giàu có, sanh vào con nhà giàu; kiếp này ăn hiền ở lành thì kiếp sau sẽ được duyên lành, sanh vào những gia đình hiền lành.

Trong kinh Pháp Cú đã dạy: Chúng sanh là chủ của nghiệp; chúng sanh cũng là thừa tự của nghiệp. Nói như thế để thấy rằng chúng ta từ đâu mà sanh ra. Do nghiệp, nhưng nghiệp không hoàn toàn quyết định được chúng ta phải sanh ra như thế. Nếu chúng ta tu thì chúng ta sẽ chuyển hóa được nghiệp; nhân - quả thì phải trả, nhưng chuyển hóa được nghiệp, và tới một lúc chúng ta đã liễu tri rồi thì tự nhiên cái nghiệp sẽ không thể quấy rối được chúng ta nữa.

Quý vị có biết tại sao Đức Thế Tôn lại nói rằng: *Ta đã thấy được mặt mũi của nghiệp, từ nay nguoi không thể làm phiền não được Ta nữa?* Tại vì tự tánh của các pháp là thanh tịnh; tự tánh của các pháp là không. Nếu quý vị làm thiện thì được hưởng điều thiện. Nếu luôn luôn giữ thân, khẩu, ý thanh tịnh, nghĩ thiện, nói điều thiện, làm điều thiện thì đương nhiên sẽ có quả lành. Vì nghiệp nó đưa đẩy chúng ta, cho nên chúng ta hiện diện trên cõi đời này theo nghiệp.

Đối với những vị có công phu tu tập thì sự xuất hiện trong trái đất này, trong cõi Ta Bà, là do nguyện lực. Những vị ấy phát nguyện vào trong cõi Ta Bà này như các vị Bồ Tát, các vị Thánh Tăng, các Chư Phật Mười Phương phát nguyện vào trong cõi Ta Bà này để độ chúng sanh; vì nguyện lực mà vào, nên vào - ra tự tại, muốn vào lúc nào thì vào, muốn vào nhà nào thì vào; không bị lệ thuộc nơi bối cảnh vào - hay ra. Nói như thế không có nghĩa là các Ngài ấy không bị nhiễm. Khi vào trong trần gian vì chúng sanh đau khổ, thương xót chúng sanh thì đương nhiên có vướng mắc, vướng mắc một chút xíu; cho nên tâm từ - tâm bi - tâm hỷ - tâm xả cũng có cái cảm thọ. Ngay chỗ cảm thọ này vô cùng quan trọng và vi diệu.

Thọ ẩm ma rất quan trọng, nó hướng dẫn cho chúng ta là đầu thai ở chỗ nào hoặc là chấm dứt sự đầu thai. Khi liễu tri được các pháp tự tánh vốn là thanh tịnh, các pháp vốn là không; mà là do cái tâm điên đảo nảy sinh ra như thế, thì ngay lập tức ở chỗ ấy chấm dứt sanh tử. Tại vì ở nơi các niệm không sanh thì trí tuệ phát sinh và các chư Phật cũng nhờ nơi ấy mà trưởng dưỡng, thành tựu.

Thế thì, chúng ta cần phải biết, phải hiểu rõ ràng: Đầu tiên là chúng ta từ đâu mà ra; tiếp theo, chúng ta có biết chúng ta sẽ đi về đâu không? Trong Kinh Nikaya, ngài A Nan một hôm đến hỏi Đức Thế Tôn: “*Bạch Đức Thế*

Tôn, người chết đi về đâu?”. Thật sự ra, ngài A Nan biết rõ ràng người chết đi về đâu nhưng Ngài vẫn hỏi điều ấy là để hỏi dùm cho chúng ta, những chúng sanh mê muội như chúng ta không biết khi chết sẽ đi về đâu. Đức Thế Tôn hỏi lại ngài A Nan: *“Này A Nan, cái cây ở bờ rừng kia nghiêng về hướng nào?”*. Ngài A Nan đáp: *“Bạch Đức Thế Tôn, cái cây ngoài bờ rừng nghiêng về hướng Đông, tại vì nó theo quang năng động”*. Đức Thế Tôn hỏi tiếp: *“Vậy thì khi chết nó sẽ đổ về hướng nào?”*. Ngài A Nan đáp: *“Bạch Đức Thế Tôn, khi sống nó nghiêng về hướng Đông, thì khi chết nó sẽ đổ về hướng Đông. Đó là quy luật”*. Đức Thế Tôn nói: *“Cũng như thế... cũng như thế; người khi chết, cái nghiệp nó như thế nào khi chết nó sẽ đi về hướng ấy”*.

Nếu khi sống tạo những nghiệp lành, thân, khẩu, ý đều được thanh tịnh thì khi chết đi về đâu thì tự quý vị đã biết; nó không thể nào đi hướng khác được. Ngược lại, nếu khi sống mà thân, khẩu, ý đều bị ô nhiễm, đều làm những việc ác thì đương nhiên khi chết nó chiêu cảm, địa ngục tự nhiên mở ra và chúng ta tự động chui vào đấy; chúng ta tự chui vào địa ngục của chính mình, không có ai bày ra địa ngục ấy đâu. Điều ấy nói lên ý nghĩa gì? Nói lên là: Nghiệp cũng do mình tạo, nghiệp cũng là sự hướng dẫn, con đường của mình đi. Trong cuộc sống, nếu chúng ta biết tu tập, biết giữ thân khẩu ý thanh tịnh, một

việc ác không sanh và nghiệp thiện luôn luôn làm thì đương nhiên là chúng ta biết khi chết sẽ đi về đâu. Như Đức Thế Tôn đã dạy: *Như cái cây khi sống nghiêng về phía nào thì khi chết nó nghiêng về hướng ấy.*

Tới đây thì chúng ta đã nắm rõ hai phần: Phần một là chúng ta từ đâu đến; Phần hai là khi chết chúng ta sẽ đi về đâu.

Trong phần một: Chúng ta đã biết tại sao chúng ta sinh ra có cha như thế, có mẹ như thế... đều là do Duyên, có nợ nần với nhau nên mới tái sanh ra trong gia đình ấy. Còn cái nghiệp thì sinh ra với hình tướng như thế, tay chân có lành lặn hay què cụt; đầu óc có thông minh hay không; tánh tình hiền hay dữ... đều do cái nghiệp. Cho nên, nói rằng: Sinh ra trong gia đình nào, sinh ra trong bối cảnh nào thì nó gồm hai yếu tố:

1. Là do nghiệp;
2. Do duyên - nợ với gia đình, với bối cảnh đó.

Trong phần hai: Khi chết chúng ta sẽ đi về đâu? Là do những hành động của chúng ta trong lúc sống; lúc sống nó nghiêng về hướng nào thì khi chết nó nghiêng về hướng ấy - Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ.

Sống là sanh ra, chết là mất đi, tạm gọi theo ngôn từ thế gian như vậy. Vậy, còn khoảng chính giữa thì sao;

từ lúc sanh ra cho đến lúc chết? Đây là đề tài hôm nay của chúng ta.



Mục đích của cuộc sống.

Chúng ta cần sống có mục đích, nếu không, sẽ lang bạt, quay cuồng giữa phong ba bão táp của cuộc đời – để rồi cuối cùng không biết đi về đâu, như chiếc lá giữa bão tố, xoay vòng không phương hướng.

Là một người hành giả, nếu chúng ta sinh ra rồi chết đi giống như một cái cây tầm gửi: Ăn - ngủ - nghỉ... rồi đợi tới ngày chết, như vậy phải chăng là mục đích của cuộc sống? Một cây thực vật, nó cũng sanh ra vậy, rồi nó cũng chết; rồi trong quá trình từ sống đến chết, nó cũng hút nước, lấy ánh nắng, nó cũng lớn lên rồi nó cũng đến ngày chết; hay như con chó, con mèo cũng thế.

Nếu là người hành giả, thì mục đích của cuộc sống là gì? Chúng ta sinh ra vì nghiệp lực và vì duyên; tức là vì

nghiệp lực và vì duyên đó từ đâu mà nó sanh ra; gốc rễ - nguồn cội của nó có từ đâu? Nghiệp lực là do sự **vô minh**, cho nên mới tác ý, mới tạo ra nghiệp. Duyên do từ sự trói buộc giữa cá nhân, cứ tạo ra thì phải trả; cứ vay - trả, trả - vay xoay vần trong không gian, thời gian ấy. Nếu khi đã hiểu rõ thì không vay - không trả nữa, chấm dứt tất cả và vì chấm dứt tất cả là do sự **hết vô minh**.

Trong Thập nhị nhân duyên, Đức Thế Tôn đã chỉ chúng ta rõ mười hai cái bánh xe; và nói rằng vô minh thì sanh hành, hành sanh thức... cứ như thế xoay chuyển cho đến sanh, lão, bệnh, tử. Thế thì thực tướng, khởi sự Ngài nói vô minh, ý là từ chỗ ấy mà ra; từ chỗ vô minh (không biết) cho nên mới làm và ô nhiễm trong tâm, rồi ái nhiễm. Nhưng thực tướng của nó là cái ngã; nếu không có ngã thì làm gì có vô minh; nếu không có ngã thì làm gì có ái ngã; nếu không có ngã thì làm gì có tham ái. Mà nếu không có ái ngã, không có ngã thì làm gì còn có sanh, lão, bệnh, tử. Vì có ngã cho nên khởi ra cái ái ngã và vì có ái ngã cho nên tham ái, và cứ như thế Hành để thỏa mãn cái tham ái, tham ngã... Cứ như thế sanh - tử nó xoay, Thập nhị nhân duyên nó tác động.

Vô minh là gì? Chúng ta học Phật, biết rằng trong Thập nhị nhân duyên nó xoay, mười hai bánh xe nó xoay thì sanh tử luân hồi, lăn trôi trong ba cõi sáu đường không bao giờ thoát. Vậy mục đích của cuộc sống là gì?

Phải chăng mục đích của cuộc sống là lăn trôi trong ba cõi sáu đường? Trong Kinh Hoa Nghiêm hay trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm; Đức Thế Tôn đã dạy rõ: Tại sao trong cõi này có những loài như trũng, loài thấp sanh, loài hóa sanh, rồi đủ các thứ và những thứ này từ đâu mà có? Trong kinh nói rất rõ: Cái đó là do tưởng và tình; tình - tưởng, cái nào nặng cái nào nhẹ mà nó sinh ra. Thế thì, tất cả những cái đó từ nơi tâm, từ tâm phát sinh ra muôn loài vạn vật. Cái tâm đó là tâm gì? Nếu chúng ta nói cái tâm mà chúng ta cứ mừng tượng là tâm thành kính, thì cái đó sai. Vì những cái tâm ấy đều là do duyên sanh: Tâm tham - tâm sân - tâm si đều do gá vào cảnh, cho nên cái tâm nó mới sinh ra; tâm ấy là tâm không thực - những tâm ấy gọi là tâm như huyễn.

“Chơn tâm thường trụ” thì trong kinh điển không bao giờ nói. Ví như, câu chuyện của ngài Huệ Khả đi đến tìm và nhờ Tổ Đạt Ma an tâm cho mình, đến khi Tổ nói: *“Con đưa cái tâm ra đây, Ta an cho”*. Ngài Huệ Khả đáp: *“Con tìm hoài mà chẳng thấy tâm đâu”*. Những cái mà thấy được thì đều có hình tướng. Tức là sao? Tức là tâm tham - tâm sân - tâm si là thấy ngay. Ví như, đang đi lúc mười hai giờ đêm khuya vắng người, thấy một túi đựng 100kg vàng, không ai nhận và khi mở ra thấy vàng trong đó mà tâm mừng rỡ thì là khởi tâm tham rồi. Hay như thấy một cô gái đẹp, mặc quần áo sexy đi ngang mà

người con trai tự nhiên khởi lên cái tâm dâm là có đối cảnh mới sanh tâm; mà hễ có đối cảnh mới sanh tâm thì tâm ấy là tâm có điều kiện; mà tâm có điều kiện - theo thuật ngữ nhà Phật là do duyên sanh; cái gì do duyên sanh sẽ do duyên diệt. “*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt*”. Duyên sanh thì như huyễn, biết rất rõ điều này cho nên không vương mắc.

Thế thì, cái chính là gì? Vô minh từ đâu mà làm cho Thập Nhị Nhân Duyên nó xoay để làm cho chúng sanh phải lăn trôi trong ba nẻo sáu đường? Mục đích của cuộc sống là gì? Khi đã sinh ra vì nghiệp lực và vì duyên. Nó nói, nó chẳng chịt với nhau, nên phải sinh ra làm con/làm chồng/làm vợ/làm cha mẹ... từ trong vô lượng kiếp, chúng sanh đều là quyến thuộc của nhau, đều là anh, chị, em/là cha, mẹ/là con/là chồng/là vợ...

Tại sao có người sinh ra chọn con đường tu tập để thoát ra khỏi ba cõi sáu đường, cũng có người thì cứ lăn trôi mãi. Vậy, mục đích của cuộc sống là gì? Phải chăng mục đích của cuộc sống là sinh ra để kiếm tiền, để tạo mãi nhà cửa, để được có danh, có chức, hoặc để được có cái này, cái kia... tất cả những thứ ấy đều là **huyễn**. Nó là huyễn nhưng không phải là nó không có; giống như người huyễn sư và huyễn sự, thò tay vào trong cái nón lấy con thỏ, con chim hay bông hoa ra; thì nó có

chứ sao không, thấy rõ ràng nhưng mà nó là không thực, nó bị ảo hóa.



Là một người Phật tử chúng ta đều biết, sinh ra trong cuộc sống như lời Đức Thế Tôn dạy: Được đầu thai, được sinh ra làm người thì rất là hiếm, ví như con rùa mù 500 năm sống ở đáy biển mới trồi đầu lên mặt nước một lần và đi kiếm bọng cây đang trôi dập dềnh trên mặt biển để chui vào. Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan: *“Thế việc ấy có khó không?”*. Ngài A Nan đáp: *“Bạch Đức Thế Tôn, con rùa mù mà 500 năm mới trồi đầu lên một lần, rồi lại phải đi tìm cái bọng cây đang trôi trên mặt biển để chui vào, thì quả thật việc ấy khó vô cùng... vô cùng khó”*. Đức Thế Tôn bảo ngài A Nan như thế này: *“Việc ấy tuy khó nhưng chưa khó bằng việc các người được sinh ra làm người”*. Vì khi được sinh ra làm người, có nghĩa là các người đã có cái duyên lành rất là lớn, đã tu bao nhiêu kiếp rồi mới được sinh ra làm người, mà

đã làm người rồi không tiếp tục tu học, lỡ như kiếp sau mình không được làm người nữa thì có phải uổng phí cuộc đời này không.

“Mục đích của cuộc sống là gì?”. Tùy theo nghiệp lực của chúng sanh, tùy theo nhân duyên của chúng sanh mà nó sinh ra trong bối cảnh ấy thì nó đều có mục đích của nó. Nhưng tất cả các sinh vật cũng như bất cứ cái gì, cũng chỉ có một mục đích duy nhất - một mục đích chung mà thôi (bất kể đó là người/là chó/là mèo...).

Trong Đại Trí Độ Luận, khi Đức Nữ hỏi Đức Thế Tôn: “*Vô minh là gì?*”, Đức Thế Tôn hỏi lại Đức Nữ: “*Vô minh có từ ngoài vào không?*”, Đức Nữ đáp: “*Dạ, thưa không*”. “*Vô minh có từ trong ra không?*”, “*Dạ, thưa không*”. “*Vô minh có từ quá khứ đưa xuống hiện tại, đưa xuống tương lai không?*”, “*Dạ, thưa cũng không*”. “*Vô minh có từ trên trời rớt xuống không?*”, “*Dạ, thưa cũng không*”. “*Vậy thì, vô minh ở đâu mà ra?*”. Ở ngay chỗ này, Đức Nữ không trả lời được và Đức Thế Tôn mới dạy như thế này: “*Vô minh, nó chẳng từ đâu ra cả nhưng hễ chỗ nào có vô minh thì có chấp ngã và vì có chấp ngã nên có tham ngã, ái ngã... và cứ như thế sinh tử luân hồi nó xoay*”. Nghe thế, Đức Nữ mới hỏi lại: “*Vậy thì, Đức Thế Tôn xin Ngài chỉ rõ cho chúng con, đời này và đời sau tu học hiểu rõ vô minh là gì, hình tướng của vô minh ra làm sao*”. Đức Thế Tôn

đáp: Ví như cái huyền sự do nhà huyền sư tạo ra; huyền sư là ảo thuật gia và huyền sự là những cái đồ chơi; thò tay vào trong cái túi không, không có gì trong đó và khi thò tay vào thì lại lấy ra con thỏ/con chim/bông hoa từ trong túi đây. Thế thì con thỏ/con chim/bông hoa hỏi rằng nó có thật không? Có, nó có thật vì nghe thấy, sờ thấy được nhưng mà nếu nói nó thật là sai, tại vì nó chỉ do cái ảo thuật mà có thôi.

Cũng như thế, cuộc sống giống như huyền sư bày ra huyền sự. Vì có đầy đủ các yếu tố nhân duyên tụ tập, trong đó có nghiệp - có duyên - có nhân quả, cho nên, nó mới sanh ra con người và không có con người nào giống con người nào. Bây giờ, ngay cả hai người anh em sinh đôi của một gia đình cùng cha cùng mẹ, cùng nằm trong một bào thai của bà mẹ, cùng một giờ được sinh ra, giống y hệt nhau nhưng nếu hỏi hai người ấy có cùng mục đích không? Thừa là không. Vì nghiệp lực của hai người ấy khác nhau, vì cùng duyên nhưng mà khác nghiệp, cho nên không giống nhau.

Thế thì, một vị có ý kiến: *Mục đích của cuộc đời là để thỏa mãn nhu cầu cái tâm của mình.* Tâm đó là tâm giả, tâm huyền, nó không có thực. Cái tâm ấy do duyên sanh, cái tâm ấy là do phan duyên, do duyên sanh nên nó gá lên nên gọi là tâm tham - tâm sân - tâm si. Tất cả những thứ ấy đều là do duyên sanh. Mà hễ do duyên sanh thì

như huyễn, là không thực. Vậy mục đích sống của chúng ta có phải là có tiền/có nhà/có danh/có đủ thứ... những thứ ấy là huyễn nhưng tại sao người ta lại chạy theo? Do người ta hiểu sai “mục đích của cuộc sống”.

Thế thì, Mục đích thực sự của cuộc sống là gì? Nếu chúng ta sinh ra vì duyên, vì nghiệp.

Có vị đáp: Mục đích của cuộc sống là giải thoát. Thế thì, ai trói chúng ta mà mình phải giải thoát? Vị khác thì nói: Đó là cho người giác ngộ và cho chúng sanh. Như vậy là đã có sự phân biệt: Giác chỗ nào và mê chỗ nào? Giác, mê chỉ là văn tự thôi. Quý vị cẩn thận coi chừng bị kẹt vào văn tự. Tại sao lại nói là có bờ sông mê, ráng tu đi, ráng chèo đò để qua bên bờ sông kia là bờ giác. Nói như thế là văn tự, nói rằng có con sông mê, tu là leo lên cái bè, ráng chèo cái bè đó (bè này là bè pháp, bè giới); nghĩa là mượn pháp, mượn giới của Phật để đi qua bờ sông mê, vượt sông mê để tới bờ giác. Mượn ngôn từ để nói thế thôi; ở trong các chùa thường có câu “*Hồi đầu bĩ ngạn - quay đầu là thấy bờ*”; có nghĩa là bờ ngay dưới chân, không có sự phân biệt là bờ bên đây hay bờ bên kia.

Trong Kinh Duy Ma Cật: Phiền não tức Bờ-đề. Không rời phiền não mà vẫn vào Niết Bàn. Thế thì, bờ bên đây là ở đâu? Chẳng có cái nào là bờ bên đây hay bờ bên kia cả; như “*Hồi đầu bĩ ngạn*”, tức là quay đầu

thì thấy bờ, bờ này ngay dưới chân mình đây, bờ mê cũng dưới chân mình và bờ giác cũng ngay dưới chân mình. Đâu cần phải đợi sang tới bên kia mới có bờ giác. Chỉ mượn ngôn từ nói thế, nên không có người giác mà cũng chẳng có người mê. Thế thì, cái gì để nói cho rõ ràng trong vấn đề: Giác, mê, sanh tử luân hồi, ba cõi sáu đường... Tất cả chỉ là những phạm trù, những quy ước; mà hễ là quy ước thì có sự giới hạn trong không gian và thời gian. Quy ước của thế gian thì bị lệ thuộc nơi không gian, thời gian. Trong không gian này thì nói khác, trong không gian khác thì nói khác. Trong thời gian này thì nói khác, trong thời gian khác thì nói khác, ý nghĩa của nó khác.

Chúng ta bàn về “Mục đích của cuộc đời”. Vì vô minh cho nên chấp ngã, cho nên ái ngã, tham ngã và như thế là sanh tử luân hồi nó xoay theo Thập Nhị Nhân Duyên. Và chúng ta cũng đã biết rằng: Ở trong Đại Trí Độ Luận, khi Đức Thế Tôn hỏi Đức Nữ vô minh từ đâu mà ra thì Đức Nữ không trả lời được. Cuối cùng, Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Vô minh không từ đâu mà ra nhưng hễ chỗ nào có vô minh thì chỗ ấy có sanh tử luân hồi”*.

Chỗ này là chỗ tuyệt vời! Đừng mong rờ được vô minh. Đừng mong thấy được, tìm được mặt mũi của vô minh. Ví dụ, trong chúng ta, có ai thấy được điện không? Không thấy, nhưng chúng ta thấy được cái biểu

hiện của điện là quạt máy quay, máy lạnh chạy, đèn sáng... nhưng chúng ta không nhìn thấy điện. Cũng như thế, vô minh chỉ nhìn thấy qua biểu hiện của nó mà thôi. Khi nó chấp ngã thì biết ngay là người đó vô minh; chứ còn không thể nói hình tướng của vô minh là như thế nào, không thể nào thấy được. Trong Đại Trí Độ Luận, Đức Nữ đã không thể nào nói được và Đức Thế Tôn cũng đã nói rất rõ: Vô minh, nó không thấy được; nó không từ đâu ra nhưng hễ chỗ nào có vô minh thì lập tức có ái ngã, có tham ái và sanh tử luân hồi; cứ thế mà nó điên đảo, nó xoay chúng ta.

Thế thì đối trị với vô minh là gì? Hễ nói tới vô minh là nói tới sanh tử luân hồi trong Thập nhị nhân duyên. Đối trị với vô minh là trí tuệ. Bởi thế, trong kinh điển hay trong các chùa đều có câu: “*Duy tuệ thị nghiệp*”. Tức là, chỉ có trí tuệ là sự nghiệp của một người con Phật. Người hành giả tu Phật, chỉ lấy trí tuệ làm sự nghiệp, không lấy bất cứ gì như của cải, vật chất, đất đai... đều bỏ đi hết. “*Duy tuệ thị nghiệp* - chỉ có lấy trí tuệ là sự nghiệp”. Đó là mục đích của cuộc sống đây!

Vì vô minh nên lăn trôi vào ba cõi sáu đường, đầu thai vào làm người, làm chó, làm mèo, làm thân nam, thân nữ... Vì nhân duyên, nên làm cha mẹ, làm con, làm chồng, làm vợ... Ở trong bối cảnh không gian và thời gian ấy và phải vào đây để tăng trưởng trí tuệ, để nhận

rõ thực tướng của các sự ràng buộc, của nhân duyên, của nghiệp và khi nhận rõ được rồi thì “Duy tuệ thị nghiệp - chỉ có lấy trí tuệ là sự nghiệp” và khi đã thấy rõ được thực tướng của các pháp rồi thì tự nhiên có trí tuệ; mà khi trí tuệ có thì dứt nhân – ngã, dứt bỏ hết tất cả những ràng buộc và cứ như thế trí tuệ phát triển, nó thăng hoa. cho đến một lúc nào đó, nhận rõ chân tướng của các pháp rồi, “*Nhất niệm không sanh thì trí tuệ phát sinh*”, mà trí tuệ phát sinh thì khi tăng trưởng đến cái mức tột cùng của nó rồi, đương nhiên là không bị ràng buộc bởi bất cứ cái gì.

Bởi như thế, khi đã nhận rõ chân tướng của các pháp qua trí tuệ thì Đức Phật mới tuyên bố là: “*Kể từ nay, Ta đã nhận rõ được mặt mũi của cái nghiệp, nhà người không thể tiếp tục xây cái nhà, nhà người không thể tiếp tục xây cột xây kèo được nữa và kiếp này là kiếp cuối cùng; Ta sẽ không còn vào trong cõi này nữa*”.

Tại sao trong vô lượng kiếp, Đức Thế Tôn đã sanh sanh - diệt diệt, đầu thai hết lần này đến lần khác. Trong một kiếp đều có tạo nghiệp - đều có trả nghiệp, nhân - quả mà, tạo nghiệp mới - trả nghiệp cũ và cứ như thế sanh tử luân hồi. Nhưng rồi tại làm sao trong vô lượng kiếp cứ như thế xoay, mà tới giờ chót khi Đức Thế Tôn chứng đắc, Ngài lại tuyên bố: Là từ đây cái nhà ấy bị sụp đổ; vô lượng kiếp tạo, vô lượng kiếp sanh, vô lượng

kiếp trả mà tới giờ chót lại nói rằng: Ta đã thấy rõ ràng nó rồi, kể từ nay nhà người sập. Điều này, có nghĩa là: bằng trí tuệ chặt đứt hết phiền não, bằng trí tuệ đập tan hết tất cả những vô minh, bằng trí tuệ soi sáng hết tất cả các nơi còn tăm tối trong cái thức, trong cái trí, trong tâm tư, trong cái nghiệp của chính mình. Và khi đã thấy rõ thực tướng của các pháp rồi, thì biết rằng: Đó là không có thực; vì duyên cho nên sanh và vì duyên diệt; tức là nó không có thực, nó như huyễn, vì “Vạn pháp do duyên sanh” mà cái gì do duyên sanh thì như huyễn.

Nhưng tại sao chúng ta cứ chấp nó là có thực: Có cha mẹ, có con, có chồng, có vợ, có anh, có em, có nhà cửa, có danh vị...? Vì có những cái đó nên có những sự ràng buộc, có những sự phiền não và có cả những sự cho vay, có cả sự phải đền trả... Những cái này do sự vô minh (không biết) mà sanh ra như thế. Nay, đã có trí tuệ thì tự nhiên nhìn thấy thực tướng của các pháp vốn là không; thực tướng của các pháp vốn là thanh tịnh và khi đã thấy như thế rồi thì đứng ra ngoài khỏi sanh tử luân hồi; bởi bờ giác nằm ngay dưới chân.

Như ngài Lục tổ Huệ Năng đã dạy: “*Bờ giác nằm ngay ở dưới chân*”. Khi quý vị đã thấy rõ thực tướng của các pháp rồi thì thông dong, tự tại; làm mà như không làm; ăn mà như không quan tâm; đi, đứng, nằm, ngồi đều theo Chánh Pháp; không cần giữ giới mà vẫn

giữ giới, vì mình đâu có ý khởi lên cái niệm là mình muốn cái gì đâu; không muốn cái gì thì mình đâu có phạm cái gì đâu. Không muốn tiền, không muốn trai gái, không muốn quyền, việc tới thì làm, làm thông dong, tự tại thì có cái gì mà phải giữ giới. Ngay cả một cọng cỏ cũng không muốn đạp lên nữa, tại sao thế?

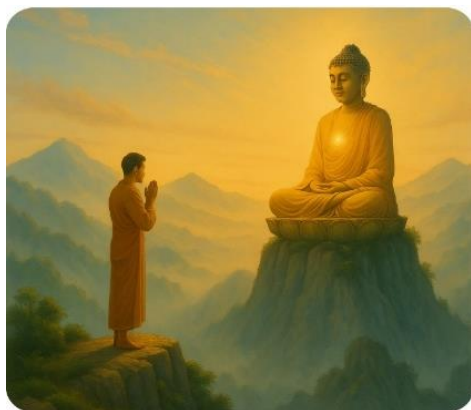
Tại vì có tâm từ, tâm bi. Tâm từ đã khởi lên rồi thì thấy cọng cỏ cũng chính là mình. Mình không đạp lên mình thì mình đâu thể đạp lên cọng cỏ. Ai chửi mắng mình, nếu mình không có trí tuệ thì lập tức mình khởi lên phiền não và ngay cái chỗ phiền não ấy nó sẽ đi vào trong cái thức. Cái thức nó sẽ chuyển hóa qua ý thức, Mạt-na-thức, A-lại-da-thức và cứ như thế là mình bị mắc kẹt. Khi vào A-lại-da-thức thì nó sẽ đưa vào cái thần thức của người chết - gọi là thân trung ấm và cứ như thế thì sanh tử luân hồi mãi thôi, không chạy ra khỏi. Khi chết mà còn tiếc nuối cái này là vợ của tôi, cái này là con của của tôi, nhà của tôi, xe của tôi... nên mắc kẹt, nhưng khi đã có trí tuệ rồi thì nhìn thực tướng là không, nhìn rõ thực tướng là như thị, bốn phận vẫn làm nhưng mà không vướng mắc.

Người thân mất, ví dụ như cha chết, khóc thì vẫn khóc nhưng không phải khóc vì người cha, mà nước mắt ấy là khóc vì chúng sanh, vì phải trôi lăn trong ba cõi sáu đường mà chúng sanh ấy là người cha của mình, chúng

sanh ấy cũng chính là mình, mình cũng là một thực thể sẽ phải sanh tử như người cha của mình. Cho nên, rớt nước mắt khóc ấy không phải là của một thường nhân khóc cho người đã ra đi trong tâm trạng phiền não, trong sự lôi kéo của duyên sanh, mà nước mắt khóc ấy là khóc vì chúng sanh và chính chúng ta cũng là một chúng sanh trong ấy. Cái khóc của người trí tuệ khác hơn ở một người không có trí tuệ là ở chỗ này; chứ nếu nói rằng khi người cha mình chết mà mình không khóc thì mình khác gì gỗ đá. Gỗ đá không bao giờ tu được, gỗ đá không bao giờ thành Phật, nên khóc thì vẫn khóc mà cái khóc của người có trí tuệ khác là ở chỗ đấy. Vì thấy cha mình chết thì biết rằng thân phận của mình cũng sẽ như vậy, nó do duyên sanh, do nghiệp lực thì lập tức cái tâm của mình nó chuyển và như thế thì mình sẽ tu, tu để chuyển cái tâm, tu để chuyển cái nghiệp. Vì vậy, mục đích ở trong cuộc sống là “Duy tuệ thị nghiệp”. Khi mà chúng ta đã có trí tuệ, chúng ta nhận rõ được chân tướng của các mối quan hệ, chúng ta nhận rõ được chân tướng của cái nghiệp thì cứ thông dong, tự tại; nhân nào quả ấy, vui vẻ trả những quả nghiệp ấy nhưng không vay mượn thêm nữa và thực hành theo lời Chư Phật dạy qua bốn câu kệ sau:

*“Không làm các điều ác
Siêng làm những điều lành,
Giữ tâm ý trong sạch,
Đó là lời Chư Phật dạy”*

Nhưng Thiền sư Ô Sào đã nói: Đứa con nít 8 tuổi nói cũng được nhưng tới 80 tuổi làm vẫn chưa xong: *“Luôn làm các điều thiện; luôn tránh các việc ác; luôn giữ tâm thanh tịnh; đó là lời Chư Phật dạy”*. Cho nên, mục đích trong cuộc sống là thăng hoa về trí tuệ. Khi chúng ta đã nhận rõ thực tướng của các pháp thì chúng ta sẽ không còn vướng mắc nữa. Chúng ta làm tất cả các pháp nhưng mà không chấp, không vướng mắc, đến - đi tự tại và nhớ rằng mẫu số chung của chúng ta là “Duy tuệ thị nghiệp”.



Tóm tắt

Tại sao chúng ta có mặt ở đây?

- Người học Phật luôn đặt câu hỏi: “Tôi từ đâu đến? Tại sao sinh ra ở đây? Sau khi chết sẽ đi về đâu?”
- Nếu không trả lời được những câu hỏi này, thì việc tu hành sẽ trở thành một hình thức không nền tảng.
- Khoa học nói về sự chuyển hóa năng lượng. Phật pháp gọi là duyên sanh, không có gì thật sinh ra, cũng không thật mất đi.

Con người sinh ra do hai yếu tố: Nghiệp và Nhân duyên

- Nghiệp là kết quả của hành vi (thân, khẩu, ý) từ quá khứ, theo ta như bóng với hình.
- Nhân duyên là sự gắn kết, nợ nần với người và cảnh khiến ta sinh vào hoàn cảnh, gia đình, vai trò cụ thể.
- Tất cả đều do vô minh, chấp ngã, ái ngã tạo ra chuỗi luân hồi.

Trí tuệ là yếu tố chuyển hóa nghiệp – và quyết định hướng đi sau cái chết

- Nghiệp tuy mạnh nhưng không tuyệt đối – có thể chuyển hóa bằng trí tuệ và sự tu tập.
- “Cây nghiêng về đâu thì ngã về đó” – đời sống nghiêng về thiện thì tái sinh vào cõi thiện.

- Người tu hành với tâm thanh tịnh có thể chủ động tái sinh bằng nguyện lực, như các vị Bồ Tát quay lại Ta Bà.

Mục đích thật sự của cuộc sống là gì?

- Không phải sống để hưởng thụ, làm ra tiền, lập gia đình, đạt danh vọng – những thứ này chỉ là huyễn cảnh.
- Cuộc sống không đơn thuần là tồn tại sinh học, vì cây cỏ, súc vật cũng có chu trình đó.
- Mục đích thật sự là: thấy rõ thực tướng các pháp, đoạn trừ vô minh, chấm dứt luân hồi.

Vô minh là gốc của luân hồi – nhưng không thể “thấy” trực tiếp

- Vô minh không có hình tướng, chỉ thấy được biểu hiện của nó: chấp ngã, tham ái, phiền não.
- Đức Phật dạy: “Chỗ nào có vô minh, chỗ đó có luân hồi”.
- Đối trị vô minh bằng trí tuệ – như ánh sáng xua tan bóng tối, chứ không cần tìm xem bóng tối đến từ đâu.

Tâm – huyễn hay thật?

- Tâm thường thấy (tham, sân, si, thương ghét...) là tâm duyên sanh – do cảnh mà sinh, nên như huyễn.
- Chân tâm không thể chỉ ra, không có hình tướng – “tìm hoài không thấy”, như lời ngài Huệ Khả.

- Biết được tâm là huyền thì sống giữa đời mà không vướng mắc vào đời.

Sống giữa đời mà không thuộc về đời

- Người có trí vẫn khóc khi người thân mất, nhưng không phải vì dính mắc, mà vì thấy khổ đau của chúng sanh.
- Người trí vẫn sống, vẫn làm, nhưng “làm mà không làm”, “giữ giới mà không cần cố giữ”.
- Vì không còn khởi tâm chiếm hữu hay chấp ngã nên không tạo nghiệp mới – chỉ trả nghiệp cũ.

Kết luận: “Duy tuệ thị nghiệp” – Chỉ có trí tuệ là sự nghiệp đích thực

- Không lấy tiền bạc, địa vị, gia đình làm mục đích tối hậu.
- Chỉ có trí tuệ là sự nghiệp đáng theo đuổi, giúp đoạn tận luân hồi và đạt giải thoát.
- Thực hành sống theo Bát Chánh Đạo và lời dạy căn bản.

Phật Pháp Vấn Đáp

Ngài Xá Lợi Phất, năm 16 tuổi đi tầm đạo. Khi ngài gặp Tỳ-kheo Mã Tịnh, thấy ngài ấy đi đứng rất là trang nghiêm, điềm đạm. Ngài Xá Lợi Phất bèn hỏi như thế này (vì là người tu nên không hỏi về sức khỏe hay hỏi về tiền bạc mà chỉ hỏi có hai câu): ⁽¹⁾ Ông tu pháp môn nào? ⁽²⁾ Đức Bốn Sư của ông là ai?

Ngài Tỳ-kheo Mã Tịnh đáp lời: *Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt, Đức Bốn Sư của chúng tôi, vẫn thường dạy như thế.*

Sau khi nghe xong bốn câu này từ ngài Mã Tịnh, ngài Xá Lợi Phất lập tức chứng Tu Đà Hoàn, bước vào dòng Thánh. Tại sao chỉ nghe “*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt, Đức Bốn Sư của chúng tôi, vẫn thường dạy như thế*” mà ngài Xá Lợi Phất lại bước vào dòng Thánh? Tại vì chính ngay chỗ ấy, ngài Xá Lợi Phất đã liễu tri được thực tướng của các pháp, các pháp đều do duyên sanh, hễ có đủ duyên thì nó hiện tướng ra và hết duyên thì cái tướng biến đi thôi nhưng cái tánh nó không thay đổi.

Ví dụ như nước. Nước thì vốn là lạnh, là ướt, là mát. Nước có bao nhiêu thể: Thể lỏng thì là biển, là sông; thể cứng là đá, đóng băng; thể khí thì bay lên, bốc hơi. Nhưng ở trong nước bốc hơi, hay trong nước đóng băng,

hay trong nước lỏng thì tánh nước có khác không? Tánh nước thì bản chất của nó vẫn là $H_2 + O = H_2O$, không có thay đổi. Nên, chúng ta chỉ nói tới cái lý thì chúng ta sẽ kẹt; chúng ta nói tới cái sự thì chúng ta cũng kẹt; mà chúng ta nói có - nói không thì chúng ta cũng kẹt; tại vì nước ở trong thể cứng, hay trong thể khí, hay trong thể lỏng, thì nó khác nhau về tướng nhưng về tánh thì nó là H_2O , chẳng có chỗ nào khác nhau hết.

Bởi vì nghe được “*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt*”, ngài Xá Lợi Phất lập tức bước vào dòng Thánh. Vì ngài biết rằng các pháp đều do duyên, mà hễ do duyên thì như huyễn. Hai tháng sau, sau khi nghe được câu ấy, ngài Xá Lợi Phất gia nhập vào Tăng đoàn của Đức Từ phụ. Hai tháng sau, chỉ nghe một câu nữa ngài Xá Lợi Phất chứng quả A La Hán trong cuộc đối thoại giữa Đức Thế Tôn và ngài Phạm Chí Trường Trảo.

Ngài Phạm Chí Trường Trảo là đại biện luận, là cậu của ngài Xá Lợi Phất, thông đạt tới 18 bộ kinh điển. Ngài đến gặp Đức Thế Tôn và hỏi một câu như thế này: “*Này Cù-đàm, kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?*” (tức là không thọ, không chấp các pháp thì ông nghĩ sao?). Đức Thế Tôn vì có tâm từ, Ngài quán xét nhân duyên vì biết rằng ông này - ngài Phạm Chí Trường Trảo - chỉ cần “đánh cho một đòn” là khai mở, là ông ấy ngộ ra ngay, nên Đức Thế Tôn hỏi lại: “*Nhưng mà kẻ ấy có*

thọ cái kiến chấp là mình không thọ các pháp hay không?”.

Tại sao thế? Vì ông Phạm Chí Trường Trảo đến gặp Đức Thế Tôn nói rằng: *Kẻ không thọ các pháp thì ông Cù-đàm nghĩ sao?* Có nghĩa là ở trong ông Phạm Chí Trường Trảo đã có một cái pháp - mà pháp ấy tên là “Không thọ”, chỗ này mới là kẹt đây. Nói rằng không thọ nhưng thực sự là “có một cái pháp”, pháp này tên là “Không thọ”, mà hễ có cái pháp thì rớt lại bài toán đầu tiên mà ngài Xá Lợi Phất nghe Tỳ-kheo Mã Tịnh nói “*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt*”. Nghĩa là, nếu mà có cái pháp - tên của nó là “Không thọ” thì cái pháp ấy cũng là như huyễn, không thực.

Bí mật là chỗ này. Khi nghe câu hỏi lại của Đức Thế Tôn: *Nhưng mà kẻ ấy có thọ cái kiến chấp là mình không thọ các pháp hay không?* Thì ngay lập tức ngài Phạm Chí Trường Trảo giống như con chiến mã thấy bóng roi đi đúng đường; khi đang ngồi trên ghế thì lập tức tụt xuống dưới đất liền; bí quá không biết trả lời câu hỏi của Đức Thế Tôn như thế nào; cho nên mới nói lại như thế này: “*Nếu như kẻ ấy cũng không thọ cái kiến chấp là mình không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?*”. Ngay chỗ này giống như chiến mã thấy bóng roi, Đức Thế Tôn đáp: “*Nếu kẻ ấy không thọ cái kiến chấp là mình không thọ*

các pháp thì nhân - ngã bình đẳng; người và Ta bằng nhau, hà có gì mà người lại đây cống cao ngã mạn?”.

Như vậy, đầu tiên ngài Xá Lợi Phất gặp ngài Tỳ-kheo Mã Tịnh và được nghe nói rằng “Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt”, có nghĩa là phá cái chấp, có cái pháp “Chấp Pháp”, ngay chỗ đó bị phá vỡ. Và khi ngài Phạm Chí Trường Trảo tới gặp Đức Thế Tôn chất vấn là rằng có cái pháp là pháp “Không thọ”, thì Đức Từ Phụ mới phá luôn cái chấp thứ nhì - Đó là “kiến chấp”. Kiến chấp rằng là có một cái pháp, pháp này tên là “không thọ”. Trong suốt cuộc đối thoại, ngài Xá Lợi Phất đứng sau lưng hầu Đức Phật, đã nghe được cuộc đối thoại này và lập tức chứng đắc A La Hán.

Tại sao ngài chứng đắc A La Hán? ⁽¹⁾ Ngài phá được cái ngã chấp; ⁽²⁾ Ngài phá được cái pháp chấp; ⁽³⁾ Ngài phá luôn được kiến chấp. Chấp rằng có cái điều ta thấy là đúng, chấp rằng có cái điều ta thấy là trường tồn, chấp rằng có cái điều mà ta thấy; mà thực sự ra các cái điều ấy là duyên sanh, là như huyễn. Như huyễn không có nghĩa là không có, nó có thực đấy nhưng mà nó là do duyên sanh.

Ví như: Vợ, chồng, con cái, cha, mẹ, anh, em... đều do nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp, nên sanh ra gặp nhau, oan oan tương báo từ bao đời bao kiếp cho nên gặp nhau; mà những cái oan oan tương báo ấy là gì? Đề

là giả, đều là như huyễn, đều là không thực; mà vì rằng chấp nó có cho nên quay trong ba cõi sáu đường, sanh sanh - tử tử, gặp nhau để trả - để vay, cứ hết vay rồi trả, hết trả rồi vay... mà vì chỗ vô minh cho nên không thấy được thực tướng của cái oan oan tương báo ấy chỉ là huyễn; duyên sanh thì như huyễn, vì chấp nó có thực cho nên là cứ đòi - cứ vay, hết vay rồi tới đòi, mà hễ đòi dư thì đâm ra là vay... Cứ như vậy sanh tử luân hồi trong ba cõi sáu đường. Đầu thai làm quyến thuộc của nhau trong vô lượng kiếp vì cái chỗ vô minh. Bởi vậy, Đạo Phật mới nói “Duy tuệ thị nghiệp” khi thấy rõ thực tướng của các pháp thì lập tức “cái nhà nghiệp” nó gãy đổ, nó không thể nào xây được nữa. Tại vì nó chỉ xây dựng được từ chỗ căn bản là vô minh, từ chỗ huyễn, từ chỗ không thực, nhưng vì chấp, chấp nó là có thực nên mắc kẹt ở chỗ này. Vì chấp nó là thực nên hễ vay thì muốn trả, mà hễ cho vay thì muốn đòi... cứ như thế mà làm quyến thuộc của nhau trong vô lượng kiếp, không thoát ra khỏi.

Trong Kinh Pháp Cú có đoạn:

*“Lấy ân báo oán thì oán tiêu tan
Lấy oán báo oán thì oán chấp chùng”.*

Tại sao Đức Thế Tôn lại dạy chúng ta như vậy? Chuyện là có hai người phụ nữ tiền kiếp cùng lấy chung một chồng; rồi vì ghen tuông nên người vợ lớn khi biết

người vợ nhỏ mang thai là ra tay hãm hại, phá thai của người vợ nhỏ; và vì cái ân oán đó mà hai người hận thù nhau, thề nguyện rằng: Trong những kiếp sau này, hễ người này đầu thai thì người kia cũng đầu thai để triệt hạ nhau; ví như một người đầu thai làm chuột thì người kia đầu thai làm mèo, để tìm đúng con chuột đó mà ăn cho hả giận và cứ như thế suốt 500 kiếp không thoát ra khỏi sanh tử luân hồi.

Tại sao lại như thế? Tại vì vô minh mà bị cuốn vào sanh tử luân hồi suốt 500 trăm kiếp, không thoát ra khỏi. Mãi đến thời của Đức Phật, Ngài thương xót nên giảng dạy cho hai vị này: Vì các người vô minh, không biết duyên sanh đó là huyễn, cứ chấp vào đấy, cho nên mới ân oán; chấp vào đấy và cho rằng cái đấy là của ta, là chồng của ta, con của ta và nếu người động tới chồng ta, con ta thì ta sẽ thanh lý người... Và cứ như thế chìm nổi suốt 500 kiếp trong sanh tử luân hồi. Và bây giờ biết được cái tự ngã vốn là không, tự ngã vốn là thanh tịnh, nó là không có thực.

Trong bài Kinh Vô Ngã Tướng, Đức Thế Tôn thuyết giảng cho 5 anh em của ngài Kiều Trần Như sau 05 ngày thuyết bài Kinh Tứ Diệu Đế, Đức Thế Tôn đã nói rất rõ: Thực tướng của các pháp vốn là như thế, tự tánh của nó vốn là không, là vô ngã tướng, là như huyễn. Đói thì ăn,

khát thì uống, cái thân nó là như thế, cho nên nó như huyền, cho nên, việc mình làm cũng là như huyền.

Quý vị nghĩ không ăn thì chết không? Cho nên, tới bữa thì phải ăn đúng không? Nếu quý vị nghĩ như thế là chấp. Ngày chúng tôi mới đi tu, đọc trong kinh: Đức Thế Tôn phát nguyện ngồi dưới gốc cây Bồ Đề suốt 49 ngày, chúng tôi khởi tâm nghi ngờ và nghĩ rằng: Làm gì có chuyện ấy, đó chỉ là huyền thoại; có ai mà ngồi bất động dưới gốc cây 49 ngày mà không ăn, không uống, không đi vệ sinh mà có thực đâu? Vậy, chỉ có thể là huyền thoại do người ta đặt ra như thế mà thôi. Thú thật với quý vị là khi mới đi tu, chúng tôi nghĩ như thế đấy. Nhưng khi sư phụ của chúng tôi, Ngài ngồi suốt 30 ngày không nhúc nhích, không đứng dậy thì lúc bấy giờ, chúng tôi mới sám hối, chúng tôi mới rút nước mắt và chúng tôi nói rằng: Xin cho chúng con sám hối cùng Chư Phật mười phương, chúng con vì ngu muội, tâm tánh chúng con còn ích kỷ, còn mê mờ; cho nên chúng con không thấy điều đó là có thực; chúng con cứ nghĩ rằng những điều trong kinh sách nói là huyền thoại; cho tới khi chính bản thân chúng con thể nghiệm thì chúng con mới biết rằng Chư Phật nói hoàn toàn chưa hề hư dối; ba đời mười phương Chư Phật chưa hề hư dối, nói là điều đó và cho đến ngày hôm nay, chúng tôi vẫn rút nước mắt vì đã nghi ngờ ngay từ đầu việc này.

Trong câu chuyện con Rùa và con Cá, Con rùa bò lên trên bờ đi chơi và khi về dưới nước, nó kể cho con Cá nghe những cảnh mà Rùa thấy được khi lên bờ chơi. Nào là hoa tươi, là nắng ấm, cây cỏ xanh tươi, đất trên bờ thì cứng, có con người đi qua đi lại... đủ các thứ. Sau khi nghe Rùa kể như thế, Cá nói: *Rùa ơi, mày nói dối; nếu đất mà không lỏng lẻo, ướt ướt như thế này thì làm sao mà sống được; nếu nó không như thế này... nếu nó không như thế kia... thì làm sao sống được.* Con Rùa cố giải thích hoặc nói cách gì đi chăng nữa thì con Cá vẫn không tin vì Cá chưa thấy, chưa lên bờ lần nào.

Điều con Cá không thấy không có nghĩa là không có. Đây mới là điều chúng ta cần lưu tâm. Cho nên, nhiều điều được ghi chép trong kinh điển do chúng ta không thấy, chúng ta không biết nhưng không có nghĩa là những điều ấy không có. Chỉ có những người nào thể nghiệm thì mới biết được mà thôi. Con Rùa sau khi lên bờ dạo chơi về kể lại những cảnh đẹp trên bờ cho con Cá nghe nhưng Cá đâu có tin những điều Rùa nói, tại vì con Cá đâu có trực tiếp thấy đâu. Cũng như thế, chúng sanh khởi tâm nghi ngờ, cho nên trong Kinh Pháp Hoa, Đức Thế Tôn khi nói tới pháp đề tu thành Phật, nói tới Niết-bàn chỉ là thành giả thì ngay lập tức 500 vị A La Hán bỏ đi, không có nghe. Kinh chỉ nói ỏn dứ thôi, có

dịp đủ duyên chúng tôi sẽ nói Kinh Pháp Hoa, nói rõ cho quý vị biết 500 vị ấy là gì.

Ở câu chuyện đầu tiên, ngài Xá Lợi Phất đã bước vào dòng Thánh khi nghe 4 câu của ngài Tỳ-kheo Mã Tịnh nói “*Vạn pháp do duyên sanh. Vạn pháp do duyên diệt*”. Và ngài Xá Lợi Phất chứng đắc A La Hán khi đứng sau lưng hầu Đức Phật trong suốt cuộc đối thoại với ngài Phạm Chí Trường Trao - thọ kiến chấp, tức là ngài đã phá được ngã chấp, pháp chấp và kiến chấp. Khi đã phá được ba cái ấy, nhìn rất rõ thực tướng của các pháp, không vướng mắc nữa, cho nên ngài chứng đắc A La Hán.

Đó là “như thị” - nói có cũng sai, mà nói không có cũng sai, là vướng vào lý luận, vướng vào hý luận và sẽ không đưa tới giải thoát rốt ráo, không đưa tới liễu tri. Câu chuyện như thế này:

Vào một buổi tối, Đức Thế Tôn và ngài Xá Lợi Phất đứng bên bờ sông ngắm trăng, trăng thanh gió mát rất đẹp. Ngài Xá Lợi Phất trình với Đức Phật: “*Bạch Đức Thế Tôn, tội nghiệp thay... tội nghiệp thay cho chúng sanh mê muội vì không biết rằng bóng trăng là không thực, cho nên chúng sanh cứ lao đầu vào dòng sông mê, đi tìm vớt bóng trăng để rồi bị chết đuối trong dòng sông mê ấy mà không biết rằng bóng trăng đó là không có thực*”. Quý vị lý luận cũng như thế đấy, quý vị đang đi vớt bóng trăng; quý vị hý luận, quý vị cũng như thế đấy;

nói có, quý vị cũng vớt bóng trăng, mà quý vị nói không là quý vị cũng đang vớt bóng trăng. Vớt bóng trăng để chết đuối trong dòng sông mê, nói rằng mình có, nói rằng mình không, nói rằng vạn vật đều có, nói rằng vạn vật đều không thì cũng là chấp pháp, giống y như ngài Phạm Chí Trường Trảo chấp cái pháp mà pháp ấy gọi là “Không thọ”.

Đức Thế Tôn, sau khi nghe ngài Xá Lợi Phất nói, Ngài nói như thế này: *“Cũng tội nghiệp thay... tội nghiệp thay cho những kẻ không biết thưởng thức ánh trăng đêm nay”*. Trăng thanh gió mát thì đáng lẽ thầy trò cùng ngắm trăng, đơn giản như thế thôi; hà có gì ngài Xá Lợi Phất - vị đã liễu tri được thực tướng của các pháp - lại nói lên điều vừa nêu ở trên *“Tội nghiệp thay... tội nghiệp thay cho chúng sanh mê muội vì không biết rằng bóng trăng là không thực, cho nên chúng sanh cứ lao đầu vào dòng sông mê, đi tìm vớt bóng trăng để rồi bị chết đuối trong dòng sông mê ấy mà không biết rằng bóng trăng đó là không có thực”*. Qua đó thấy rằng: Ngài Xá Lợi Phất vẫn còn chấp là có chúng sanh, ngài Xá Lợi Phất chấp rằng có dòng sông mê, ngài Xá Lợi Phất chấp rằng có bóng trăng. Trong khi đó, Đức Thế Tôn đã buông được các cái chấp của các pháp rồi. Ngài nhìn thấy nó như thế, rõ ràng: Bóng trăng là bóng trăng, có chúng sanh nào đâu, chẳng qua chúng sanh là do duyên sanh, là như huyễn, nó đâu

có thực. Chúng sanh bên ngoài hay chúng sanh bên trong tâm đều do hòa duyên nên thành hình. Vạn pháp do duyên sanh. Chúng sanh ở trong chúng ta, trong tâm chúng ta cũng lộn xộn là vì do cái duyên sanh, do căn - trần - thức giao thoa thì nó sinh ra chúng sanh lộn xộn. Chúng sanh phiền não trong tâm chúng ta do căn - trần - thức mà thôi, ba thứ này là không thực.

Chúng sanh bên ngoài là gì? Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rất rõ: Do tình và tưởng, sanh ra từ các chúng sanh từ thấp sanh, hóa sanh cho tới trứng, cho tới người... đều do tình và tưởng, tức là không thực. Vậy tại sao lại chấp rằng có chúng sanh, chúng sanh đó lao đầu vào trong dòng sông để vớt bóng trăng? Như vậy chẳng lẽ nào tất cả những thứ ấy đều có thực hay sao? Cho nên, “*Như thị... như thị...*” là như thế. Vì thế, Đức Thế Tôn mới nói với ngài Xá Lợi Phất: “*Cũng tội nghiệp thay... tội nghiệp thay cho những kẻ không biết thưởng thức ánh trăng đêm nay*”. Ngụ ý rằng: Ngài Xá Lợi Phất đừng nói chi tới chuyện chúng sanh, nói chi tới cái chuyện mê - ngộ, nói chi chuyện bóng trăng... những chuyện ấy nó là “*như thị... là như thế*”, có gì đâu mà thắc mắc.

Có một ông Thiền sư tu ở gốc cây. Trong suốt 3 năm, có bà lão cứ tới mỗi buổi trưa là sai cháu mình đến cúng dường cơm cho vị Thiền sư này. Và để biết vị này tu học tới đâu, bà lão mới thử vị này và bảo cháu mình rằng:

Trưa mai khi mang cơm đến cúng dường, con hãy ôm vị Thiền sư này. Người cháu nghe lời bà dặn, trưa hôm sau đến dâng cơm và ôm lấy vị Thiền sư này. Vị này khi bị ôm, đã nói như thế này: *Như cây khô mọc trên tảng đá, giữa mùa đông*. Ý của vị này là bây giờ mình như cây khô mọc trên tảng đá thì nó không có đất, giữa mùa đông thì nó lạnh lẽo, có nghĩa là giờ đây vị này hết xúc động rồi. Bà lão nghe cháu kể lại sự việc như vậy, bèn đến đốt cái chòi và đuổi vị Thiền sư này đi: *Ta uống cơm cúng dường ông suốt 3 năm, ai ngờ ông tu mà không còn có xúc cảm nữa thì làm sao mà thành Phật được*. Vị này đi một thời gian, rồi quay trở lại nơi này và cất lại cái chòi để tu tiếp. Bà lão thấy vậy, vẫn bảo đứa cháu mang cơm cúng dường và sau một năm lại tiếp tục thử vị Thiền sư này, bảo đứa cháu: *Con hãy ôm vị này lần nữa xem sao*. Lần này, vị Thiền sư sau khi bị ôm thì nói rằng: *Chuyện này chỉ có cô biết, tôi biết, đừng cho bà lão đó biết*.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Chúng tôi mượn câu chuyện, hy vọng cống hiến cho quý vị một đóa hoa thơm trên chặng đường tu học. Mong quý vị lấy đóa hoa thơm làm hành trang. Trong đóa hoa thơm có nắng, có gió, có cả khung trời, có cả tình yêu, có cả nhân loại, có cả con mắt, có cả cái nhìn... trong hoa đóa ấy. Quý vị hãy nghĩ rằng: Hoa cũng biết

cười với quý vị... hoa không phải vô tình. Nếu quý vị thấy được thực tướng của các pháp là đồng một thể với mình thì ở ngay chỗ ấy là “như thị... như thị...”; còn nếu quý vị khởi tâm phân biệt là có hoa, có cảnh, có người thì lập tức có nhân, có ngã và có phiền não.

Câu hỏi: Với những vị có tu học, có học pháp, nghe pháp và hiểu pháp, biết thân này là duyên sanh là như huyễn, nhưng tại sao phần đông chúng sanh vẫn dính mắc vẫn bám vào danh, vào lợi, vào tham dục, vào sắc tướng... Xin Giảng sư chỉ dạy cho đạo tràng pháp hành, cách nào để không vướng mắc vào những thứ ấy.

Trả lời: Chúng tôi xin phép được chia sẻ kinh nghiệm tu học của chúng tôi đến quý vị; hy vọng giống như hương hoa pháp giúp quý vị có được lợi lạc.

Trong Kinh Nikaya, bài pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy mà chúng tôi rất là tâm đắc, đó là bài pháp: “Không có pháp nào”, Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Không có cái pháp nào thù thắng cho bằng người hành giả luôn trong từng sát na quán chiếu nơi tâm mình; khi một niệm sanh ra, ta biết nó vừa sanh; khi một niệm vừa diệt, ta cũng biết nó vừa diệt”*.

Khi một niệm sanh ra, ta biết nó vừa sanh, khi một niệm vừa diệt, ta cũng biết nó vừa diệt; luôn luôn quán chiếu trong tâm của mình trong từng sát na, không rời

bỏ nó. Nếu có một niệm hỷ sanh ra, cũng biết có niệm hỷ vừa sanh; nếu có niệm tham vừa sanh ra, biết có niệm tham vừa sanh và nếu cái niệm tham vừa diệt thì cũng biết luôn, cái niệm tham ấy vừa diệt và như lời dạy của Đức Thế Tôn thì không có pháp nào thù thắng cho bằng cái pháp này.

Tại sao thế? Vì khi ta luôn luôn quán chiếu nó thì nó thanh tịnh, tự nhiên nó mất. Cũng như ngài Huệ Khả khi rồi rắm cái tâm, hỏi Tổ Đạt Ma: “*Thưa thầy, tâm con không an*”, thì Tổ đáp: “*Lấy cái tâm con ra đây, Ta an cho*”. Tìm nó soi nó thì nó biết mất. Cũng như thế, nếu người hành giả luôn luôn thực hành cái pháp đã được Đức Thế Tôn dạy, luôn luôn quán chiếu, thì ngay lập tức là nó biến mất, vì nó là không thực, cho nên khi quán chiếu, mà nhìn thấy nó là nó biến mất. Trong từng sát na phải luôn luôn quán chiếu như vậy. Đó là pháp hành. Và vì thấy rõ thực tướng của các pháp, cho nên làm mà không vướng mắc. Ví như ăn thì vẫn ăn, nói thì vẫn nói và cũng không sợ hậu quả của việc mình nói theo Chánh Pháp. Ngày xưa, có ai dám nói Đức Thế Tôn không có tâm từ? Ngài có tâm từ từ vô lượng kiếp, không ai bị được nhưng đến khi cần nói thì Ngài vẫn nói. Khi Ngài nói chân lý rồi thì 62 vị đại biện luận của Bà-la-môn thổ huyết chết.

Tại sao khi Đức Phật nói mà 62 vị đó thổ huyết mà chết? Và Đức Phật, Ngài biết điều đó, nhưng vì 62 vị này chấp: Chấp pháp. Nên khi Ngài nói cho người ta liễu tri thì việc vẫn phải nói, giống như thầy thuốc biết bệnh của bệnh nhân, biết nó bệnh cỡ đó thì cần phải kê đơn thuốc tới cỡ đó thôi. Cũng có khi, Ngài nói dễ ngọt, có khi Ngài đưa ví dụ, có khi Ngài chỉ thẳng, có khi Ngài “đánh đòn” bằng tâm lý cho người đó được liễu tri.

Câu chuyện giữa Đức Phật và ông nài ngựa, Ông nài ngựa nói có 4 loại ngựa: ⁽¹⁾ Với loại ngựa chiến mã thì chỉ cần lấy bóng roi trên mặt đất, nó đã biết đường đi đúng; ⁽²⁾ Có loại ngựa thì cần phải dành thời gian huấn luyện thì nó sẽ đi đúng; ⁽³⁾ Có loại ngựa thì cần phải dùng roi, cây nhọn chích vào mông nó thì nó mới chịu chạy đúng đường; ⁽⁴⁾ Là loại ngựa bất khả dụng - không thể huấn luyện được, không thể xài được thì với loại này chỉ có thể đem giết thịt mà thôi.

Đức Thế Tôn cũng nói rằng: Tỳ-kheo đệ tử của Đức Thế Tôn cũng có 4 bốn loại: ⁽¹⁾ Có người thì chỉ cần giơ ngón tay lên là đã hiểu được ý rồi vì những vị này đã có công phu tu tập từ vô lượng kiếp, cho nên tâm thông tâm, giống như việc Đức Thế Tôn cầm bông hoa giơ lên thì ngài Ma-ha-Ca-diếp liễu tri, lập tức mỉm miệng cười - “niêm hoa vi tiếu”; ⁽²⁾ Có người thì phải huấn luyện; tức là phải lấy giới luật ra để dạy, để nói cho các pháp

như thế này, giới luật như thế này thì những vị ấy nương theo ấy mà tu học. Nương theo giáo pháp, giới luật của Đức Phật dạy để mà hành trì; ⁽³⁾ Nhóm đệ tử thứ 3 là phải “đánh đập”, phải dùng đủ phương tiện để giảng dạy, hướng dẫn thì các vị ấy mới chịu nghe; phải đưa ra giới luật và phải trừng phạt, khai trừ ra khỏi Tăng đoàn; ⁽⁴⁾ Là những đệ tử mà cho dù có nói gì cũng không được. Ví dụ như câu chuyện độ bà già giữa chợ: Dù Đức Thế Tôn có thị hiện như thế nào thì bà lão vẫn nhắm mắt, không thể độ cho bà lão này được; mà phải đợi ngài La-hầu-la mới độ được cho bà lão; tại vì giữa bà lão và ngài La-hầu-la có nhân duyên với nhau. Những vị đệ tử thuộc loại này của Đức Thế Tôn cũng như thế, cho nên Ngài nói: “*Đạo Phật không thể độ được người vô duyên*”.

Như chúng ta trong Đạo tràng này, vì có nhân duyên chúng ta đã từng tu tập trong kiếp trước, chúng ta đã từng tu tập trong Đạo tràng nào đó của một vị chư Phật nào đó nên hôm nay chúng ta cùng tu học, cùng học hỏi, cùng chia sẻ trong Đạo tràng ngày hôm nay - “*Vạn pháp do duyên sanh*”, “*Phàm việc gì sanh ra trên đời đều có nhân duyên*”. Đó là lời dạy của Đức Phật và chư Phật mười phương ba đời chưa hề hư dối.

Câu hỏi: Như Giảng sư chia sẻ: Khi một niệm sanh ra, ta biết nó vừa sanh; khi một niệm vừa diệt, ta cũng biết

nó vừa diệt. Đó có phải là vị ấy có chánh niệm...có phải khi đó đạt được “Nhất tâm bất loạn”?

Trả lời: Cảm ơn câu hỏi của quý vị vừa nêu. Chúng tôi rất hoan hỷ khi quý vị đặt câu hỏi để chúng tôi biết quý vị đang suy nghĩ điều gì.

Như chúng ta đã học, vạn pháp là như huyễn, nó là không thực; nhưng mà nó không phải là huyễn, là không có. Nó là như huyễn thôi, tại vì cái bề tướng nó là như thế nhưng mà cái tánh của nó là do duyên sanh; cho nên thấy được rõ các mối chẳng chịt nhân duyên như thế thì chúng ta mới thấy rõ được thực tướng của các pháp.

Đức Phật Thích Ca nói rằng: Ở cõi Phương Tây, cách 18 muôn vạn dặm, 18 muôn vạn quốc độ, có 1 Đức Phật tên là A Di Đà, cõi đây là cõi Cực Lạc. Thế thì, tất cả chỉ là phương tiện để dẫn dắt cho quý vị nhìn thấy cái bản tâm của mình, trong tâm đã có Phật. Nếu quý vị khởi lên một niệm, mà niệm này là Phật, trụ vào đây mà nhất tâm bất loạn thì ngay ở chỗ ấy, rớt vào chỗ vô niệm. Nói là 1 niệm nhưng khi nhất tâm bất loạn thì lập tức rớt vào trong cái vô niệm, tức là trụ vào trong chỗ không trụ - “Ứng vô sở trụ” của Kinh Kim Cang. Trong kinh Kim Cang nói “Ứng vô sở trụ” mà ngài Huệ Năng chỉ nghe được câu ấy mà liễu tri. Thế thì, cái chỗ gọi là “Ứng vô sở trụ” hay chỗ gọi là “Nhất tâm bất loạn” là dùng ngôn từ, tá danh mà nói thế thôi. Còn nếu quý vị

chấp là có một cái niệm để rồi “Nhất tâm bất loạn” thì ngay cái chỗ có một niệm ấy đã là “Niệm” - tức là vọng tưởng điên đảo. Khi nào tâm vắng bật, không một niệm thì trí tuệ mới phát sinh. Đây chỉ là phương tiện thôi.

Câu hỏi: Xin Giảng sư cho biết sự khác biệt của Chơn không Niết-bàn và Niết-bàn của Chư Phật?

Trả lời: Kính thưa quý vị, nếu nói theo chữ nghĩa là nó có khác nhưng mà thực tướng của nó thì chẳng có gì khác hết. Trong Kinh Pháp Hoa - Phẩm Hóa Thành, Đức Thế Tôn đã từ bi, khai thị cho chúng sanh, Ngài nói rất rõ: Niết-bàn là thành giả, ông trưởng giả dẫn một đoàn đi buôn vì thấy đoàn người đi buôn mỗi mội, cho nên giữa đường ông phải hóa ra Hóa Thành và nói rằng: Vào đó ăn uống, nghỉ ngơi đi, rồi tiếp tục đi nữa.

Thế thì, cái Hóa Thành ấy gọi là Niết-bàn. Niết-bàn ấy chỉ là thành giả, là nơi tạm dừng chân cho những người hành giả. Nếu nói rằng: Các con tu đi để thành Phật thì e rằng sẽ không có chúng sanh nào dám tu hết; vì e ngại căn cơ chúng sanh không có, tâm địa chúng con nhỏ nhen, phước đức chúng con mỏng, trí tuệ cũng không... mà nói tu để thành Phật thì xa vời quá, chúng con không tu nổi đâu.

Cũng như thế, trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Thế Tôn mới nói có cái thành, cái thành ấy gọi là Niết-

bàn, tới đi, ăn uống nghỉ ngơi. Nhưng khi đã nghỉ ngơi rồi thì Đức Thế Tôn lại nói tiếp: *Đây chỉ là cái thành ta hóa ra mà thôi, thành này không có thực, các con hãy cố đi tới, đi tới để tìm ra cái chơn tâm của mình.* Ấy là chơn tâm thường trụ, ấy là Phật tánh. Tu để thành Phật, chứ không phải tu để vào Niết-bàn vì Niết-bàn chỉ là thành giả, là hóa thành mà thôi đã được Đức Thế Tôn nói rất rõ trong Kinh Pháp Hoa. Trong Kinh Vô Ngã Tướng - Kinh Nikaya; Đức Thế Tôn cũng ngầm ám chỉ ở trong ấy và trong kinh Kim Cang - “Ung vô sở trụ, Nhi sanh kỳ tâm” - Ở nơi không vướng mắc, không trụ vào cái gì cả. Tại sao lại nói là không trụ vào cái gì cả? Tức là có cái gì để mà không trụ ư? Chẳng qua, văn tự mà nói như thế thôi. Chẳng qua “Ung vô sở trụ” tức là không trụ, không vướng mắc vào cái gì cả là thì Tâm Phật sẽ hiển lộ.

Nếu mà người không suy cho kỹ kéo rớt vào hý luận. Suy cho kỹ thì đừng có dính mắc vào các pháp vì các pháp vốn nó là như thế, nó là như huyễn, tức là có hình tướng như thế, có duyên nợ như thế, có cha có mẹ, có anh chị em, có vợ, có chồng..., nhưng các thứ ấy thì đều là như huyễn. Vì là có duyên sanh cho nên mới gặp nhau, chúng sanh trong vô lượng kiếp đều là quyến thuộc của nhau. Chúng ta là Phật tử khi quán chiếu lời dạy của Đức Thế Tôn thì chúng ta thấy nó cũng đúng như thế thôi. Nó là như huyễn, nhưng mà không phải nó

là huyễn. Nếu nó là huyễn tức nó là không, chấp có chấp không đều kẹt. Tại vì chấp có thì vướng vào không, chấp không thì vướng vào có, các pháp đều là “Nhu Thị”.

Trong Kinh Duy Ma Cật đã nói rất rõ khi ngài Tu Bồ Đề đi khát thực, tới gặp ngài Duy Ma Cật thì được ngài Duy Ma Cật bới chén cơm đầy, nói: *“Ông là người hành giả tu hành theo Phật thì ông phải hiểu rõ thực tướng của các pháp thì ông mới xứng đáng được ăn chén cơm này”*. Chén cơm này là sao? Cơm là pháp, pháp là cơm; cơm pháp đều bình đẳng. Ý ngài nói cái gì đây? Có phải nói miếng ăn không? Quý vị đừng để mình bị kẹt vào pháp hữu vi khi nghĩ rằng một Ngài ấy đang nói về miếng ăn. Còn nếu quý vị nghĩ hai Ngài ấy nói về cái chân lý, tức là quý vị bị kẹt vào cái vô vi. Hữu vi - vô vi đều kẹt vướng, thì như vậy nó không phải cái pháp bất nhị. Pháp bất nhị là ở nơi ngôn ngữ cũng vắng bật, chỉ thăm thăm kể ngộ mà thôi.

Chấp Ngã, Chấp Pháp và Kiến Chấp là 3 cái quan trọng, quý vị cần chú tâm trong quá trình tu học của mình.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

LOTUS WISDOM



WEBSITE: WWW.TUETAM.INFO

YOUTUBE: ĐẠO PHẬT VÀO ĐỜI

May those having opportunity to hear, understand, and practice the buddha's teachings correctly be liberated from suffering in this fleeting human life. I dedicate all the merit from these blessings to the liberation of all beings throughout the Dharma realm.

Nguyện cho người có duyên được nghe, hiểu và hành đúng lời phật dạy để được giải thoát khỏi khổ đau trong kiếp nhân sinh ngắn ngủi. Xin hồi hướng tất cả phước lành này cho sự giải thoát của mọi chúng sanh trong khắp pháp giới.

ẤN TỔNG LƯU HÀNH NỘI BỘ